



HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KINH TẾ SỐ

LỚP IS49A02

**Tài liệu xác định yêu cầu hệ thống
(Functional Requirement Document)**

<DỰ ÁN SỐ 01>

<Hệ thống quản lý và bán hàng của cửa hàng Cartier>

Phiên bản: 1.0

Ngày: 10/05/2024

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| MỤC LỤC | i |
| DANH MỤC HÌNH ẢNH..... | iii |
| CÁC PHIÊN BẢN VÀ LỊCH SỬ PHÊ DUYỆT | 1 |
| 1. THÔNG TIN DỰ ÁN..... | 2 |
| 2. TỔNG QUAN..... | 3 |
| 3. CÁC BÊN LIÊN QUAN | 4 |
| 4. TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ..... | 5 |
| 5. TỔNG QUAN DỰ ÁN..... | 7 |
| 5.1. Tổng quan và Cơ sở dự án..... | 7 |
| 5.2. Các dự án liên quan | 8 |
| 5.3. Các bên liên quan | 8 |
| 6. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ RÀNG BUỘC CHÍNH..... | 9 |
| 6.1. Các giả định..... | 9 |
| 6.2. Các ràng buộc: | 9 |
| 7. CÁC YÊU CẦU NGHIỆP VỤ | 13 |
| 7.1. Các yêu cầu chung/cơ bản | 13 |
| 7.2. Các yêu cầu về bảo mật | 17 |
| 7.3. Các yêu cầu về báo cáo | 19 |
| 7.4. Các yêu cầu về khả năng sử dụng | 21 |
| 7.5. Các yêu cầu về kiểm toán..... | 22 |
| 8. CÁC YÊU CẦU VỀ CHỨC NĂNG | 25 |
| 8.1. Quy trình tổng quát..... | 25 |
| 8.2. Các ca sử dụng (Use Cases) | 37 |
| 8.2.1. Biểu đồ ca sử dụng | 37 |
| 8.2.2. Mô tả ca sử dụng | 37 |
| 8.2.3. Thiết kế giao diện đơn giản | 62 |
| 9. CÁC YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG | 147 |
| 10. CÁC YÊU CẦU TRIỂN KHAI | 155 |

| | |
|---|-----|
| PHỤ LỤC | 156 |
| Phụ lục A – Danh mục các quy tắc nghiệp vụ..... | 156 |

DANH MỤC HÌNH ẢNH

| | |
|---|----|
| Hình 1. Biểu đồ mô tả quy trình nhập hàng | 25 |
| Hình 2. Biểu đồ mô tả quy trình bán hàng tại cửa hàng..... | 26 |
| Hình 3. Biểu đồ mô tả quy trình bán hàng qua mạng xã hội..... | 28 |
| Hình 4. Biểu đồ mô tả quy trình mua hàng qua mạng xã hội..... | 30 |
| Hình 5. Biểu đồ mô tả quy trình mua hàng thông qua trang web | 32 |
| Hình 6. Biểu đồ mô tả quy trình thanh toán | 33 |
| Hình 7. Biểu đồ mô tả quy trình quản lý hàng tồn kho | 35 |
| Hình 8. Biểu đồ ca sử dụng | 37 |
| Hình 9. Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên | 62 |
| Hình 10. Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên - Thiếu thông tin | 64 |
| Hình 11. Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên - Đăng ký thành công | 66 |
| Hình 12. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng..... | 67 |
| Hình 13. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Trùng thông tin | 70 |
| Hình 14. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Sai thông tin..... | 71 |
| Hình 15. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Nhập mã xác nhận | 72 |
| Hình 16. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Nhập sai mã xác nhận..... | 73 |
| Hình 17. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Đăng ký thành công..... | 74 |
| Hình 18. Giao diện Đăng nhập của Nhân viên..... | 75 |
| Hình 19. Giao diện Đăng nhập sai của Nhân viên | 77 |
| Hình 20. Giao diện Đăng nhập của Khách hàng | 78 |
| Hình 21. Giao diện Đăng nhập sai của Khách hàng..... | 80 |
| Hình 22. Giao diện Đặt lại mật khẩu..... | 81 |
| Hình 23. Giao diện Đăng nhập lại | 82 |
| Hình 24. Giao diện Đơn mua..... | 83 |
| Hình 25. Giao diện Chi tiết đơn mua..... | 84 |
| Hình 26. Giao diện Lý do hủy đơn..... | 87 |
| Hình 27. Giao diện Hủy đơn thành công..... | 88 |
| Hình 28. Giao diện Đơn hàng của hệ thống quản lý cửa hàng..... | 90 |

| | |
|--|-----|
| Hình 29. Giao diện Danh sách đơn hàng của nhân viên | 91 |
| Hình 30. Giao diện Quản lý đơn hàng..... | 92 |
| Hình 31. Giao diện Hủy đơn thành công của nhân viên | 94 |
| Hình 32. Giao diện trang chủ web bán hàng | 95 |
| Hình 33. Giao diện Danh mục sản phẩm..... | 98 |
| Hình 34. Giao diện Chi tiết sản phẩm | 102 |
| Hình 35. Giao diện Giỏ hàng..... | 105 |
| Hình 36. Giao diện Thông tin mua hàng | 108 |
| Hình 37. Giao diện Thông tin mua hàng - Người dùng không điền đầy đủ các trường thông tin bắt buộc | 112 |
| Hình 38. Giao diện Thông tin mua hàng - Người dùng nhập không đúng các trường thông tin | 113 |
| Hình 39. Giao diện Thông tin vận chuyển và phí giao hàng..... | 114 |
| Hình 40. Giao diện Lựa chọn hình thức thanh toán | 115 |
| Hình 41. Giao diện lựa chọn hình thức thanh toán - Người dùng không lựa chọn thông tin | 116 |
| Hình 42. Giao diện Chọn hình thức thanh toán - Thanh toán khi nhận hàng (COD) | 117 |
| Hình 43. Giao diện Chọn hình thức thanh toán - Chuyển khoản ngân hàng..... | 117 |
| Hình 44. Giao diện Thanh toán thành công..... | 118 |
| Hình 45. Giao diện Đặt hàng thành công | 119 |
| Hình 46. Giao diện Phiếu nhập hàng..... | 120 |
| Hình 47. Giao diện Phiếu nhập hàng - Lưu thành công | 124 |
| Hình 48. Giao diện Phiếu nhập hàng - Lưu&In thành công..... | 125 |
| Hình 49. Giao diện Tạo đơn hàng | 126 |
| Hình 50. Giao diện Quản lý khách hàng | 129 |
| Hình 51. Giao diện Quản lý khách hàng - Trùng thông tin..... | 133 |
| Hình 52. Giao diện Quản lý khách hàng - Lịch sử mua hàng | 134 |
| Hình 53. Giao diện Báo cáo doanh thu..... | 137 |
| Hình 54. Giao diện Báo cáo quản lý tồn kho | 140 |
| Hình 55. Giao diện Quản lý cửa hàng | 143 |

CÁC PHIÊN BẢN VÀ LỊCH SỬ PHÊ DUYỆT

Tài liệu này đã được phê duyệt là Tài liệu Phân tích yêu cầu nghiệp vụ chính thức cho dự án Xây dựng hệ thống quản lý và bán hàng tại cửa hàng Cartier, phản ánh chính xác hiểu biết hiện tại về các yêu cầu nghiệp vụ. Sau khi tài liệu này được phê duyệt, các thay đổi yêu cầu sau đó sẽ được điều chỉnh theo quy trình quản lý thay đổi của dự án, bao gồm phân tích tác động, đánh giá và phê duyệt.

| Lịch sử phê duyệt tài liệu | | | |
|----------------------------|---------------|-----------------|------------|
| Người phê duyệt | Vai trò | Chữ ký xác nhận | Ngày |
| Trịnh Thị Lan Ánh | Quản lý dự án | Lan Ánh | 09/05/2024 |

1. THÔNG TIN DỰ ÁN

| | |
|------------------------|---|
| Tên dự án | Hệ thống quản lý và bán hàng của cửa hàng Cartier |
| Loại dự án | Dự án mới |
| Ngày bắt đầu | 16/03/2024 |
| Ngày kết thúc | 10/5/2024 |
| Nhà đầu tư/ khởi xướng | Cửa hàng Trang sức Cartier |
| Mục tiêu chính | Tối ưu hóa hiệu suất trong công tác quản lý và bán hàng từ đó làm tăng trưởng doanh số, lợi nhuận |
| Mục tiêu phụ | <ul style="list-style-type: none">- Mở rộng phạm vi thị trường- Tăng cường khả năng tiếp cận và trải nghiệm của khách hàng |
| Đơn vị phụ trách | SSC Solve Solutions Company |
| Quản lý dự án | Trịnh Thị Lan Ánh |

2. TỔNG QUAN

Tài liệu này tập trung vào việc xác định các yêu cầu của dự án xây dựng Hệ thống quản lý và bán hàng của cửa hàng Cartier, được sử dụng làm cơ sở cho các hoạt động:

- Hoạt động phát triển thiết kế giải pháp:

Đây là một phần quan trọng của dự án nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và chức năng đã được xác định. Dựa vào các thông tin về mục tiêu, các ràng buộc và chức năng của hệ thống, BRD cung cấp một cái nhìn chi tiết về cách hệ thống sẽ được triển khai và hoạt động trong môi trường thực tế.

- Hoạt động phát triển kế hoạch thử nghiệm, kịch bản thử nghiệm và các trường hợp thử nghiệm:

Mục đích của hoạt động này là xác định hệ thống có hoạt động như mong đợi và đáp ứng được các yêu cầu đã đề ra hay không. Từ những mô tả về các yêu cầu chức năng và phi chức năng của hệ thống, các thông tin này giúp xác định rõ phạm vi và độ phức tạp của các ca thử nghiệm. Từ đó, nhóm thử nghiệm có thể hiểu rõ hơn về các yêu cầu và mong đợi từ dự án, giúp họ tổ chức và thực hiện các hoạt động thử nghiệm một cách hiệu quả và có hiệu suất cao.

- Hoạt động đánh giá mức độ hoàn thành của dự án:

Việc xác định khi nào dự án có thể coi là hoàn thành là một phần không thể thiếu để đảm bảo tiến độ và chất lượng của dự án. Điều này đòi hỏi cần có sự đánh giá kỹ lưỡng các yêu cầu kỹ thuật và chức năng đã được đáp ứng. Bằng cách so sánh các yêu cầu đã đề ra trong BRD với các thành phẩm thực tế, người quản lý dự án có thể đưa ra những kết luận chính xác về mức độ hoàn thành của dự án, từ đó đưa ra các biện pháp cần thiết để cải thiện và điều chỉnh quá trình triển khai.

- Hoạt động đánh giá sự thành công của dự án, nhằm đảm bảo rằng mục tiêu:

Người quản lý dự án sẽ so sánh kết quả thực tế với những mục tiêu và yêu cầu đã đề ra trong BRD để đánh giá xem dự án đã đạt được mục tiêu kinh doanh được xác định trước đó và đáp ứng được các kỳ vọng của các bên liên quan hay không, Điều này giúp nhóm phát triển dự án đưa ra những đánh giá tổng thể và phản hồi xây dựng để cải thiện hiệu suất và đảm bảo sự thành công của dự án.

3. CÁC BÊN LIÊN QUAN

| Tên | Đơn vị | Vai trò |
|----------------------|--------------------------------------|--|
| Trịnh Thị Lan Ánh | BA Team (Đội Phân tích nghiệp vụ) | <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm trong việc biên soạn, chỉnh sửa và duy trì các tài liệu như Business Requirement Document (BRD). - Tham gia vào quá trình thu thập yêu cầu và tương tác với các bên liên quan để hiểu và ghi lại yêu cầu của họ. |
| Đỗ Thị Kim Huệ | BA Team (Đội Phân tích nghiệp vụ) | <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia vào quá trình thu thập yêu cầu và tương tác với các bên liên quan để hiểu và ghi lại yêu cầu của họ. - Tham gia vào quá trình biên soạn tài liệu PVD, BRD,... |
| An Đoàn Minh Khánh | BA Team (Đội Phân tích nghiệp vụ) | <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm trong việc biên soạn, chỉnh sửa và duy trì các tài liệu như Business Requirement Document (BRD). - Tham gia vào quá trình thu thập yêu cầu và tương tác với các bên liên quan để hiểu và ghi lại yêu cầu của họ. |
| Phạm Nguyễn Ngọc Mai | BA Team (Đội Phân tích nghiệp vụ) | <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia vào quá trình thu thập yêu cầu và thu thập các biểu mẫu của khách hàng. - Tham gia vào quá trình biên soạn tài liệu PVD, BRD,... |
| Trần Thị Dung Nhi | BA Team (Đội Phân tích nghiệp vụ) | <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm trong việc biên soạn, chỉnh sửa và duy trì các tài liệu như Business Requirement Document (BRD). - Tham gia vào quá trình thu thập yêu cầu và tương tác với các bên liên quan để hiểu và ghi lại yêu cầu của họ. |

4. TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

| Lĩnh vực | Thuật ngữ | Mô tả |
|----------------------------|-----------|---|
| Hệ thống thông tin quản lý | BRD | Business Requirements Document |
| Hệ thống thông tin quản lý | PVD | Business Analyst |
| Hệ thống thông tin quản lý | BA | Business Analyst |
| Nhân sự | NV | Nhân viên |
| Sales (Bán hàng) | SP | Sản phẩm |
| Sales (Bán hàng) | ĐH | Đơn hàng |
| Sales (Bán hàng) | SL | Số lượng |
| Vận chuyển | VC | Vận chuyển |
| Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | SQL | Structured Query Language |
| Thiết bị | POS | Point on Sale |
| Nghị định | NĐ-CP | Nghị định - Chính phủ |
| Thanh toán | PCI DSS | Payment Card Industry Data Security Standard |
| Giao thức mạng | TCP/IP | Transmission Control Protocol/Internet Protocol |
| Giao thức mạng | ISDN | Integrated Services Digital Network |

| | | |
|---------------|---------|---|
| Tấn công mạng | DDoS | Distributed Denial of Service |
| Bảo mật | 2FA | Two-Factor Authentication |
| Bảo mật | SSL/TLS | Secure Sockets Layer / Transport Layer Security |

5. TỔNG QUAN DỰ ÁN

5.1. Tổng quan và Cơ sở dự án

Tổng quan và Cơ sở dự án

Dự án "Hệ thống quản lý và bán hàng của cửa hàng Cartier" nhằm mục đích giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý hàng tồn kho, linh hoạt trong tiếp thị sản phẩm và tối ưu hóa chi phí và thời gian cho cửa hàng. Hiện tại, cửa hàng chỉ hoạt động tại hai cơ sở và gặp phải nhiều thách thức trong công tác quản lý và thực hiện các giao dịch mua bán.

Tình hình hiện tại và vấn đề

Cửa hàng trang sức Cartier hiện có mặt tại 2 cơ sở và sử dụng các kênh quảng cáo truyền thống như fanpage Facebook và video Tiktok để quảng bá sản phẩm. Tuy nhiên, việc mua bán vẫn diễn ra chủ yếu thông qua việc đến cửa hàng hoặc đặt hàng qua điện thoại, gây ra nhiều khó khăn trong quản lý hàng tồn kho và chi phí vận hành.

Vấn đề cụ thể:

- Quản lý hàng tồn kho không hiệu quả: Cửa hàng gặp khó khăn trong việc nắm bắt chính xác số lượng và loại hàng tồn kho, dẫn đến mất hàng và thiếu hụt sản phẩm quan trọng.
- Thiếu linh hoạt trong quản lý sản phẩm: Cửa hàng gặp khó khăn trong việc thay đổi và cập nhật sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tốn nhiều chi phí và thời gian: Quá trình mua hàng trực tiếp tại cửa hàng đòi hỏi nhiều nguồn lực và không hiệu quả trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng chuyển sang mua sắm trực tuyến.

Mục tiêu của dự án

Dự án nhằm tối ưu hóa quy trình kinh doanh và quản lý sản phẩm, từ đó tăng lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của cửa hàng. Mục tiêu cụ thể của dự án bao gồm:

- Tăng khả năng quản lý hàng tồn kho và giảm rủi ro thất thoát hàng hóa
- Tăng khả năng đáp ứng nhanh chóng với thị trường mới và tối ưu hóa chiến lược tiếp thị.
- Tiết kiệm chi phí và thời gian bằng cách tối ưu hóa quy trình mua hàng và quản lý sản phẩm.

Mục tiêu của tổ chức

Cửa hàng trang sức Cartier mong muốn mở rộng sự hiện diện của mình và tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên thị trường. Bằng cách cải thiện hiệu suất

hoạt động và tăng cường trải nghiệm mua sắm, cửa hàng hy vọng có thể thu hút được nhiều khách hàng mới và tạo ra một liên kết chặt chẽ hơn với tệp khách hàng hiện tại.

Tầm nhìn

Dự án không chỉ là một bước đi tối ưu hóa hoạt động kinh doanh hiện tại, mà còn là cơ hội để tái định hình lại tương lai của nhãn hàng Cartier. Bằng cách tạo ra một hệ thống quản lý hiệu quả, cửa hàng có thể phát triển và mở rộng quy mô kinh doanh một cách bền vững trên thị trường.

5.2. Các dự án liên quan

Hiện tại dự án phát triển hoàn toàn độc lập khách hàng không có dự án liên quan một phần, toàn bộ hoặc có sự phụ thuộc vào dự án này.

5.3. Các bên liên quan

| | Các bên liên quan | Vị trí | Yêu cầu đối với hệ thống |
|---|-------------------------|---------------|--|
| 1 | Quản lý cửa hàng | Trong tổ chức | Hệ thống sinh ra báo cáo doanh thu và các báo cáo liên quan đến xu hướng mua hàng của khách hàng Hệ thống cho phép quản lý sản phẩm, bao gồm việc thêm, sửa, xóa sản phẩm |
| 2 | Thủ kho | Trong tổ chức | Hệ thống tự động cập nhật SL hàng tồn Hệ thống cho phép xem và theo dõi doanh thu, xem, sửa, trạng thái đơn hàng |
| 3 | Nhân viên Sales | Trong tổ chức | Hệ thống cho phép thêm, sửa, xóa các thông tin liên quan đến sản phẩm, cho phép xem trạng thái đơn hàng |
| 4 | Khách hàng của cửa hàng | Ngoài tổ chức | Hệ thống cho phép xem, lựa chọn và mua hàng Hệ thống có chức năng bình luận, trao đổi với người bán, chức năng thanh toán nhanh chóng, tiện lợi |

6. CÁC GIẢ ĐỊNH VÀ RÀNG BUỘC CHÍNH

6.1. Các giả định

- Nguồn lực: Giả định rằng nguồn lực, bao gồm nhân sự và tài chính, đã được xác định và có sẵn để triển khai và duy trì hệ thống. Điều này bao gồm cả việc chi trả chi phí dự án 70 triệu đồng và cung cấp đủ nhân lực cho mọi khía cạnh thực thi và phát triển dự án.
- Khả năng kỹ thuật: Giả định rằng các nhân viên tham gia dự án đã được đào tạo đầy đủ và có đủ kỹ năng và kiến thức để phát triển, triển khai hệ thống một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Thời gian: Giả định rằng dự án sẽ hoàn thành trong khoảng thời gian 1 tháng 15 ngày như đã dự kiến, đồng thời đảm bảo rằng các hạn chế về thời gian và các mốc thời gian đặt ra có thể đạt được một cách hiệu quả.
- Cơ sở hạ tầng: Giả định rằng cơ sở hạ tầng máy tính, POS và mạng đã được chuẩn bị sẵn sàng để triển khai hệ thống, đảm bảo rằng không có trở ngại nào về hạ tầng sẽ ảnh hưởng đến quá trình triển khai.
- Phê duyệt từ khách hàng: Giả định rằng thiết kế và nội dung chức năng của dự án đã được khách hàng phê duyệt trước khi bắt đầu triển khai. Đồng thời, khách hàng sẽ tiếp tục liên lạc và hợp tác chặt chẽ với nhóm phát triển suốt quá trình triển khai.
- Chuyển đổi cơ sở dữ liệu: Giả định rằng cơ sở dữ liệu hiện có của cửa hàng sẽ được chuyển đổi một cách thuận lợi và không gây ra sự gián đoạn nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh.

6.2. Các ràng buộc:

Ràng buộc về thời gian:

- Các yêu cầu về bán hàng và quản lý hàng hóa tồn kho trên hệ thống sẽ được hoàn thiện trong 1 tháng 15 ngày. Cụ thể như sau:
 - + Phân tích yêu cầu của nhóm khách hàng: trong 7 ngày
 - + Phát triển và kiểm thử hệ thống: trong 21 ngày tiếp theo
 - + Triển khai và đào tạo: trong 10 ngày tiếp theo
 - + Hỗ trợ và bảo trì hệ thống: trong 7 ngày tiếp theo
- Yêu cầu về việc cho phép khách hàng truy cập và mua hàng trên hệ thống sẽ được phát triển và hoàn thiện trong 21 ngày tiếp theo.

Ràng buộc về ngân sách:

- Hiện tại ngân sách cố định cho dự án là 70 triệu, bao gồm các yếu tố liên quan đến việc xây dựng một hệ thống mới, bao gồm các quy trình: bán hàng, hệ thống quản lý hàng hóa trong kho và mua hàng
- Chi phí trên đã bao gồm các yếu tố phần cứng và phần mềm cần thiết, chi phí môi trường làm việc
- Trong trường hợp khách hàng đưa ra thêm yêu cầu mới cho hệ thống, khác với các yêu cầu đã được đồng thuận trước đó thì yêu cầu này sẽ được tính phí riêng, không bao gồm trong chi phí cố định.

Ràng buộc về phạm vi:

- Hệ thống cho phép người dùng được phân quyền thực hiện các chức năng thêm, sửa, xóa các sản phẩm trong danh sách sản phẩm tồn kho
- Hệ thống tạo các báo cáo thống kê doanh thu theo tháng, quý, năm để có thể theo dõi hiệu suất kinh doanh của cửa hàng
- Hệ thống cho phép người dùng được phân quyền thực hiện chức năng quản lý đơn hàng, theo dõi trạng thái và kiểm tra tình trạng đơn hàng
- Hệ thống cho phép người dùng được phân quyền thực hiện chức năng quản lý người dùng, từ đó phân quyền phù hợp cho từng đối tượng người dùng
- Hệ thống cho phép người dùng thực hiện các chức năng thêm, sửa, xóa đối với việc quản lý tài khoản khách hàng.
- Hệ thống cho phép tất cả người dùng được xem thông tin sản phẩm và những người dùng được phân quyền được thêm, sửa, xóa thông tin sản phẩm
- Hệ thống cho phép người dùng được phân quyền thực hiện chức năng mua bán phẩm, người dùng khách hàng được thực hiện chức năng mua sản phẩm
- Hệ thống cho phép người dùng khách hàng thực hiện chức năng thanh toán, người dùng được phân quyền được phép xem và kiểm tra các giao dịch thanh toán.
- Hệ thống cho phép người dùng thực hiện chức năng lọc sản phẩm để có thể tìm ra sản phẩm như họ mong muốn
- Hệ thống cho phép người dùng được phân quyền thực hiện chức năng theo dõi đơn hàng, qua đó có những xử lý kịp thời với từng đơn hàng
- Hệ thống cho phép người dùng thực hiện chức năng bình luận, người dùng được phân quyền có thể sửa hoặc xóa bình luận

Ràng buộc pháp lý và bảo mật

- Ràng buộc về pháp lý

Hệ thống mà nhóm phát triển đưa ra cần tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định ngành:

- + Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nơi quy định các yêu cầu nghiêm ngặt về việc xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- + Tiêu chuẩn Thanh toán: Hệ thống cần tuân thủ các tiêu chuẩn thanh toán quốc tế như PCI DSS (Payment Card Industry Data Security Standard) để đảm bảo rằng thông tin thanh toán của khách hàng được bảo vệ và xử lý an toàn.

Pháp lý và quy định:

- + Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan.
- + Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- + Quy định về bảo mật thông tin cá nhân theo quy định của Việt Nam.

Truyền thông:

- + Tiêu chuẩn kết nối mạng TCP/IP (Transmission Control Protocol/Internet Protocol).
- + Tiêu chuẩn về kết nối mạng di động hoặc internet dựa trên giao thức ISDN (Integrated Services Digital Network), nếu áp dụng.

Tiêu chuẩn chất lượng khác:

- + ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng.
- + ISO 27001 - Hệ thống quản lý an ninh thông tin.
- + ISO 14001 - Hệ thống quản lý môi trường.

- Ràng buộc về bảo mật:

Nhóm phát triển cam kết hệ thống sẽ bảo vệ thông tin cá nhân và dữ liệu của khách hàng một cách tốt nhất có thể.

- + Xác thực và ủy quyền: Hệ thống phải cung cấp cơ chế xác thực mạnh mẽ để đảm bảo chỉ có người dùng được ủy quyền mới có thể truy cập vào các chức năng và dữ liệu phù hợp.
- + Bảo vệ chống lại tấn công: Hệ thống phải có các biện pháp bảo mật như tường lửa, phát hiện xâm nhập, và bảo vệ chống lại các loại tấn công như DDoS (Tấn công từ chối dịch vụ) và SQL Injection.

- + Xử lý thanh toán an toàn: Các giao dịch thanh toán phải tuân thủ các tiêu chuẩn tuân thủ PCI DSS (Tiêu Chuẩn Bảo Mật Dữ Liệu Ngành Thẻ Thanh Toán). Cổng thanh toán an toàn nên được sử dụng để xử lý các giao dịch trực tuyến một cách an toàn, bảo vệ dữ liệu tài chính của khách hàng.
- + Quản lý phiên và điều khiển truy cập: Hệ thống phải có khả năng quản lý phiên người dùng và điều chỉnh quyền truy cập của người dùng dựa trên vai trò và các chính sách cụ thể.
- + Ghi nhật ký và giám sát: Hệ thống phải ghi lại mọi hoạt động quan trọng và cung cấp khả năng giám sát để phát hiện và phản ứng nhanh chóng đối với các sự cố bảo mật.
- + Tuân thủ pháp luật và quy định: Hệ thống phải tuân thủ tất cả các quy định pháp luật và quy định liên quan đến bảo mật dữ liệu cá nhân và thông tin khách hàng.
- + Kiểm Tra Bảo Mật Thường Xuyên: Các cuộc kiểm tra bảo mật định kỳ và đánh giá các lỗ hổng nên được tiến hành để xác định và giải quyết các rủi ro và lỗ hổng bảo mật tiềm ẩn một cách chủ động.

Nền tảng web của chúng tôi phải tuân thủ của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nơi quy định các yêu cầu nghiêm ngặt về việc xử lý Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Dữ liệu cá nhân sẽ được xử lý và lưu trữ theo các quy định và tiêu chuẩn bảo mật phù hợp. Chúng tôi sẽ đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân chỉ được sử dụng cho các mục đích hợp pháp và sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của người dùng.

7. CÁC YÊU CẦU NGHIỆP VỤ

7.1. Các yêu cầu chung/cơ bản

| REQ# | MỨC ĐỘ ƯU TIÊN | MÔ TẢ YÊU CẦU | LÝ DO | USE CASE |
|-------------|-----------------------|---|---|------------------------|
| 1 | Khẩn cấp | <p>Đăng ký tài khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép khách hàng, quản trị viên của cửa hàng đăng ký và tạo hồ sơ tương ứng của họ. - Khi đăng ký tài khoản, hệ thống yêu cầu người dùng cung cấp các thông tin cơ bản như tên, email, số điện thoại và mật khẩu. | <ul style="list-style-type: none"> - Việc đăng ký tài khoản giúp bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng. - Với khách hàng cần đăng ký tài khoản trước khi thực hiện mua hàng. Việc đăng ký tài khoản cho phép người dùng quản lý đơn hàng, lịch sử giao dịch một cách dễ dàng. - Với quản trị viên, họ cần đăng ký tài khoản cho các nhân viên của cửa hàng để có thể truy cập và sử dụng hệ thống nội bộ của cửa hàng. | Đăng ký tài khoản |
| 2 | Khẩn cấp | <p>Đăng nhập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cung cấp quy trình đăng nhập an toàn cho tất cả người dùng truy cập vào hệ thống bao gồm khách hàng, nhân viên, quản trị viên của cửa hàng. - Người dùng cung cấp thông tin đăng nhập bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu. | <ul style="list-style-type: none"> - Việc đăng nhập tài khoản giúp người dùng truy cập và quản lý thông tin của họ. - Khi đăng nhập, người dùng có thể truy cập các tính năng trên hệ thống, quản lý tài khoản (thay đổi thông tin cá nhân, đặt lại mật khẩu, xem lịch sử hoạt động). - Giúp xác định danh tính của người dùng và kiểm soát truy cập. | Đăng nhập vào hệ thống |

| | | | | |
|---|-----|--|--|-------------------------|
| | | | cập vào hệ thống khi có sự thay đổi bất thường. | |
| 3 | Cao | <p>Quản lý sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép nhân viên của cửa hàng thêm, sửa, xóa và quản lý danh sách sản phẩm có sẵn mỗi ngày, bao gồm các chi tiết như giá cả, thành phần, giới hạn về số lượng, hình ảnh, mô tả ... | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp tổ chức thông tin sản phẩm: Người dùng dễ dàng tìm kiếm và truy cập thông tin cần thiết về sản phẩm. - Quản lý hàng tồn kho: giúp người dùng kiểm soát và theo dõi số lượng tồn kho của sản phẩm từ đó đưa ra quyết định về việc tái lập hàng tồn kho, giảm giá. | Quản lý sản phẩm |
| 4 | Cao | <p>Đặt mua sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép khách hàng đặt mua sản phẩm, chọn sản phẩm có sẵn cho một ngày nào đó và thanh toán đơn hàng bằng thẻ ngân hàng, tiền mặt. - Khi đặt hàng hệ thống yêu cầu khách hàng điền các thông tin cần thiết như họ tên, địa chỉ, phương thức thanh toán. | <ul style="list-style-type: none"> - Tiện lợi, tiết kiệm thời gian, có thể mua sản phẩm ở bất kỳ đâu. - Dễ dàng xem thông tin chi tiết về sản phẩm như mô tả, hình ảnh, đánh giá từ khách hàng trước. | Đặt mua sản phẩm |
| 5 | Cao | <p>Thanh toán mua sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép khách hàng chọn phương thức thanh toán phù hợp như chuyển | <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lại thông tin giao dịch để sử dụng cho mục đích kế toán, phân tích doanh số bán hàng, và quản lý tài chính của doanh nghiệp. | Thanh toán mua sản phẩm |

| | | | | |
|---|------------|--|--|---------------------------|
| | | khoản, thanh toán khi nhận nhận hàng (COD) - Khi thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, khách hàng cần điền nội dung theo đúng hướng dẫn của cửa hàng. | | |
| 6 | Cao | Hủy đơn đặt hàng - Hệ thống cho phép khách hàng hủy đơn đặt hàng trong thời gian nhất định và số tiền trả trước sẽ được nhân viên cửa hàng trả lại bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. | - Giúp giảm thiểu tình trạng hoàn hàng, không muốn nhận hàng khi mua trong các trường hợp: Khách hàng thay đổi ý định mua hàng, Sản phẩm mua không còn cần thiết. | Hủy đơn hàng |
| 7 | Trung bình | Truy cập lịch sử mua hàng - Hệ thống cho phép khách hàng truy cập lịch sử mua hàng để xem danh sách đơn hàng đã mua, thông tin chi tiết đơn hàng và trạng thái đơn hàng. | - Giúp khách hàng theo dõi đơn đặt hàng đảm bảo các đơn hàng được xử lý và giao hàng đúng kỳ vọng. - Kiểm tra thông tin sản phẩm đảm bảo rằng khách hàng nhận được sản phẩm chính xác | Kiểm tra lịch sử mua hàng |
| 8 | Khẩn cấp | Tạo đơn bán hàng - Hệ thống cho phép nhân viên sales tạo đơn bán hàng mới trên hệ thống sau khi nhận | - Lưu lại các thông tin giao dịch trên hệ thống khi bán hàng trực tiếp tại cửa hàng. - Quản lý tồn kho một cách hiệu quả. | Tạo đơn bán hàng |

| | | | | |
|----|----------|--|--|---------------------|
| | | <p>được yêu cầu từ khách hàng tại cửa hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống yêu cầu nhân viên sales nhập các thông tin cần thiết như thông tin khách hàng, danh sách sản phẩm, số lượng, đơn giá bán. - Hệ thống sẽ tự động cập nhật số lượng tồn kho của sản phẩm sau mỗi đơn bán hàng. | | |
| 9 | Cao | <p>Quản lý đơn hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép nhân viên cửa hàng quản lý các đơn hàng từ khâu bán hàng đến khâu giao hàng cho khách hàng bao gồm xác nhận đơn hàng, xác nhận tình trạng thanh toán, cập nhật trạng thái vận chuyển đơn hàng. | <ul style="list-style-type: none"> - Việc cung cấp thông tin chính xác về tình trạng đơn hàng và thời gian giao hàng dự kiến giúp tạo ra một trải nghiệm mua sắm tích cực cho khách hàng. - Giảm thiểu thời gian xử lý đơn hàng và tăng cường sự linh hoạt trong quản lý đơn hàng. - Dự đoán xu hướng mua hàng giúp định hình chiến lược quản lý hàng tồn kho hiệu quả. | Quản lý đơn hàng |
| 10 | Khẩn cấp | <p>Tạo đơn nhập hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép nhân viên kho tạo đơn nhập hàng mới trên hệ thống khi có đơn hàng đạt tiêu chuẩn và được nhập vào kho. | <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lại các thông tin giao dịch trên hệ thống khi nhập hàng vào kho. - Quản lý hàng tồn kho một cách chính xác. | Tạo phiếu nhập hàng |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống yêu cầu nhân viên kho nhập các thông tin cần thiết như ngày nhập, người nhập, danh sách sản phẩm, số lượng, đơn giá nhập. - Hệ thống sẽ tự động cập nhật số lượng tồn kho của sản phẩm sau mỗi đơn nhập hàng. | | |
|--|--|---|--|--|

7.2. Các yêu cầu về bảo mật

| REQ # | MỨC ĐỘ ƯU TIÊN | MÔ TẢ YÊU CẦU | LÝ DO | USE CASE |
|--------------|-----------------------|---|---|-----------------|
| 1 | Khẩn cấp | <p>Xác thực người dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần triển khai cơ chế xác thực đáng tin cậy để xác nhận danh tính của người dùng trước khi cho phép truy cập vào các tính năng quan trọng như quản lý đơn hàng, thông tin tài khoản và thanh toán. - Cơ chế xác thực bao gồm việc yêu cầu tên người dùng và mật khẩu mạnh, cùng với các phương tiện xác thực bổ sung như mã | Xác thực người dùng giúp ngăn chặn việc truy cập trái phép vào hệ thống bằng cách yêu cầu các thông tin đăng nhập hợp lệ như tên người dùng và mật khẩu. Điều này giúp ngăn chặn hacker hoặc người dùng không ủy quyền truy cập vào hệ thống. | Đăng nhập |

| | | | | |
|---|-----|--|--|---|
| | | xác thực hai yếu tố (2FA) để tăng cường bảo mật. | | |
| 2 | Cao | <p>Bảo vệ dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu cá nhân của khách hàng, bao gồm thông tin thanh toán và địa chỉ giao hàng, cần được mã hóa một cách an toàn để đảm bảo không bị rò rỉ hoặc sử dụng sai mục đích. - Hệ thống cần sử dụng các tiêu chuẩn mã hóa mạnh mẽ như SSL/TLS để bảo vệ thông tin khi truyền qua mạng và lưu trữ dữ liệu mã hóa trong cơ sở dữ liệu. | Sự bảo vệ dữ liệu hiệu quả giúp tạo ra một môi trường mua sắm trực tuyến an toàn và đáng tin cậy. Khách hàng cảm thấy yên tâm khi biết thông tin cá nhân của họ được bảo vệ một cách nghiêm ngặt, từ đó tăng cường niềm tin và uy tín đối với thương hiệu. | <ul style="list-style-type: none"> - Đăng nhập - Thanh toán |
| 3 | Cao | <p>Kiểm soát truy cập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quản trị viên của hệ thống cần có khả năng quản lý quyền truy cập và phân quyền cho người dùng. - Quản trị viên cần có khả năng xác định và kiểm soát quyền truy | Giúp đảm bảo rằng chỉ những người được ủy quyền mới có thể truy cập và tương tác với các phần của hệ thống | Đăng ký tài khoản và phân quyền |

| | | | | |
|---|-----|---|---|-----------------------------|
| | | cập vào các phần của hệ thống dựa trên vai trò và trách nhiệm của từng người dùng. | | |
| 4 | Cao | Ghi nhật ký và giám sát: Hệ thống phải ghi lại mọi hoạt động quan trọng và cung cấp khả năng giám sát để phát hiện và phản ứng nhanh chóng đối với các sự cố bảo mật. | Hệ thống sẽ phát hiện kịp thời các hoạt động không bình thường hoặc đáng ngờ. | Mọi use case trong hệ thống |

7.3. Các yêu cầu về báo cáo

| RE Q# | MỨC ĐỘ ƯU TIÊN | MÔ TẢ YÊU CẦU | LÝ DO | USE CASE |
|--------------|-----------------------|--|---|----------------------------------|
| 1 | Cao | Hệ thống tạo báo cáo doanh số bán hàng, bao gồm doanh thu bán hàng theo ngày, theo tuần, theo tháng và doanh số bán hàng dựa trên một hoặc nhiều sản phẩm được yêu cầu | Quản lý cửa hàng truy cập vào hệ thống để xem tổng doanh thu bán hàng của các sản phẩm, từ đó có thể đánh giá được hiệu suất kinh doanh, tăng cơ hội tăng trưởng và định vị vị trí của cửa hàng trên thị trường trang sức | Lập báo cáo doanh thu bán hàng |
| 2 | Cao | Hệ thống tạo báo cáo về số lượng hàng hóa còn tồn trong kho, bao gồm báo cáo về số lượng của một hoặc nhiều mặt hàng theo tùy chọn người dùng, báo cáo được cập | Quản lý và nhân viên cửa hàng cần biết số lượng hàng hóa còn đang có sẵn trong kho, từ đó đưa ra những quyết định liên quan đến quy trình nhập hàng, đưa ra các chương trình xúc tiến bán hàng,... Ngoài ra báo cáo tồn kho | Lập báo cáo quản lý hàng tồn kho |

| | | | | |
|---|------------|---|--|--|
| | | nhật theo ngày, theo tuần hoặc theo tháng | sẽ giúp kiểm soát số lượng, tránh việc mất mát hàng hóa | |
| 3 | Cao | Hệ thống tạo báo cáo về các sản phẩm bán chạy/được yêu thích nhất, báo cáo được thực hiện trong một khoảng thời gian được yêu cầu, bao gồm tỷ lệ phần trăm số lượng và doanh số bán hàng của mỗi sản phẩm so với tổng số lượng và doanh thu đã bán ra | Việc tạo báo cáo về các sản phẩm bán chạy/được yêu thích nhất giúp cửa hàng định hình được chiến lược kinh doanh, đưa ra được chiến lược marketing phù hợp và ra quyết định kinh doanh thông minh | Lập báo cáo sản phẩm bán chạy |
| 4 | Trung bình | Hệ thống tạo báo cáo về tần suất mua hàng của khách hàng, bao gồm tần suất mua hàng theo khoảng thời gian được yêu cầu, định mức cho mỗi lần mua hàng và mặt hàng mà khách hàng thường mua | Bằng cách theo dõi các số liệu và xu hướng từ báo cáo, cửa hàng có thể hiểu nhu cầu, sở thích, hành vi mua hàng của khách hàng, từ đó dự đoán xu hướng mua hàng trong tương lai và đưa ra được chiến lược bán hàng phù hợp | Lập báo cáo tần suất mua hàng của khách hàng |
| 5 | Trung bình | Báo cáo xu hướng mua hàng của khách hàng, bao gồm cách thức mua hàng của khách hàng, số lượng đơn hàng và số lượng đã bán ra của từng sản phẩm theo khoảng thời gian được yêu cầu | Hiện tại cửa hàng có 2 kênh bán hàng là trực tiếp và trực tuyến. Việc theo dõi xu hướng mua hàng của khách hàng sẽ giúp cửa hàng định hình được kênh bán hàng trực tuyến hay trực tiếp sẽ thu hút khách hơn, danh mục sản phẩm nào thường được khách hàng lựa chọn, qua đó đánh giá và tối ưu hóa hiệu quả chiến lược tiếp thị | Lập báo cáo xu hướng mua hàng của khách hàng |

7.4. Các yêu cầu về khả năng sử dụng

| RE Q# | MỨC ĐỘ ƯU TIÊN | MÔ TẢ YÊU CẦU | LÝ DO | USE CASE |
|------------------|-----------------------------------|--|--|----------------------|
| 1 | Khẩn cấp | Quản lý đơn đặt hàng: bao gồm việc tạo đơn hàng mới, xác nhận đơn hàng, theo dõi trạng thái đơn hàng và cập nhật thông tin vận chuyển để đảm bảo rằng các sản phẩm được giao đúng hẹn và khách hàng nhận được dịch vụ tốt nhất có thể. | Quản lý đơn đặt hàng là một phần không thể thiếu của hoạt động bán hàng tại cửa hàng. Việc xử lý đơn hàng một cách hiệu quả giúp đảm bảo rằng các sản phẩm được giao đúng hẹn và khách hàng nhận được dịch vụ tốt nhất có thể. | Quản lý đơn đặt hàng |
| 2 | Khẩn cấp | Tích hợp dữ liệu: là tích hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau như sản phẩm, đơn đặt hàng, và tồn kho để cung cấp cái nhìn toàn diện về tình hình kinh doanh. | Tích hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau giúp cung cấp thông tin toàn diện và chính xác, từ đó hỗ trợ quyết định kinh doanh và tăng cường hiệu suất. | Tích hợp dữ liệu |
| 3 | Khẩn cấp | Báo cáo và phân tích: hệ thống cần cung cấp các công cụ báo cáo và phân tích để đánh giá hiệu suất kinh doanh và xu hướng bán hàng. | Dữ liệu phân tích và báo cáo cung cấp thông tin quan trọng để đánh giá hiệu suất và thúc đẩy sự phát triển của cửa hàng. | Báo cáo kinh doanh |

| | | | | |
|---|-----------|---|--|----------------------|
| 4 | Khẩn cấp | Quản lý khách hàng: hệ thống cần có khả năng quản lý thông tin khách hàng như thông tin liên hệ và lịch sử mua hàng. | Quản lý thông tin khách hàng giúp cá nhân hóa dịch vụ và tăng cường mối quan hệ khách hàng. | Quản lý khách hàng |
| 5 | Cao | Giao diện người dùng thân thiện: giao diện đẹp mắt, dễ sử dụng, có tính logic... | Giao diện người dùng thân thiện giúp nhân viên dễ dàng sử dụng hệ thống một cách hiệu quả. Việc có một giao diện dễ sử dụng giúp tăng tốc độ làm việc và giảm thiểu sai sót. | Thiết kế giao diện |
| 6 | Cao | Đa nền tảng: có thể truy cập và sử dụng hệ thống từ nhiều thiết bị khác nhau như desktop, máy tính bảng và thiết bị di động. | Đa nền tảng giúp đảm bảo tính linh hoạt và sẵn sàng trong việc sử dụng hệ thống, từ đó nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên. | Xây dựng đa nền tảng |
| 7 | Tương lai | Tích hợp thanh toán: hệ thống cần hỗ trợ tích hợp các phương thức thanh toán khác nhau như thanh toán tiền mặt, thẻ tín dụng và chuyển khoản. | Tích hợp thanh toán đa dạng giúp cải thiện trải nghiệm mua sắm của khách hàng và mở rộng phạm vi kinh doanh của cửa hàng | Tích hợp thanh toán |

7.5. Các yêu cầu về kiểm toán

| RE Q# | MỨC ĐỘ ƯU TIÊN | MÔ TẢ YÊU CẦU | LÝ DO | USE CASE |
|-------|----------------|--------------------------------|---|-----------------|
| 1 | Cao | Kiểm tra số lượng hàng tồn kho | Trong quá trình bán hàng việc kiểm tra số lượng hàng tồn kho thường xuyên rất quan trọng. Cửa | Báo cáo quản lý |

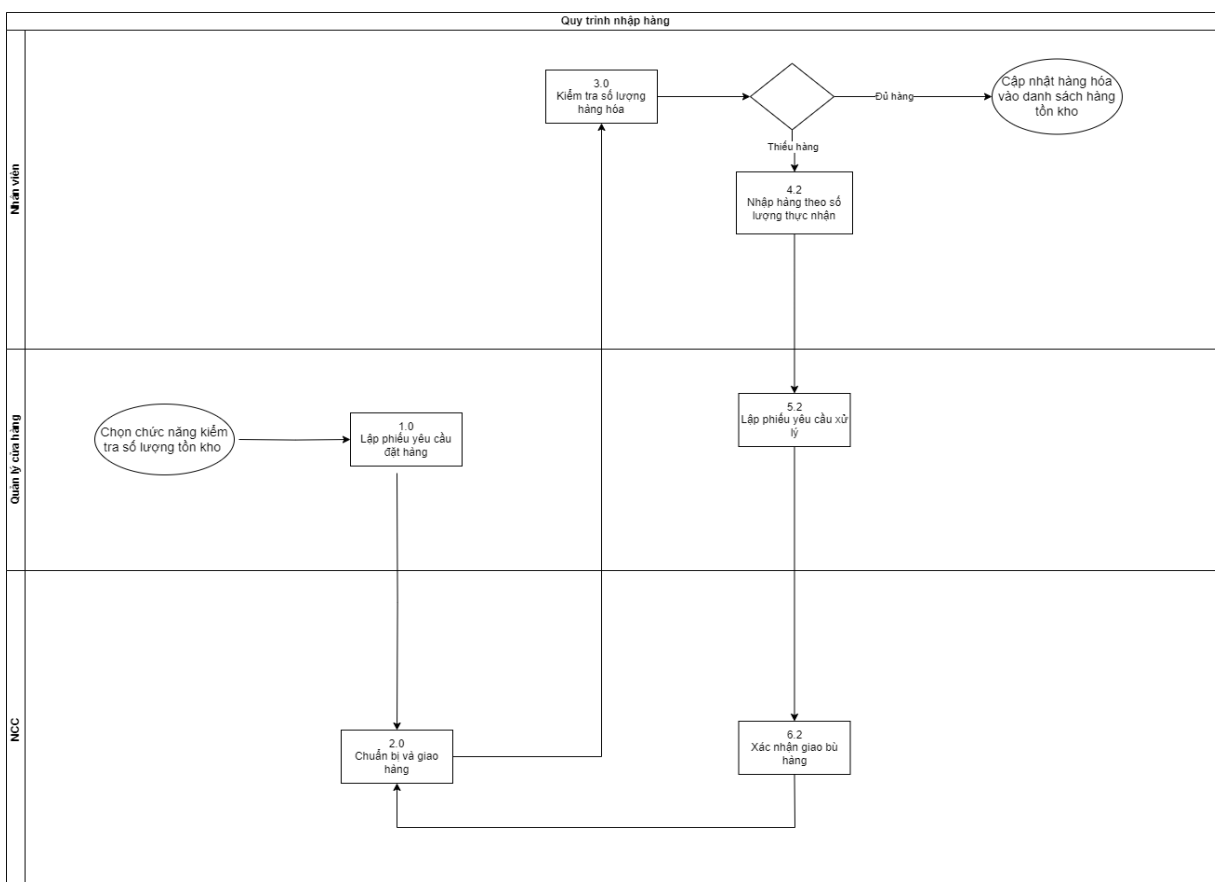
| | | | | |
|---|------------|---|--|----------------------------|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần cung cấp một cơ chế cho người dùng để kiểm tra số lượng hàng tồn kho hiện có trong hệ thống. - Cơ chế cho người dùng kiểm tra số lượng hàng tồn kho hiện có trong hệ thống và chỉnh sửa các thông tin | hàng cần đảm bảo tính chính xác của dữ liệu hàng tồn kho để tránh thiếu sót hoặc thừa hụt hàng hóa. | hàng tồn kho |
| 2 | Trung bình | <p>Xác minh doanh thu từ bán hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần cung cấp một cơ chế cho người dùng xác minh tính chính xác và đáng tin cậy của số liệu doanh thu từ các giao dịch bán hàng - Cơ chế cho người dùng xác minh doanh thu từ bán hàng bao gồm việc hệ thống kiểm soát chính xác doanh thu từ các hóa đơn bán hàng | Xác minh doanh thu từ bán hàng giúp đảm bảo rằng các thông tin tài chính được báo cáo là chính xác, minh bạch và đáng tin cậy, đồng thời giúp cung cấp thông tin quan trọng cho các bên liên quan. | Báo cáo doanh thu |
| 3 | Cao | <p>Xác thực chi phí nhập hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần cung cấp một cơ chế cho người dùng xác thực chi phí nhập hàng là đảm bảo tính chính xác và đáng | Các khoản chi phí đến việc nhập hàng hóa cần được kiểm tra về sự phù hợp và tính chính xác. Chi phí nhập hàng cần được quản lý chặt chẽ, cụ thể để bảo đảm cân bằng giữa chi phí, doanh thu | Theo dõi chi phí nhập hàng |

| | | | | |
|---|------------|--|--|--------------------|
| | | tin cậy của các khoản chi phí liên quan đến việc nhập hàng của cửa hàng | | |
| 4 | Trung bình | Xác nhận tính hợp lý của các giao dịch mua bán - Hệ thống cần cung cấp một cơ chế cho người dùng xác nhận tính hợp lý của các giao dịch mua bán | Việc xác nhận tính hợp lý của các giao dịch mua bán nhằm đảm bảo rằng các giao dịch được thực hiện một cách hợp pháp, đúng đắn và không gây ra rủi ro cho tổ chức. | Xác nhận giao dịch |

8. CÁC YÊU CẦU VỀ CHỨC NĂNG

8.1. Quy trình tổng quát

- Quy trình nhập hàng

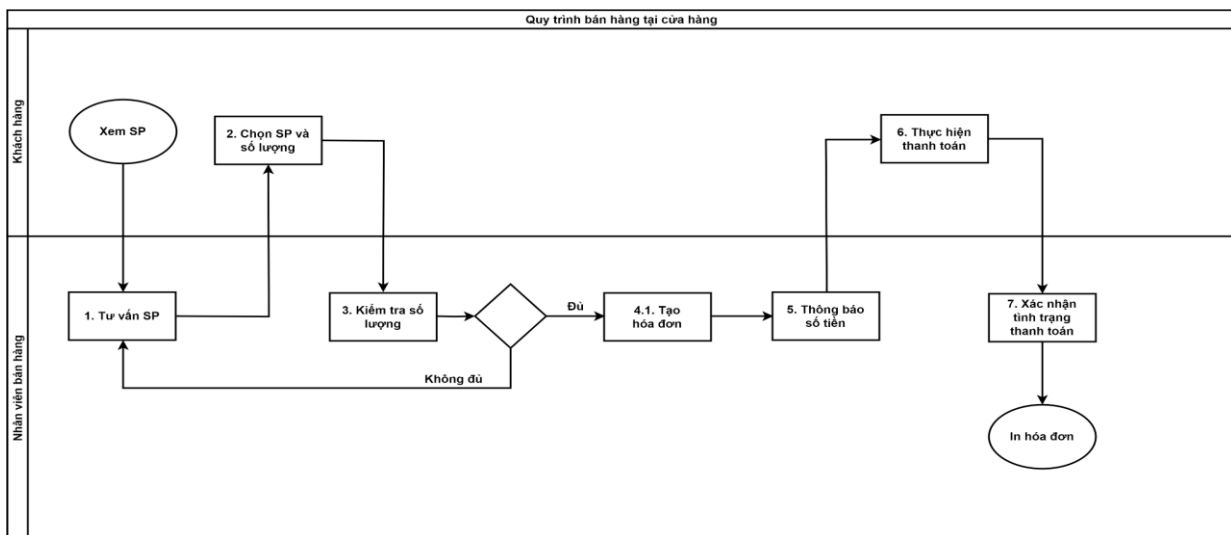


Hình 1. Biểu đồ mô tả quy trình nhập hàng

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|--|------------------|---------|
| #1 | 1 | Quản lý cửa hàng chọn chức năng kiểm tra số lượng tồn kho trên hệ thống | Quản lý cửa hàng | |
| | 2 | Khi số lượng sản phẩm không còn đủ cho quá trình kinh doanh Quản lý cửa hàng lập phiếu yêu cầu đặt hàng và gửi cho NCC | Quản lý cửa hàng | |
| | 3 | NCC nhận yêu cầu đặt hàng chuẩn bị hàng hóa và giao hàng | NCC | |

| | | | | |
|--|---|---|------------------|--|
| | 4 | Nhân viên kiểm tra số lượng hàng hóa được giao đến cửa hàng + Nếu đủ hàng như đã đặt thì chuyển sang bước 5 Nếu thiếu hàng thì chuyển sang bước 6 | Nhân viên | |
| | 5 | Nhân viên cập nhật số lượng hàng hóa vào danh sách hàng tồn kho trên hệ thống | Nhân viên | |
| | 6 | Nhân viên cập nhật số lượng hàng hóa thực nhận vào danh sách hàng tồn kho trên hệ thống. Thông báo với Quản lý cửa hàng về số lượng hàng còn thiếu | Nhân viên | |
| | 7 | Quản lý cửa hàng lập phiếu yêu cầu xử lý và gửi cho NCC | Quản lý cửa hàng | |
| | 8 | NCC xác nhận giao bù hàng. Quay lại bước 3 | NCC | |

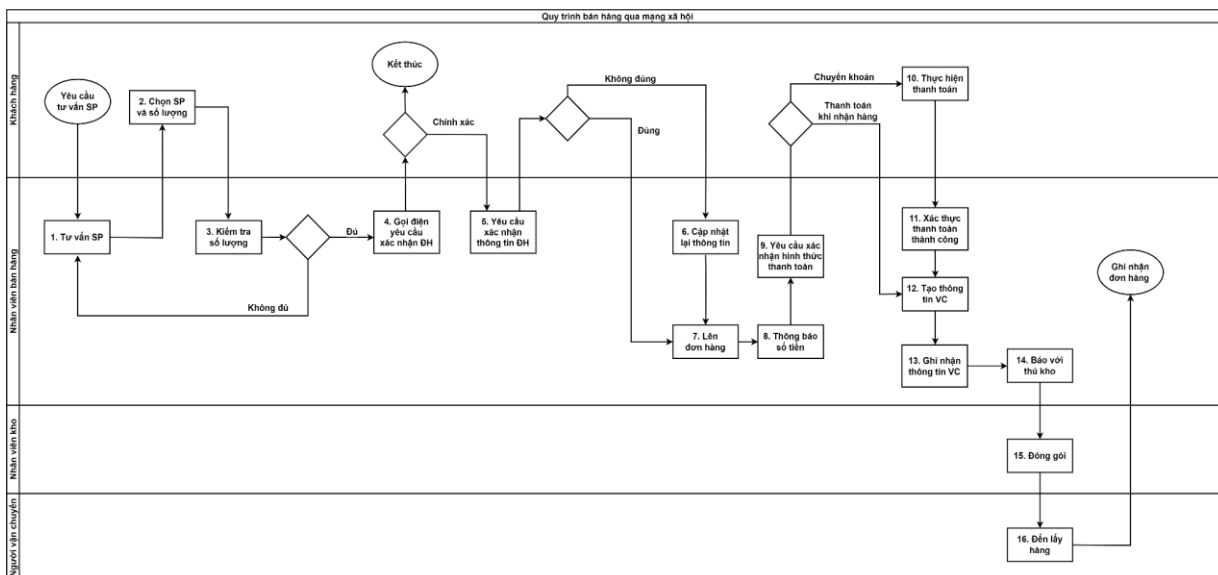
- Quy trình bán hàng tại cửa hàng



Hình 2. Biểu đồ mô tả quy trình bán hàng tại cửa hàng

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|--|--------------------|---------|
| #2 | 1 | Nhân viên bán hàng tư vấn cho khách hàng dựa vào sở thích, ngân sách và nhu cầu của khách hàng | Nhân viên bán hàng | |
| | 2 | Khách hàng chọn sản phẩm mình muốn mua và số lượng | Khách hàng | |
| | 3 | Nhân viên bán hàng kiểm tra số lượng sản phẩm trên hệ thống. Trong trường hợp số lượng sản phẩm không đủ so với yêu cầu của khách hàng, nhân viên bán hàng tư vấn cho khách hàng sản phẩm thay thế khác (quay lại bước 1). | Nhân viên bán hàng | |
| | 4 | Nhân viên bán hàng tạo hóa đơn trên hệ thống. | Nhân viên bán hàng | |
| | 5 | Nhân viên bán hàng thông báo số tiền khách hàng cần thanh toán. | Nhân viên bán hàng | |
| | 6 | Khách hàng thực hiện thanh toán | Khách hàng | |
| | 7 | Nhân viên bán hàng xác nhận khách hàng thanh toán thành công trên hệ thống và in hóa đơn. | Nhân viên bán hàng | |

- Quy trình bán hàng qua mạng xã hội



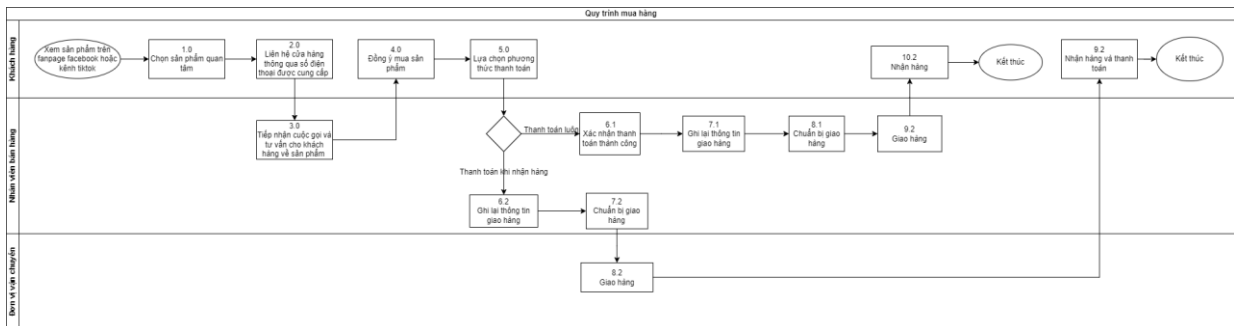
Hình 3. Biểu đồ mô tả quy trình bán hàng qua mạng xã hội

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|--|--------------------|---------|
| #3 | 1 | Nhân viên bán hàng tư vấn cho khách hàng dựa vào sở thích, ngân sách và nhu cầu của khách hàng | Nhân viên bán hàng | |
| | 2 | Khách hàng chọn sản phẩm mình muốn mua và số lượng | Khách hàng | |
| | 3 | Nhân viên bán hàng kiểm tra số lượng sản phẩm trên hệ thống. Trong trường hợp số lượng sản phẩm không đủ so với yêu cầu của khách hàng, nhân viên bán hàng tư vấn cho khách hàng sản phẩm thay thế khác. | Nhân viên bán hàng | |
| | 4 | Khi có yêu cầu đặt hàng, nhân viên bán hàng gọi điện xác nhận liệu khách hàng có đặt hàng hay không. | Nhân viên bán hàng | |

| | | | |
|----|---|--------------------|--|
| 5 | Nhân viên bán hàng yêu cầu khách hàng xác nhận thông tin đơn đặt hàng của mình. Trong trường hợp sai thông tin, nhân viên bán hàng cập nhật lại thông tin đơn hàng cho khách hàng (bước 6). | Nhân viên bán hàng | |
| 6 | Nhân viên bán hàng cập nhật lại thông tin đơn hàng cho khách hàng | Nhân viên bán hàng | |
| 7 | Nhân viên bán hàng tạo đơn đặt hàng trên hệ thống. | Nhân viên bán hàng | |
| 8 | Nhân viên bán hàng thông báo số tiền khách hàng cần thanh toán. | Nhân viên bán hàng | |
| 9 | Nhân viên bán hàng yêu cầu khách hàng xác nhận hình thức thanh toán. - Thanh toán luôn và thanh toán bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng - Thanh toán khi nhận hàng. | Nhân viên bán hàng | |
| 10 | Khách hàng thực hiện thanh toán (trong trường hợp thanh toán luôn). | Khách hàng | |
| 11 | Nhân viên bán hàng xác nhận thanh toán thành công trên hệ thống (trong trường hợp thanh toán luôn). | Nhân viên bán hàng | |
| 12 | Nhân viên bán hàng tạo thông tin vận chuyển của đơn hàng. | Nhân viên bán hàng | |
| 13 | Nhân viên ghi thông tin đơn vận chuyển trên hệ thống | Nhân viên bán hàng | |

| | | | | |
|--|----|---|--------------------|--|
| | 14 | Nhân viên bán hàng báo với thủ kho về đơn hàng. | Nhân viên bán hàng | |
| | 15 | Nhân viên kho tiến hành đóng gói, dán phiếu giao hàng. | Nhân viên kho | |
| | 16 | Người vận chuyển đến lấy hàng. | Bên vận chuyển | |
| | 17 | Nhân viên bán hàng ghi nhận trên hệ thống là hàng đã chuyển đi. | Nhân viên bán hàng | |

- Quy trình mua hàng qua mạng xã hội

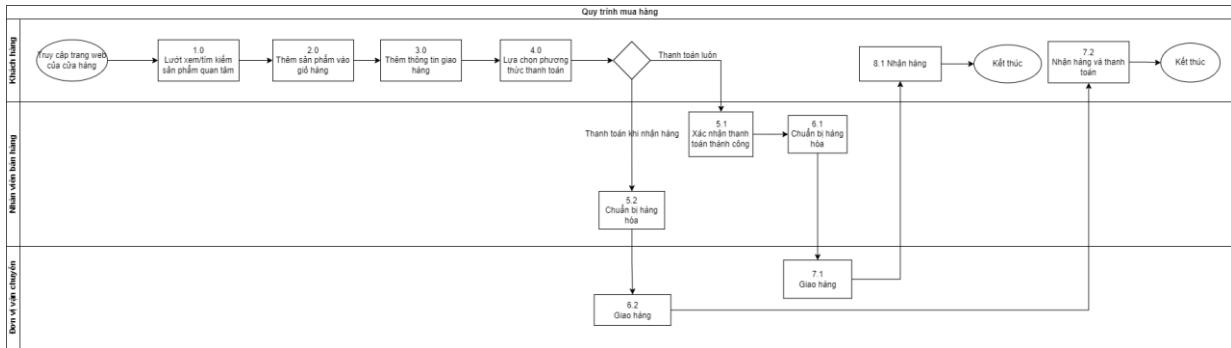


Hình 4. Biểu đồ mô tả quy trình mua hàng qua mạng xã hội

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|---|-----------------|---------|
| #4 | 1 | Khách hàng xem sản phẩm trên fanpage facebook hoặc kênh tiktok chính thức của cửa hàng. | Khách hàng | |
| | 2 | Khách hàng chọn sản phẩm mà họ quan tâm. | Khách hàng | |
| | 3 | Khách hàng liên hệ với cửa hàng thông qua số điện thoại được cung cấp trên | Khách hàng | |

| | | | | |
|--|----|--|--------------------|--|
| | | fanpage hoặc nhắn tin trực tiếp qua fanpage. | | |
| | 4 | Nhân viên cửa hàng sẽ tiếp nhận cuộc gọi và tư vấn cho khách hàng về sản phẩm mà họ quan tâm. | Nhân viên bán hàng | |
| | 5 | Khách hàng đã chọn sản phẩm và đồng ý với các điều khoản | Khách hàng | |
| | 6 | Khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán luôn thì chuyển sang bước 7. - Thanh toán khi giao hàng thì chuyển sang bước 8. | Khách hàng | |
| | 7 | Nhân viên xác nhận thanh toán thành công. Tiếp tục bước 8 | Nhân viên bán hàng | |
| | 8 | Nhân viên ghi lại thông tin giao hàng. | Nhân viên bán hàng | |
| | 9 | Nhân viên chuẩn bị hàng hóa. | Nhân viên bán hàng | |
| | 10 | Hàng hóa được vận chuyển | Đơn vị vận chuyển | |
| | 11 | Khách hàng nhận hàng. Nếu là khách hàng chọn thanh toán khi giao hàng thì thanh toán cho đơn vị vận chuyển. Kết thúc | Khách hàng | |

- Quy trình mua hàng thông qua trang web

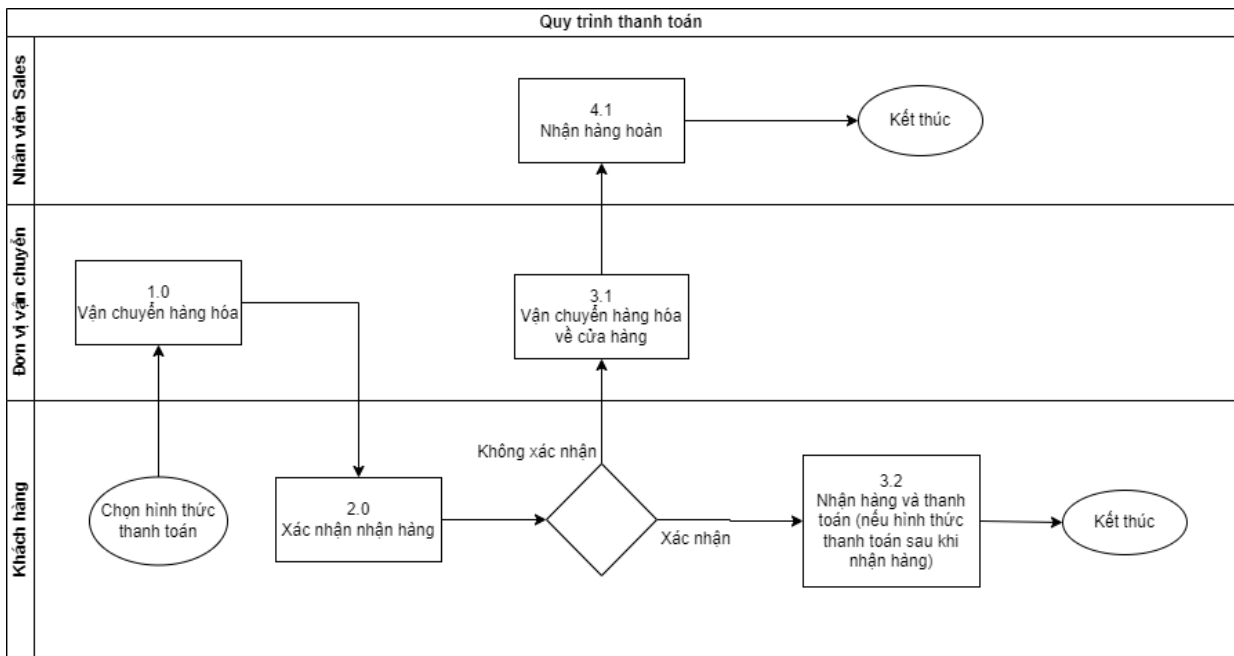


Hình 5. Biểu đồ mô tả quy trình mua hàng thông qua trang web

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|--|--------------------|---------|
| #5 | 1 | Khách hàng truy cập trang web của cửa hàng | Khách hàng | |
| | 2 | Khách hàng lướt xem/tìm kiếm sản phẩm mà mình quan tâm | Khách hàng | |
| | 3 | Khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng | Khách hàng | |
| | 4 | Khách hàng thêm thông tin giao hàng | Khách hàng | |
| | 5 | Khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán luôn. Chuyển sang bước 6. - Thanh toán khi giao hàng. Chuyển sang bước 7. | Khách hàng | |
| | 6 | Nhân viên bán hàng xác nhận trên hệ thống là đã thanh toán thành công | Nhân viên bán hàng | |

| | | | | |
|--|---|--|--------------------|--|
| | 7 | Nhân viên bán hàng chuẩn bị hàng hóa | Nhân viên bán hàng | |
| | 8 | Hàng hóa được vận chuyển | Đơn vị vận chuyển | |
| | 9 | Khách hàng nhận hàng. Nếu là khách hàng chọn thanh toán khi giao hàng thì thanh toán cho đơn vị vận chuyển. Kết thúc | Khách hàng | |

- Quy trình thanh toán:

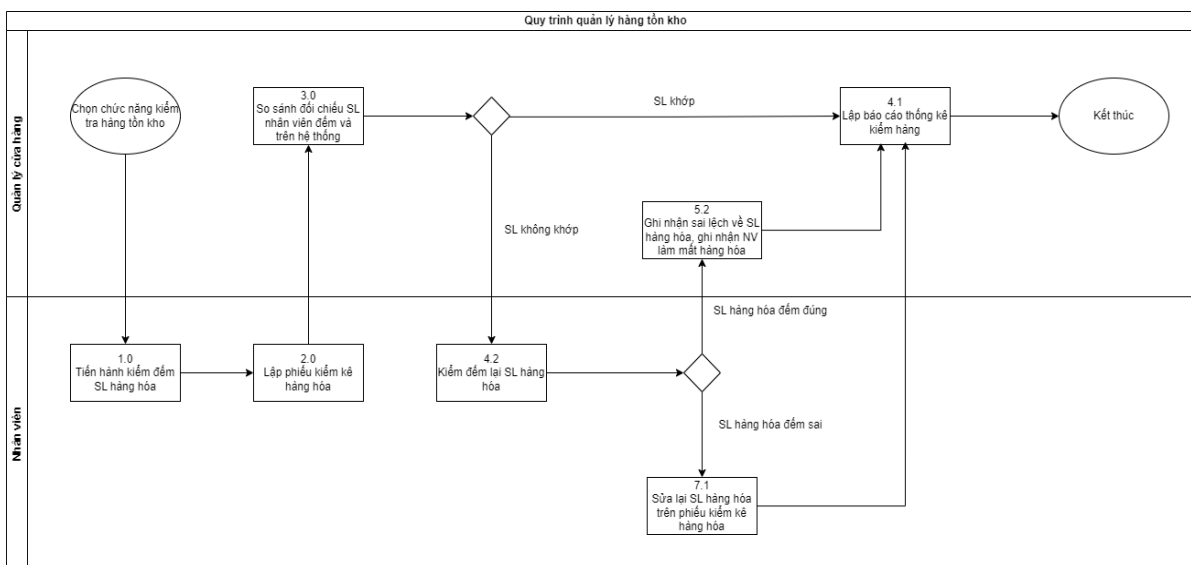


Hình 6. Biểu đồ mô tả quy trình thanh toán

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|---|-------------------|---------|
| #6 | 1 | Khách hàng chọn hình thức thanh toán | Khách hàng | |
| | 2 | Đơn vị vận chuyển thực hiện quá trình giao hàng | Đơn vị vận chuyển | |

| | | | | |
|--|---|---|-------------------|--|
| | 3 | Khách hàng xác nhận đơn hàng: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu xác nhận đơn hàng thì chuyển sang bước 4 - Nếu không xác nhận đơn hàng thì chuyển sang bước 5 | Khách hàng | |
| | 4 | Khách hàng thêm thông tin giao hàng | Khách hàng | |
| | 5 | Khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán luôn. Chuyển sang bước 6. - Thanh toán khi giao hàng. Chuyển sang bước 7. | Khách hàng | |
| | 6 | Nhận hàng và thanh toán (nếu hình thức thanh toán là sau khi nhận hàng) và kết thúc quy trình | Khách hàng | |
| | 7 | Đơn vị vận chuyển vận chuyển hàng hóa quay trở về cửa hàng | Đơn vị vận chuyển | |
| | 8 | Nhận hàng hóa và kết thúc quy trình | Nhân viên Sales | |

- Quy trình quản lý hàng tồn kho



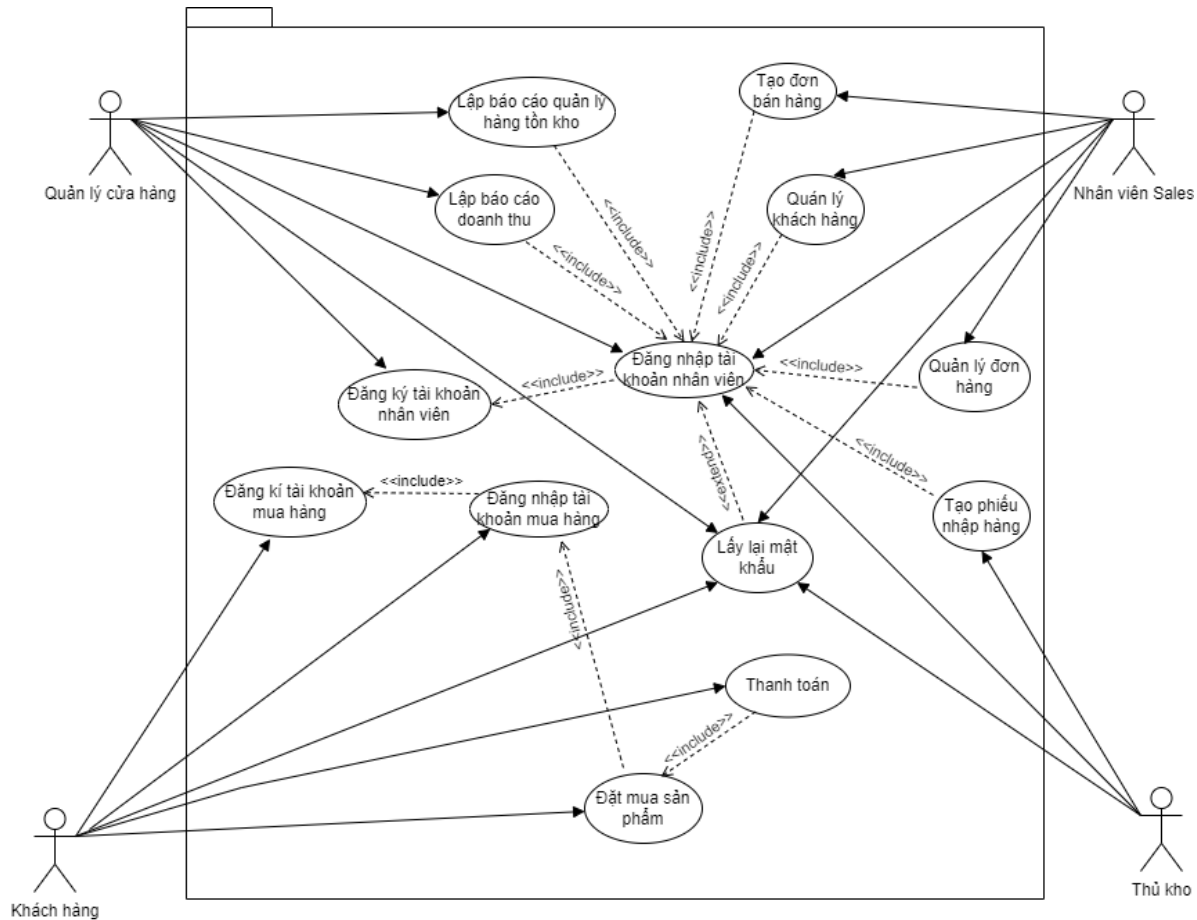
Hình 7. Biểu đồ mô tả quy trình quản lý hàng tồn kho

| ID | Bước | Mô tả | Người thực hiện | Ghi chú |
|----|------|---|------------------|---------|
| #7 | 1 | Quản lý cửa hàng chọn báo cáo quản lý tồn kho | Quản lý cửa hàng | |
| | 2 | Nhân viên kiểm tra số lượng hàng hóa tại cửa hàng và lập Phiếu kiểm kê hàng hóa | Nhân viên | |
| | 3 | So sánh đối chiếu SL nhân viên đếm và SL trên hệ thống <ul style="list-style-type: none"> - Nếu SL khớp chuyển sang bước 4 - Nếu SL không khớp chuyển sang bước 5 | Quản lý cửa hàng | |
| | 4 | Lập báo cáo thống kê kiểm hàng và kết thúc quy trình | Quản lý cửa hàng | |
| | 5 | Nhân viên kiểm đếm lại SL hàng hóa | Nhân viên | |

| | | | | |
|--|---|---|------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu SL hàng hóa đếm sai, chuyển sang bước 6 - Nếu SL hàng hóa đếm đúng, chuyển sang bước 7 | | |
| | 6 | Nhân viên sửa lại SL hàng hóa đếm được trên phiếu kiểm kê. Sau đó chuyển sang bước 4 | Nhân viên | |
| | 7 | Quản lý ghi nhận nhân viên làm mất hàng. Sau đó chuyển sang bước 4 | Quản lý cửa hàng | |

8.2. Các ca sử dụng (Use Cases)

8.2.1. Biểu đồ ca sử dụng



Hình 8. Biểu đồ ca sử dụng

8.2.2. Mô tả ca sử dụng

8.2.2.1. Đăng ký tài khoản nhân viên

| | | | |
|-----------------|-----------------------------|-------------------------|--------------------|
| ID ca sử dụng: | NV01 | | |
| Tên ca sử dụng: | Đăng ký tài khoản nhân viên | | |
| Người khởi tạo: | An Đoàn Minh Khánh | Người cập nhật cuối: | An Đoàn Minh Khánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|---------------|------------------|
| Các tác nhân: | Quản lý cửa hàng |
|---------------|------------------|

| | |
|-----------------------|--|
| Mô tả: | Là người dùng, tôi muốn đăng ký các tài khoản cho nhân viên để quản lý hàng hóa trên hệ thống quản lý hàng hóa. |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập. Người dùng vào màn hình Đăng ký. |
| Kết quả trả về: | Người dùng đăng kí và phân quyền cho tài khoản thành công. Hệ thống ghi nhận thông tin tài khoản thành công vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập hệ thống quản lý hàng hóa của cửa hàng Trang sức Cartier. 2. Người dùng chọn thêm tài khoản 3. Người dùng nhập đủ các thông tin: email, số điện thoại, họ tên và mật khẩu cho tài khoản của nhân viên đó. Và phân quyền thích hợp cho tài khoản đó. 4. Hệ thống xác thực thông tin đăng ký thành công. 5. Hệ thống lưu thông tin tài khoản vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | Không có |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Thi thoảng |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập thiếu bất cứ thông tin tài khoản nào đều không thể lưu lại tài khoản. |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Mật khẩu có 6 ký tự Email đúng định dạng example@gmail.com Số điện thoại gồm 10 chữ số. |

| | |
|---------------|--|
| | Mật khẩu của người dùng phải được mã hóa bằng MD5. |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.2. Đăng nhập tài khoản nhân viên

| | | | |
|-----------------|-------------------------------|-------------------------|--------------------|
| ID ca sử dụng: | NV02 | | |
| Tên ca sử dụng: | Đăng nhập tài khoản nhân viên | | |
| Người khởi tạo: | An Đoàn Minh Khánh | Người cập nhật cuối: | An Đoàn Minh Khánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|----------------------|---|
| Các tác nhân: | Nhân viên bán hàng, Thủ kho, Quản lý cửa hàng |
| Mô tả: | Người dùng muốn đăng nhập vào hệ thống để sử dụng hệ thống. |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập. Người dùng vào màn hình Đăng nhập. |
| Kết quả trả về: | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công. Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công vào nhật ký hoạt động. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập hệ thống quản lý hàng hóa của cửa hàng Trang sức Cartier. 2. Người dùng chọn phương thức đăng nhập bằng tài khoản đã được đăng ký. 3. Người dùng nhập tài khoản và chọn lệnh đăng nhập. 4. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập hệ thống. |

| | |
|-----------------------|--|
| | 5. Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công vào nhật ký hoạt động. |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | 4a. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo. 4a1. Người dùng chọn hủy đăng nhập. Use Case kết thúc. 4a2. Người dùng chọn quên mật khẩu. Use Case tiếp tục Use Case 03 |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Luôn luôn |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập ở lần thứ 4 liên tiếp sẽ bị khóa tài khoản |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Time out cho màn hình đăng nhập dưới 60 giây. |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.3. Tạo phiếu nhập hàng

| | | | |
|-----------------|---------------------|-------------------------|--------------------|
| ID ca sử dụng: | NV03 | | |
| Tên ca sử dụng: | Tạo phiếu nhập hàng | | |
| Người khởi tạo: | An Đoàn Minh Khánh | Người cập nhật cuối: | An Đoàn Minh Khánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|----------------------|---|
| Các tác nhân: | Thủ kho |
| Mô tả: | Người dùng muốn tạo phiếu nhập hàng để thêm hàng hóa và các thông tin hàng hóa vào hệ thống. |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện tác vụ này. Người dùng đăng nhập và chọn giao diện Phiếu nhập hàng. |
| Kết quả trả về: | Người dùng tạo Phiếu nhập hàng thành công. Hệ thống lưu lại thông tin trên Phiếu nhập hàng vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn Phiếu nhập hàng. 2. Hệ thống hiển thị giao diện Phiếu nhập hàng. 3. Người dùng nhập các thông tin: ngày nhập, người nhập, danh sách sản phẩm, đơn giá nhập,.... Và chọn Lưu. 4. Hệ thống thông báo tạo Phiếu nhập hàng thành công. 5. Hệ thống lưu lại thông tin trên Phiếu nhập hàng vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>3a. Người dùng nhập các thông tin: ngày nhập, người nhập, danh sách sản phẩm, đơn giá nhập,.... Và chọn Lưu&In.</p> <p>4a. Hệ thống thông báo tạo Phiếu nhập hàng thành công và In.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 5.</p> <p>3b. Người dùng nhập các thông tin: ngày nhập, người nhập, danh sách sản phẩm, đơn giá nhập,.... Và chọn Hủy.</p> <p>4b. Hệ thống hiển thị thông báo có muốn hủy không?</p> <p>4b1. Người dùng chọn Có.</p> <p>Use Case kết thúc.</p> |
| Ca sử dụng con: | Không có |

| | |
|-----------------------|---|
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Nhập vào số lượng và đơn giá của mỗi mặt hàng, hệ thống phải trả lại Thành tiền = Số lượng * Đơn giá. Tổng tiền = Tổng các Thành tiền. |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.4. Tạo đơn bán hàng

| | | | |
|-----------------|-------------------|-------------------------|-------------------|
| ID ca sử dụng: | NV04 | | |
| Tên ca sử dụng: | Tạo đơn bán hàng | | |
| Người khởi tạo: | Trần Thị Dung Nhi | Người cập nhật cuối: | Trần Thị Dung Nhi |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 06/05/2024 |

| | |
|---------------|--|
| Các tác nhân: | Nhân viên Sales |
| Mô tả: | Hệ thống cho phép nhân viên sales tạo đơn bán hàng mới trên hệ thống sau khi nhận được yêu cầu từ khách hàng tại cửa hàng. Hệ thống yêu cầu nhân viên sales nhập các thông tin cần thiết như thông tin khách hàng, danh sách sản phẩm, số lượng, đơn giá bán. Hệ thống sẽ tự động cập nhật số lượng tồn kho của sản phẩm sau mỗi đơn bán hàng. |

| | |
|-----------------------|---|
| Điều kiện đầu vào: | <p>Khi phát sinh đơn hàng mới tại cửa hàng</p> <p>Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào hệ thống của cửa hàng</p> <p>Người dùng đã đăng nhập thành công và được phân quyền</p> <p>Người dùng chọn giao diện Tạo đơn hàng</p> |
| Kết quả trả về: | <p>Người dùng thực hiện các thao tác nhập thông tin đơn hàng thành công.</p> <p>Hệ thống lưu lại thông tin đơn hàng vào cơ sở dữ liệu.</p> |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập tạo đơn hàng 2. Hệ thống hiển thị giao diện Tạo đơn hàng 3. Người dùng điền thông tin khách hàng: họ tên nhân viên, họ tên KH, số điện thoại, email, địa chỉ: tỉnh, quận huyện, phường xã, ghi chú (nếu có). Sau khi điền xong thông tin và lưu vào hệ thống. 4. Hệ thống lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>3a. Người dùng bấm nút Thoát</p> <p>4a. Hệ thống quay về giao diện quản lý cửa hàng</p> |
| Cá sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập thiếu bất cứ thông tin đơn hàng (ngoại trừ ghi chú và các thông tin tự sinh) hệ thống sẽ không thể lưu lại. |
| Các yêu cầu đặc biệt: | <p>Mã ĐH sẽ tự sinh ra khi tạo đơn mới</p> <p>Ngày giờ sẽ tự động cập nhật khi bấm lưu thông tin</p> |

| | |
|---------------|---|
| | Mã KH sẽ tự sinh khi lưu thông tin thành công |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.5. Nhân viên sales Hủy đơn đặt hàng

| | | | |
|-----------------|-------------------|-------------------------|-------------------|
| ID ca sử dụng: | NV05 | | |
| Tên ca sử dụng: | Hủy đơn đặt hàng | | |
| Người khởi tạo: | Trịnh Thị Lan Ánh | Người cập nhật cuối: | Trịnh Thị Lan Ánh |
| Ngày khởi tạo: | 05/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 07/05/2024 |

| | |
|----------------------|---|
| Các tác nhân: | Nhân viên cửa hàng, Quản lý cửa hàng |
| Mô tả: | Người dùng truy cập vào hệ thống để thực hiện hủy đơn đặt hàng |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào hệ thống của cửa hàng Người dùng đã đăng nhập thành công và được phân quyền Người dùng chọn giao diện Đơn hàng. |
| Kết quả trả về: | Người dùng thực hiện các thao tác hủy đơn hàng thành công. Hệ thống lưu lại thông tin đơn hàng đã hủy vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn giao diện Đơn hàng 2. Hệ thống hiển thị giao diện Đơn hàng 3. Người dùng chọn đơn hàng cần hủy 4. Hệ thống hiển thị giao diện Chi tiết đơn hàng 5. Người dùng chọn chức năng Hủy đơn hàng 6. Hệ thống hiển thị giao diện Hủy đơn hàng |

| | |
|-----------------------|---|
| | 7. Người dùng lựa chọn có gửi email thông báo tới khách hàng hay không và Lưu thông tin 8. Hệ thống lưu lại các thông tin hủy đơn hàng vào cơ sở dữ liệu và đưa ra thông báo |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | 7a. Người dùng bấm nút Đóng 8a. Hệ thống sẽ quay về giao diện Chi tiết đơn hàng |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Chỉ người dùng được phân quyền mới có thể thực hiện các thao tác thay đổi |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Chỉ được phép hủy đơn hàng trước 24h sau khi tạo đơn hàng |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.6. Quản lý đơn hàng

| | | | |
|-----------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| ID ca sử dụng: | NV06 | | |
| Tên ca sử dụng: | Quản lý đơn hàng | | |
| Người khởi tạo: | Phạm Nguyễn Ngọc Mai | Người cập nhật cuối: | Phạm Nguyễn Ngọc Mai |
| Ngày khởi tạo: | 05/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 07/05/2024 |

| | |
|-----------------------|---|
| Các tác nhân: | Nhân viên cửa hàng, Thủ kho, Quản lý cửa hàng |
| Mô tả: | Mô tả cách quản lý đơn hàng. Người dùng truy cập vào trang web để kiểm tra trạng thái đơn hàng |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào hệ thống của cửa hàng Người dùng đã đăng nhập thành công và được phân quyền Người dùng chọn giao diện Quản lý đơn hàng. |
| Kết quả trả về: | Người dùng thực hiện các thao tác với Đơn hàng thành công. Hệ thống lưu lại thông tin các đơn hàng vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn giao diện Quản lý đơn hàng 2. Hệ thống hiển thị giao diện Quản lý đơn hàng 3. Người dùng thực hiện các thao tác: tìm kiếm đơn hàng theo mã đơn hàng, ngày đặt hàng. 4. Hệ thống hiển thị thông tin các Đơn hàng |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | Không có |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Chỉ người dùng được phân quyền mới có thể thực hiện các thao tác thay đổi |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Khi nhập nhiều đơn hàng thì các mã đơn hàng ngăn cách nhau bằng dấu “,” Chỉ được nhập tối đa 20 mã đơn hàng cho 1 lần tìm kiếm |

| | |
|---------------|----------|
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.7. Quản lý khách hàng

| | | | |
|-----------------|--------------------|-------------------------|-------------------|
| ID ca sử dụng: | NV07 | | |
| Tên ca sử dụng: | Quản lý khách hàng | | |
| Người khởi tạo: | Trần Thị Dung Nhi | Người cập nhật cuối: | Trần Thị Dung Nhi |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 06/05/2024 |

| | |
|----------------------|--|
| Các tác nhân: | Quản lý cửa hàng, Nhân viên Sales |
| Mô tả: | Hệ thống quản lý thông tin khách hàng như thông tin liên hệ và lịch sử mua hàng. |
| Điều kiện đầu vào: | <p>Khi phát sinh khách hàng mới</p> <p>Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào hệ thống của cửa hàng</p> <p>Người dùng đã đăng nhập thành công và được phân quyền</p> <p>Người dùng chọn giao diện Quản lý khách hàng.</p> |
| Kết quả trả về: | <p>Người dùng thực hiện các thao tác nhập thông tin khách hàng thành công.</p> <p>Hệ thống lưu lại thông tin khách hàng vào cơ sở dữ liệu.</p> |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập giao diện Quản lý khách hàng 2. Người dùng điền thông tin khách hàng: họ tên, số điện thoại, email, địa chỉ: tỉnh, quận huyện, phường xã, ghi chú (nếu có). 3. Sau khi điền xong thông tin nhấn nút Lưu 4. Hệ thống lưu lại thông tin khách hàng |

| | |
|-----------------------|--|
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>2a. Người dùng tìm kiếm thông tin khách hàng</p> <p>3a. Người dùng nhấn nút Sửa</p> <p>3a1. Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng</p> <p>3a2. Người dùng sửa thông tin khách hàng</p> <p>3a3. Người dùng nhấn nút Lưu.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 4</p> <p>4a. Nếu hệ thống thông báo email hoặc số điện thoại đã tồn tại thì người dùng yêu cầu khách hàng xác nhận, lấy lại thông tin (nếu là do nhầm lẫn)</p> <p>4a1. Người dùng điền lại thông tin khách hàng</p> <p>4a2. Người dùng nhấn nút Lưu</p> <p>4a3. Hệ thống lưu lại thông tin khách hàng</p> |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập thiếu thông tin khách hàng (ngoại trừ ghi chú) hệ thống sẽ không thể lưu lại. |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.8. Báo cáo quản lý hàng tồn kho

| | |
|----------------|------|
| ID ca sử dụng: | NV08 |
|----------------|------|

| | | | |
|-----------------|------------------------------|-------------------------|-------------------|
| Tên ca sử dụng: | Báo cáo quản lý hàng tồn kho | | |
| Người khởi tạo: | Trịnh Thị Lan Ánh | Người cập nhật cuối: | Trịnh Thị Lan Ánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|----------------------|---|
| Các tác nhân: | Quản lý cửa hàng, Thủ kho |
| Mô tả: | Người dùng truy cập vào trang web Trang sức Cartier để xem và xuất Báo cáo quản lý hàng tồn kho |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào hệ thống của cửa hàng Người dùng đã đăng nhập thành công và được phân quyền Người dùng chọn chức năng Báo cáo quản lý hàng tồn kho |
| Kết quả trả về: | Báo cáo chi tiết về tình trạng hàng tồn kho |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào giao diện quản lý cửa hàng 2. Người dùng chọn chức năng Báo cáo quản lý hàng tồn kho 3. Hệ thống hiển thị giao diện Báo cáo quản lý hàng tồn kho 4. Người dùng chọn chức năng Xem báo cáo 5. Hệ thống hiển thị chi tiết Báo cáo quản lý hàng tồn kho |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>4a. Người dùng chọn chức năng Xuất báo cáo</p> <p>5a. Hệ thống xuất Báo cáo quản lý hàng tồn kho</p> |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |

| | |
|-----------------------|---|
| Tần suất sử dụng: | Luôn luôn |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Dữ liệu phải được cập nhật định kỳ trong hệ thống |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.9. Báo cáo doanh thu

| | | | |
|-----------------|-------------------|-------------------------|-------------------|
| ID ca sử dụng: | NV09 | | |
| Tên ca sử dụng: | Báo cáo doanh thu | | |
| Người khởi tạo: | Trịnh Thị Lan Ánh | Người cập nhật cuối: | Trịnh Thị Lan Ánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|----------------------|---|
| Các tác nhân: | Quản lý cửa hàng |
| Mô tả: | Người dùng truy cập vào trang web Trang sức Cartier và tương tác với chức năng có sẵn. |
| Điều kiện đầu vào: | Người dùng đăng nhập vào trang web chọn chức năng Báo cáo doanh thu |
| Kết quả trả về: | Báo cáo chi tiết về doanh thu theo yêu cầu của người dùng (theo ngày, theo tháng, theo quý, theo năm) |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào giao diện quản lý cửa hàng 2. Người dùng chọn chức năng Báo cáo doanh thu 3. Hệ thống hiển thị giao diện Báo cáo doanh thu |

| | |
|-----------------------|--|
| | <p>4. Người dùng nhập các thông tin tìm kiếm theo mong muốn và chọn chức năng Tìm kiếm.</p> <p>5. Hệ thống hiển thị chi tiết Báo cáo doanh thu theo yêu cầu tìm kiếm</p> |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | Không |
| Ca sử dụng con: | Không |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Luôn luôn |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Dữ liệu phải được cập nhật định kỳ trong hệ thống |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.10. Đăng ký tài khoản mua hàng

| | | | |
|-----------------|----------------------------|-------------------------|--------------------|
| ID ca sử dụng: | KH01 | | |
| Tên ca sử dụng: | Đăng ký tài khoản mua hàng | | |
| Người khởi tạo: | An Đoàn Minh Khánh | Người cập nhật cuối: | An Đoàn Minh Khánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|----------------------|--|
| Các tác nhân: | Khách hàng |
| Mô tả: | Là người dùng, tôi muốn đăng ký tài khoản vào hệ thống để sử dụng dịch vụ của hệ thống. |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập. Người dùng vào màn hình Đăng ký. |
| Kết quả trả về: | Người dùng đăng ký tài khoản thành công. Hệ thống ghi nhận tài khoản đăng ký thành công vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập hệ thống mua hàng của cửa hàng Trang sức Cartier. 2. Người dùng chọn đăng ký tài khoản. 3. Người dùng nhập địa chỉ email, mật khẩu, tên, số điện thoại và chọn lệnh tạo tài khoản. 4. Hệ thống gửi mã xác nhận vào email đăng ký. 5. Người dùng nhập mã xác nhận. 6. Hệ thống xác thực đăng ký tài khoản thành công và cho phép người dùng truy cập hệ thống. 7. Hệ thống ghi nhận thông tin tài khoản vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>3a. Hệ thống xác thực địa chỉ email đã tồn tại trong cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo.</p> <p>3a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng ký. Use Case kết thúc.</p> <p>3a2. Người dùng chọn lệnh Đăng nhập. Use Case tiếp tục Use Case KH02.</p> <p>5a. Hệ thống xác nhận người dùng nhập sai mã xác nhận và cho phép gửi lại mã xác nhận.</p> <p>5a1. Người nhận chọn Gửi lại mã xác nhận.</p> |

| | |
|-----------------------|---|
| | Use Case tiếp tục bước 4. |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Luôn luôn |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập ở lần thứ 4 liên tiếp sẽ bị khóa tài khoản |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Mật khẩu có 6 ký tự Email đúng định dạng example@gmail.com Số điện thoại gồm 10 chữ số Mật khẩu của người dùng phải được mã hóa bằng MD5. |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.11. Đăng nhập tài khoản mua hàng

| | | | |
|-----------------|------------------------------|-------------------------|--------------------|
| ID ca sử dụng: | KH02 | | |
| Tên ca sử dụng: | Đăng nhập tài khoản mua hàng | | |
| Người khởi tạo: | An Đoàn Minh Khánh | Người cập nhật cuối: | An Đoàn Minh Khánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|---------------|--|
| Các tác nhân: | Khách hàng |
| Mô tả: | Là người dùng, tôi muốn đăng nhập vào hệ thống để sử dụng dịch vụ từ hệ thống. |

| | |
|----------------------|---|
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập. Người dùng vào màn hình Đăng nhập. |
| Kết quả trả về: | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công. Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công vào Activity Log. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập trang web Trang sức Cartier. 2. Người dùng chọn phương thức đăng nhập bằng tài khoản Cartier. 3. Người dùng nhập tài khoản và chọn lệnh đăng nhập. 4. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập trang web. 5. Hệ thống ghi nhận hoạt động đăng nhập thành công vào Activity Log. |
| Quy trình thay thế: | <p>2a. Người dùng chọn phương thức đăng nhập bằng tài khoản Gmail</p> <p>2a1. Hệ thống chuyển sang màn hình đăng nhập của Google</p> <p>3a. Người dùng nhập tài khoản Google và chọn lệnh đăng nhập</p> <p>4a. Google xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập trang web.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 5.</p> <p>2b. Người dùng chọn phương thức đăng nhập bằng tài khoản Facebook.</p> <p>2b1. Hệ thống chuyển sang màn hình đăng nhập của Facebook</p> <p>3b. Người dùng nhập tài khoản Facebook và chọn lệnh đăng nhập</p> <p>4b. Facebook xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập trang web.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 5.</p> |
| Các ngoại lệ: | 4c. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo. |

| | |
|-----------------------|---|
| | 4c1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập. Use Case kết thúc. 4c2. Người dùng chọn lệnh quên mật khẩu. Use Case tiếp tục Use Case KH03 |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Luôn luôn |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập ở lần thứ 6 liên tiếp sẽ bị khóa tài khoản |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Time out cho màn hình đăng nhập dưới 60 giây. |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.12. Lấy lại mật khẩu

| | | | |
|-----------------|---|-------------------------|--------------------|
| ID ca sử dụng: | KH03 | | |
| Tên ca sử dụng: | Lấy lại mật khẩu đăng nhập vào web mua hàng | | |
| Người khởi tạo: | An Đoàn Minh Khánh | Người cập nhật cuối: | An Đoàn Minh Khánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|---------------|--|
| Các tác nhân: | Khách hàng, Nhân viên bán hàng, Thủ kho, Quản lý cửa hàng |
| Mô tả: | Là người dùng, tôi muốn lấy lại mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống để sử dụng dịch vụ từ hệ thống. |

| | |
|----------------------|--|
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập. Người dùng chọn Quên mật khẩu tại giao diện Đăng nhập. |
| Kết quả trả về: | Người dùng lấy lại mật khẩu thành công. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn Quên mật khẩu. 2. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu người dùng xác thực qua email đã đăng ký. 3. Người dùng nhập email và chọn lệnh cấp lại mật khẩu. 4. Hệ thống gửi link đặt lại mật khẩu về email đó. 5. Người dùng nhấn vào đường link. 6. Hệ thống hiển thị giao diện điền mật khẩu mới. 7. Người dùng nhập mật khẩu mới. 8. Hệ thống lưu lại mật khẩu. |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>3a. Hệ thống xác thực email đó không phải email đã đăng ký và đưa ra thông báo nhập lại email.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 3.</p> <p>6a. Hệ thống chưa gửi link đặt lại mật khẩu sau 2 phút.</p> <p>6a1. Người dùng chọn lệnh cấp lại mật khẩu.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 4.</p> |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Khẩn cấp |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập sai mã code ở lần thứ 6 liên tiếp sẽ bị khóa tài khoản. |

| | |
|-----------------------|----------|
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.13. Đặt mua sản phẩm

| | | | |
|-----------------|------------------|-------------------------|----------------|
| ID ca sử dụng: | KH04 | | |
| Tên ca sử dụng: | Đặt mua sản phẩm | | |
| Người khởi tạo: | Đỗ Thị Kim Huệ | Người cập nhật cuối: | Đỗ Thị Kim Huệ |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|----------------------|--|
| Các tác nhân: | Khách hàng |
| Mô tả: | Người dùng muốn đặt mua sản phẩm trên website để có thể lựa chọn sản phẩm dễ dàng, tiết kiệm thời gian và công sức. |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào website của cửa hàng. Người dùng đăng nhập. |
| Kết quả trả về: | Người dùng mua hàng thành công. Hệ thống ghi nhận thông tin mua hàng vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng thêm sản phẩm cần mua vào giỏ hàng. 2. Người dùng chọn “Mua hàng”. 3. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu khách hàng điền thông tin đơn mua hàng: họ và tên, số điện thoại, email, địa chỉ, tỉnh, quận huyện, phường xã, ghi chú (không bắt buộc), mã giảm giá (nếu có). 4. Người dùng điền thông tin đơn hàng. 5. Người dùng chọn “Tiếp tục chọn vận chuyển”. 6. Hệ thống hiển thị giao diện thông tin vận chuyển, phí vận chuyển. |

| | |
|-----------------------|--|
| | <p>7. Người dùng kiểm tra thông tin vận chuyển.</p> <p>8. Người dùng chọn “Tiếp tục thanh toán”.</p> <p>9. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu khách hàng chọn hình thức thanh toán.</p> <p>10. Người dùng chọn hình thức thanh toán</p> <p>11. Người dùng chọn “Đặt hàng”.</p> |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <p>4a. Hệ thống kiểm tra các trường thông tin bắt buộc có bị bỏ sót hay không và đưa ra cảnh báo trước khi tiếp tục.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 4.</p> <p>4b. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của các trường thông tin: Số điện thoại, email và đưa ra cảnh báo trước khi tiếp tục.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 4.</p> <p>10a. Hệ thống kiểm tra trường thông tin có được chọn hay không và đưa ra cảnh báo trước khi tiếp tục.</p> <p>Use Case tiếp tục bước 10.</p> |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Khi có nhu cầu mua hàng |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập thiếu bất cứ thông tin bắt buộc nào đều không thể chuyển sang bước tiếp theo. |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.14. Thanh toán mua sản phẩm

| | | | |
|-----------------|-------------------------|-------------------------|----------------|
| ID ca sử dụng: | KH05 | | |
| Tên ca sử dụng: | Thanh toán mua sản phẩm | | |
| Người khởi tạo: | Đỗ Thị Kim Huệ | Người cập nhật cuối: | Đỗ Thị Kim Huệ |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | |

| | |
|----------------------|--|
| Các tác nhân: | Khách hàng |
| Mô tả: | Người dùng muốn thanh toán khi mua sản phẩm. |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào website của cửa hàng. Người dùng cần đăng nhập. |
| Kết quả trả về: | Người dùng thanh toán thành công. Hệ thống ghi nhận tình trạng thanh toán vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn “Tiếp tục chọn thanh toán” trong giao diện thông tin đơn hàng. 2. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu người dùng lựa chọn hình thức thanh toán. 3. Người dùng chọn hình thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. 4. Hệ thống hiển thị mã Code chuyển khoản và các thông tin ngân hàng. 5. Hệ thống hiển thị thanh toán thành công. 6. Người dùng nhấn Đặt hàng. 7. Hệ thống hiển thị thông báo đặt hàng thành công. |
| Quy trình thay thế: | Không có |

| | |
|-----------------------|--|
| Các ngoại lệ: | 3a. Người dùng chọn thanh toán bằng hình thức thanh toán khi nhận hàng (COD). Use Case tiếp tục bước 6. |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Người dùng nhập thiếu bất cứ thông tin bắt buộc nào đều không thể chuyển sang bước tiếp theo. |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Không có |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.2.15. Khách hàng hủy đơn đặt hàng

| | | | |
|-----------------|-------------------|-------------------------|-------------------|
| ID ca sử dụng: | KH06 | | |
| Tên ca sử dụng: | Hủy đơn đặt hàng | | |
| Người khởi tạo: | Trịnh Thị Lan Ánh | Người cập nhật cuối: | Trịnh Thị Lan Ánh |
| Ngày khởi tạo: | 01/05/2024 | Ngày cập nhật lần cuối: | 05/05/2024 |

| | |
|--------------------|---|
| Các tác nhân: | Khách hàng |
| Mô tả: | Người dùng truy cập vào hệ thống để thực hiện hủy đơn đặt hàng |
| Điều kiện đầu vào: | Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet và truy cập vào hệ thống của cửa hàng. |

| | |
|-----------------------|---|
| | Người dùng đã đăng nhập thành công và đã đặt hàng thành công. Người dùng chọn giao diện Đơn mua. |
| Kết quả trả về: | Người dùng thực hiện các thao tác hủy đơn hàng thành công. Hệ thống lưu lại thông tin đơn hàng đã hủy vào cơ sở dữ liệu. |
| Quy trình thực hiện: | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn giao diện Đơn mua 2. Hệ thống hiển thị giao diện Đơn mua 3. Người dùng chọn đơn hàng cần hủy 4. Hệ thống hiển thị giao diện Lý do hủy 5. Người dùng chọn lý do và chọn chức năng Hủy đơn hàng 6. Hệ thống hiển thị giao diện Hủy đơn hàng 7. Hệ thống lưu lại các thông tin hủy đơn hàng vào cơ sở dữ liệu và đưa ra thông báo |
| Quy trình thay thế: | Không có |
| Các ngoại lệ: | <ol style="list-style-type: none"> 5a. Người dùng chọn chức năng Không phải bây giờ 6a. Hệ thống quay về giao diện Đơn mua |
| Ca sử dụng con: | Không có |
| Mức độ ưu tiên: | Cao |
| Tần suất sử dụng: | Thường xuyên |
| Quy tắc nghiệp vụ: | Không có |
| Các yêu cầu đặc biệt: | Chỉ được hủy đơn hàng trước 24h sau khi tạo đơn hàng Chỉ được hủy đơn khi cửa hàng chưa bàn giao cho đơn vị vận chuyển |
| Các giả định: | Không có |
| Lưu ý: | Không có |

8.2.3. Thiết kế giao diện đơn giản

- Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên

2 **Đăng ký tài khoản nhân viên** 1 **Cartier Shop**

3

4

5

6

7 **Phân quyền**

☐ Quản lý cửa cửa hàng

☐ Thủ kho

☐ Nhân viên sales

8 **Tạo tài khoản**

Hình 9. Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------------|--------|------------------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Cartier Shop | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Tên cửa hàng |
| 2 | Đăng ký tài khoản nhân viên | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể load lại trang Đăng ký tài khoản nhân viên |
| 3 | Địa chỉ email | Text | Trường nhập liệu không | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập địa chỉ Email |

| | | | | | | |
|---|------------------|------|--|------------------------|----|---|
| | | | được để trống Địa chỉ email hợp lệ: example@ gmail.com | | | |
| 4 | Mật khẩu | Text | Trường nhập liệu không được để trống Yêu cầu mật khẩu phải có 6 ký tự | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tạo mật khẩu |
| 5 | Tên | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập tên |
| 6 | Số điện thoại | Text | Trường nhập liệu không được để trống Số điện thoại hợp lệ là dãy 10 số | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập số điện thoại |

| | | | | | | |
|---|---------------|----------|--------------------------------------|---------------------|----|--|
| 7 | Phân quyền | Checkbox | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể phân quyền cho tài khoản |
| 8 | Tạo tài khoản | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn để lưu lại thông tin tài khoản |

- Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên - Thiếu thông tin

Đăng ký tài khoản nhân viên **Cartier Shop**

1 (*) Thông tin bắt buộc
Địa chỉ email

2 (*) Thông tin bắt buộc
Mật khẩu

3 (*) Thông tin bắt buộc
Tên

4 (*) Thông tin bắt buộc
Số điện thoại

5 (*) Chọn ít nhất 1 ô
Phân quyền

☐ Quản lý cửa hàng

☐ Thủ kho

☐ Nhân viên sales

Tạo tài khoản

Hình 10. Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên - Thiếu thông tin

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------|-------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | (*) Thông tin bắt buộc | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thông tin email còn thiếu |

| | | | | | | |
|---|------------------------|-------|--|---------------------|----|--|
| 2 | (*) Thông tin bắt buộc | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thông tin mật khẩu còn thiếu |
| 3 | (*) Thông tin bắt buộc | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thông tin tên còn thiếu |
| 4 | (*) Thông tin bắt buộc | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thông tin số điện thoại còn thiếu |
| 5 | (*) Chọn ít nhất 1 ô | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thông tin phân quyền còn thiếu |

- Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên - Đăng ký thành công

Đăng ký tài khoản nhân viên **Cartier Shop**

dungnhi@gmail.com

Dung Nhi

0123456789

Đăng ký thành công

Phân quyền

☒ Quản lý cửa hàng

☐ Thủ kho

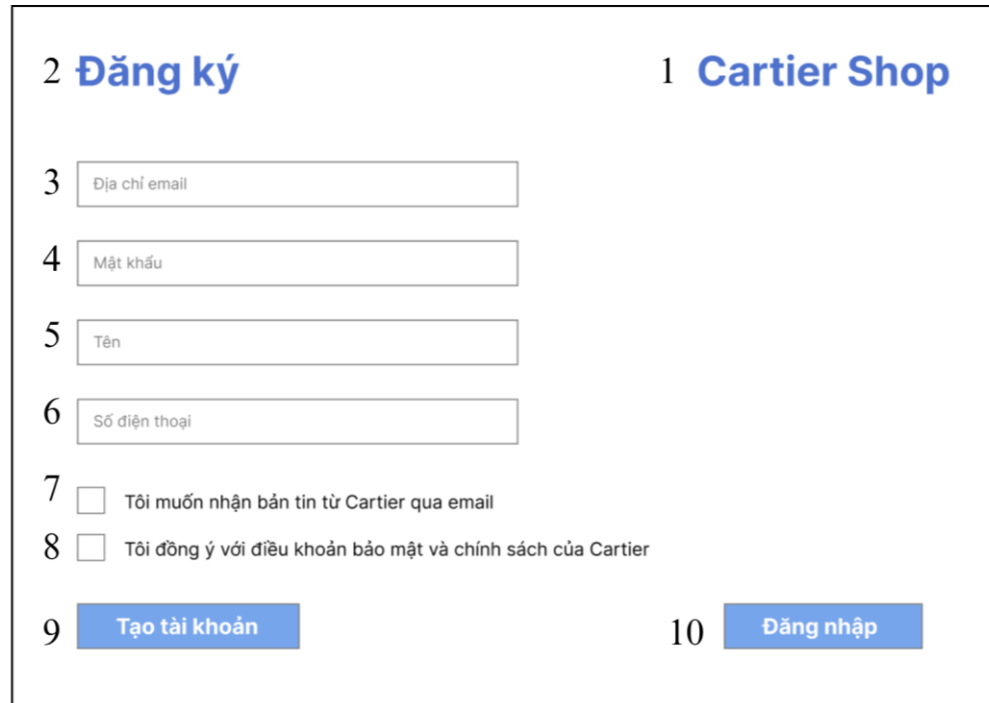
☐ Nhân viên sales

Tạo tài khoản

Hình 11. Giao diện Đăng ký tài khoản nhân viên - Đăng ký thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------------|-------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Đăng ký thành công | Popup | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống thông báo đăng ký thành công |

- Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng



Hình 12. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|---------------|--------|--------------------------------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại trang chủ |
| 2 | Đăng ký | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể load lại trang Đăng ký |
| 3 | Địa chỉ email | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập địa chỉ Email |

| | | | | | | |
|---|---------------|------|---|------------------|----|---|
| | | | Địa chỉ email hợp lệ: example@gmail.com | | | |
| 4 | Mật khẩu | Text | Trường nhập liệu không được để trống Yêu cầu mật khẩu phải có 6 ký tự | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tạo mật khẩu |
| 5 | Tên | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập tên |
| 6 | Số điện thoại | Text | Trường nhập liệu không được để trống Số điện thoại hợp lệ là dãy 10 số | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập số điện thoại |

| | | | | | | |
|----|---|-------------|--------------------------------------|---------------------|----|--|
| 7 | Tôi muốn nhận bản tin từ Cartier qua email | Radiobutton | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể chọn xem có muốn nhận bản tin từ Cartier qua email hay không |
| 8 | Tôi đồng ý với điều khoản và chính sách của Cartier | Radiobutton | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xác nhận đồng ý với điều khoản và chính sách của Cartier |
| 9 | Tạo tài khoản | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn để lưu lại thông tin tài khoản |
| 10 | Đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để sang đăng nhập |

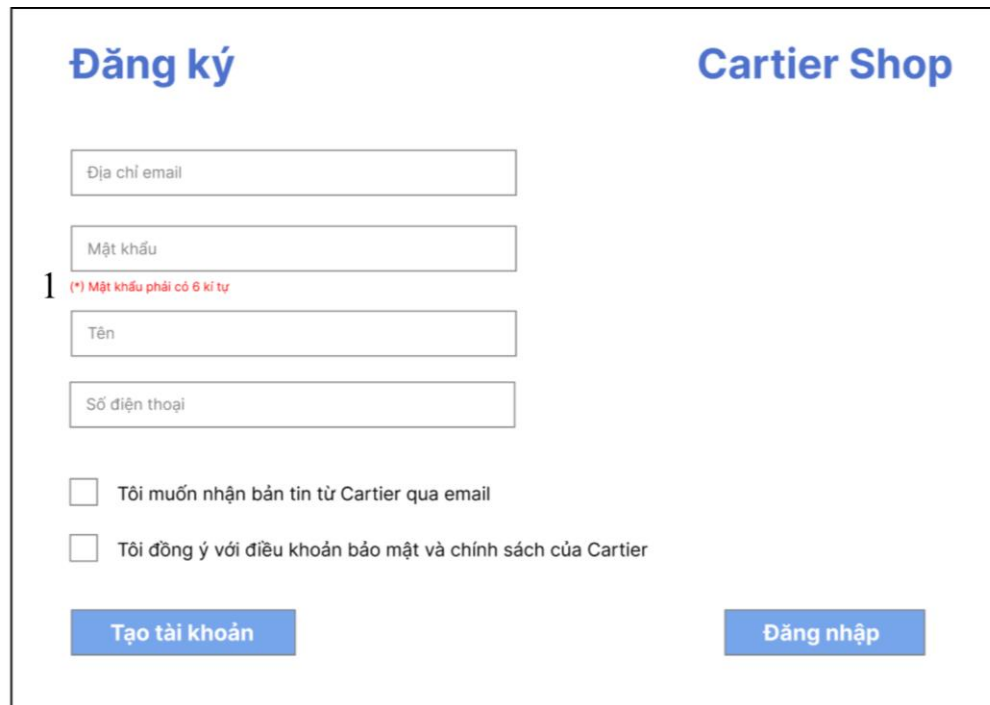
- Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Trùng thông tin

The screenshot shows the 'Đăng ký' (Register) page for 'Cartier Shop'. It features four input fields: 'Địa chỉ email' (Email address), 'Mật khẩu' (Password), 'Tên' (Name), and 'Số điện thoại' (Phone number). A red error message '1 (*) Địa chỉ email đã tồn tại' (1 (*) Email address already exists) is displayed next to the email field. Below the fields are two checkboxes: 'Tôi muốn nhận bản tin từ Cartier qua email' (I want to receive newsletters from Cartier via email) and 'Tôi đồng ý với điều khoản bảo mật và chính sách của Cartier' (I agree with the privacy policy and terms of Cartier). At the bottom are two buttons: 'Tạo tài khoản' (Create account) and 'Đăng nhập' (Login).

Hình 13. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Trùng thông tin

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------------|-------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | (*) Địa chỉ email đã tồn tại | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thấy trùng lặp thông tin email |

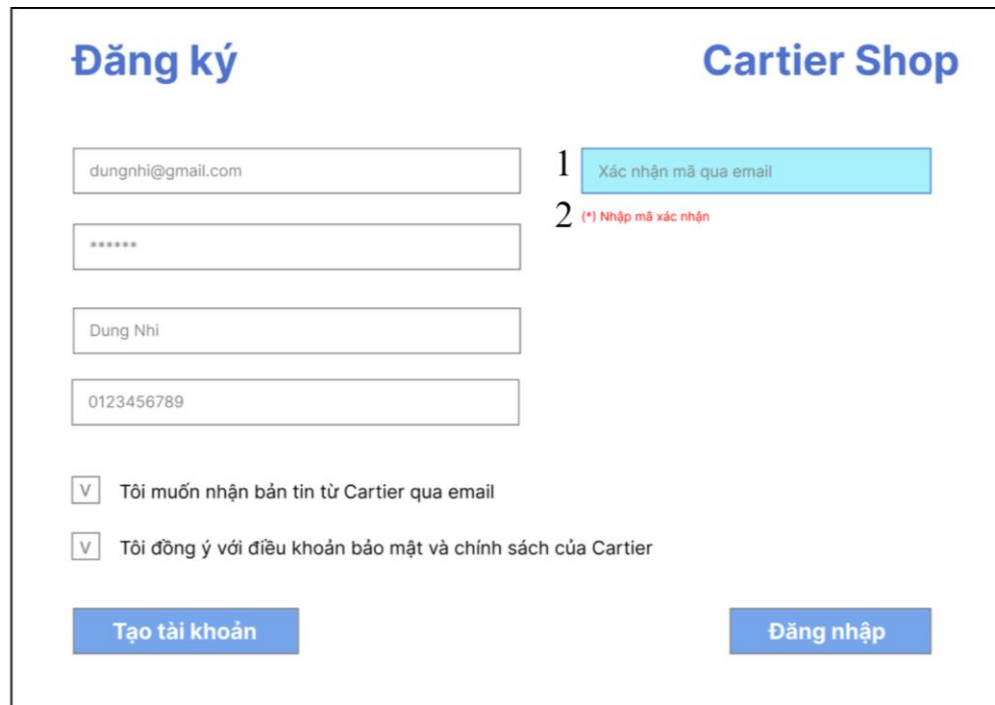
- Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Sai thông tin



Hình 14. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Sai thông tin

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------------|-------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | (*) Mật khẩu phải có 6 ký tự | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi để người dùng nhận biết thấy phải điền mật khẩu có 6 ký tự |

- Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Nhập mã xác nhận



Hình 15. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Nhập mã xác nhận

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------|-------|--------------------------------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Xác nhận mã qua email | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập thông tin mã được gửi ở email |
| 2 | (*) Nhập mã xác nhận | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo cho người dùng nhập mã xác nhận |

- Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Nhập sai mã xác nhận

The screenshot shows the 'Đăng ký' (Register) page of 'Cartier Shop'. The page has a white background with blue text and buttons. At the top left is 'Đăng ký' and at the top right is 'Cartier Shop'. Below the header, there are input fields for email (dunghi@gmail.com), phone number (12345), password (*****), name (Dung Nhi), and another phone number (0123456789). A blue error message box is overlaid on the form, containing the text 'Nhập sai mã xác nhận' (Incorrect verification code) and a 'Gửi lại' (Resend) button. Below the form, there are two checkboxes: 'Tôi muốn nhận bản tin từ Cartier qua email' and 'Tôi đồng ý với điều khoản bảo mật và chính sách của Cartier'. At the bottom, there are two buttons: 'Tạo tài khoản' (Create account) and 'Đăng nhập' (Login).

Hình 16. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Nhập sai mã xác nhận

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|----------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Nhập sai mã xác nhận | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống thông báo cho người dùng nhận sai mã xác nhận |
| 2 | Gửi lại | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn vào để nhận được mã xác nhận mới |

- Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Đăng ký thành công

The screenshot shows a web form for registering an account on 'Cartier Shop'. The form is titled 'Đăng ký' (Register). It contains several input fields: an email field with 'dungnhi@gmail.com', a phone number field with '123456', a password field with masked characters '*****', a name field with 'Dung Nhi', and another phone number field with '0123456789'. A prominent blue box with the text 'Đăng ký thành công' (Registration successful) is overlaid on the form. Below the form, there are two checkboxes: 'Tôi muốn nhận bản tin từ Cartier qua email' (I want to receive newsletters from Cartier via email) and 'Tôi đồng ý với điều khoản bảo mật và chính sách của Cartier' (I agree with the privacy policy and terms of service of Cartier). Both checkboxes are checked. At the bottom of the form, there are two buttons: 'Tạo tài khoản' (Create account) and 'Đăng nhập' (Login).

Hình 17. Giao diện Đăng ký tài khoản khách hàng - Đăng ký thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------------|-------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Đăng ký thành công | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống thông báo cho người dùng đã đăng ký tài khoản thành công |

- Giao diện Đăng nhập của Nhân viên

The screenshot shows the 'Đăng nhập vào Cartier Shop' (Login to Cartier Shop) form. It includes a close button (1), a text input field for 'Tên đăng nhập hoặc Email:' (2), a text input field for 'Mật khẩu:' (4) with a red tooltip 'Đây là thông tin bắt buộc' (3) pointing to it, a 'Ghi nhớ mật khẩu' (Remember password) checkbox (5), a 'Quên mật khẩu?' (Forgot password?) link (6), and a blue 'Đăng nhập' (Login) button (7).

Hình 18. Giao diện Đăng nhập của Nhân viên

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------------|---------|--------------------------------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Nút hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng cửa sổ đăng nhập |
| 2 | Tên đăng nhập hoặc Email | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập tên đăng nhập hoặc Email. Có kèm theo tooltips là nhắc nhở trường này là bắt buộc |
| 3 | Thông báo thông tin bắt buộc | Tooltip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng cần điền đủ thông tin ở ô này |
| 4 | Mật khẩu | Text | Trường nhập liệu không | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập mật khẩu của tài |

| | | | | | | |
|---|---------------------|--------------|--|---------------------------|----|--|
| | | | được để trống Yêu cầu mật khẩu phải có 6 ký tự. | | | khoản. Có kèm theo tooltips là nhắc nhở không trường này là bắt buộc |
| 5 | Ghi nhớ mật khẩu | Check box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn có ghi nhớ mật khẩu hay không |
| 6 | Quên mật khẩu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lấy lại mật khẩu |
| 7 | Đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đăng nhập vào hệ thống |

- Giao diện Đăng nhập sai của Nhân viên

The screenshot shows a login window titled "Đăng nhập vào Cartier Shop". It features a red error message at the top: "1 Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không chính xác". Below this, there are two input fields: the first contains the email "24A4043032@hvnh.edu.vn" and the second contains masked characters "*****". At the bottom left, there is a checkbox labeled "Ghi nhớ mật khẩu" and a link "Quên mật khẩu?". A large blue button labeled "Đăng nhập" is positioned at the bottom center.

Hình 19. Giao diện Đăng nhập sai của Nhân viên

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|---|-------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không chính xác | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để thông báo cho người dùng về sự không đúng của tên đăng nhập hoặc mật khẩu |

- Giao diện Đăng nhập của Khách hàng

The screenshot shows the 'Đăng nhập vào Cartier Shop' (Login to Cartier Shop) page. It features a title bar with a close button (1). Below the title, there are two input fields: 'Tên đăng nhập hoặc Email:' (2) and 'Mật khẩu:' (4). A red tooltip (3) points to the first field with the text 'Đây là thông tin bắt buộc' (This is required information). Another red tooltip (6) points to the second field with the same text. Below the password field, there is a checkbox for 'Ghi nhớ mật khẩu' (Remember password) (5) and a link for 'Quên mật khẩu?' (Forgot password?) (6). A large blue 'Đăng nhập' (Login) button (7) is positioned below the fields. At the bottom, there are social media login options for Facebook (8) and Google (9), separated by the word 'HOẶC' (OR).

Hình 20. Giao diện Đăng nhập của Khách hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------------------|--------|--------------------------------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Nút hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng cửa sổ đóng cửa sổ đăng nhập |
| 2 | Tên đăng nhập hoặc Email | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập tên đăng nhập hoặc Email. Có kèm theo tooltip là nhắc nhở trường này là bắt buộc |

| | | | | | | |
|---|------------------------------|-----------|---|---------------------|----|---|
| 3 | Thông báo thông tin bắt buộc | Tooltip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng cần điền đủ thông tin ở ô này |
| 4 | Mật khẩu | Text | Trường nhập liệu không được để trống Yêu cầu mật khẩu phải có 6 ký tự. | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập mật khẩu của tài khoản. Có kèm theo tooltips là nhắc nhở không trường này là bắt buộc |
| 5 | Ghi nhớ mật khẩu | Check box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn có ghi nhớ mật khẩu hay không |
| 6 | Quên mật khẩu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lấy lại mật khẩu |
| 7 | Đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| 8 | Facebook | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tài khoản facebook để đăng nhập vào hệ thống |

| | | | | | | |
|---|--------|--------|--|---------------------|----|--|
| 9 | Google | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng sử dụng tài khoản google đăng nhập vào hệ thống |
|---|--------|--------|--|---------------------|----|--|

- Giao diện Đăng nhập sai của Khách hàng

The screenshot shows the 'Đăng nhập vào Cartier Shop' (Login to Cartier Shop) page. At the top, there is a red error message: '1 Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không chính xác' (1 Username or password is incorrect). Below this, there are input fields for 'Tên đăng nhập hoặc mật khẩu' (Username or password) and 'Mật khẩu' (Password). The first field contains the email '24A4043059@gmail.com'. There is a checkbox for 'Ghi nhớ mật khẩu' (Remember password) and a link for 'Quên mật khẩu?' (Forgot password?). A large blue button labeled 'Đăng nhập' (Login) is present. Below the button, there is a section for social media login with 'Facebook' and 'Google' options, separated by 'HOẶC' (OR).

Hình 21. Giao diện Đăng nhập sai của Khách hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|---|-------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không chính xác | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để thông báo cho người dùng về sự không đúng của tên đăng nhập hoặc mật khẩu |

- Giao diện Đặt lại mật khẩu

Hình 22. Giao diện Đặt lại mật khẩu

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|----------------------------|--------|--------------------------------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Nút hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng cửa sổ đóng cửa sổ đăng nhập |
| 2 | Nhập email của bạn | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập Email muốn gửi mã lấy để lấy lại mật khẩu của tài khoản. |
| 3 | Gửi email đặt lại mật khẩu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn gửi mã lấy lại mật khẩu tới email đã nhập |

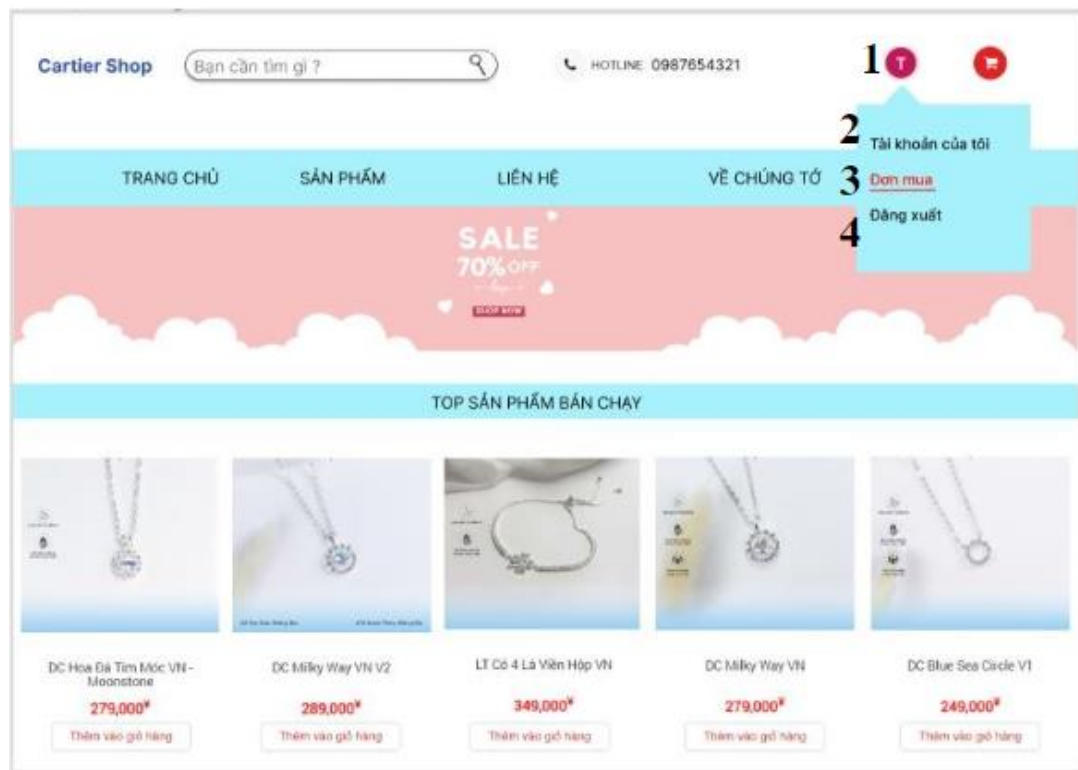
- Giao diện Đăng nhập lại



Hình 23. Giao diện Đăng nhập lại

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------|--------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Nút hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng cửa sổ đóng cửa sổ đăng nhập |
| 2 | Thông báo kiểm tra | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo người dùng kiểm tra email để truy cập liên kết đặt lại mật khẩu |
| 3 | Quay lại để đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn quay lại màn hình đăng nhập |

- Giao diện Đơn mua

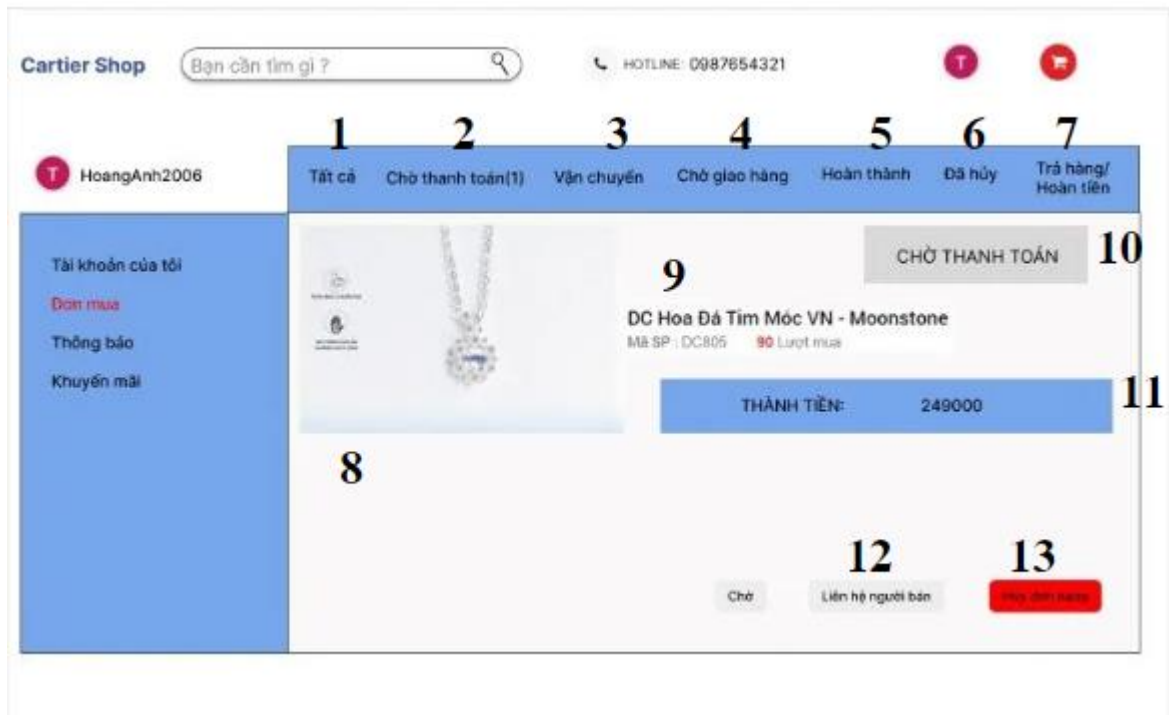


Hình 24. Giao diện Đơn mua

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-------------------|------------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Tài khoản | Menu Strip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn các giao diện mong muốn |
| 2 | Tài khoản của tôi | Menu Strip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng đi đến giao diện tài khoản của mình trên hệ thống |
| 3 | Đơn mua | Menu Strip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng đi đến giao diện các đơn hàng đã mua của mình |

| | | | | | | |
|---|-----------|---------------|--|---------------------------|----|---|
| 4 | Đăng xuất | MenuS trip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng để thoát tài khoản của mình trên hệ thống |
|---|-----------|---------------|--|---------------------------|----|---|

- Giao diện Chi tiết đơn mua



Hình 25. Giao diện Chi tiết đơn mua

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-------------------|--------|------------|---------------------------|----------|--|
| 1 | Tất cả | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem tất cả đơn hàng của mình đã đặt mua |
| 2 | Chờ thanh toán | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các đơn hàng của mình đã đặt mua |

| | | | | | | |
|---|--------------------|---------|---------------------|---------------------|----|--|
| | | | | | | và đang chờ thanh toán |
| 3 | Vận chuyển | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các đơn hàng của mình đặt mua đã được vận chuyển |
| 4 | Chờ giao hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các đơn hàng của mình đặt mua được xác nhận và chờ giao |
| 5 | Hoàn thành | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các đơn hàng của mình đã được giao thành công |
| 6 | Đã hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các đơn hàng đã được hủy của mình |
| 7 | Trả hàng/Hoàn tiền | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các đơn hàng của mình đã trả lại cho cửa hàng và được hoàn tiền |
| 8 | Hình ảnh sản phẩm | Picture | Tệp tải lên phải là | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem |

| | | | | | | |
|----|----------------------|--------|--|---------------------------|----|---|
| | | | hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB. | | | hình ảnh của sản phẩm |
| 9 | Tên sản phẩm | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem thông tin về sản phẩm |
| 10 | Chờ thanh toán | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng trạng thái thanh toán của đơn hàng |
| 11 | Thành tiền | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo số tiền cần thanh toán cho đơn hàng đã mua |
| 12 | Liên hệ người bán | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để chuyển đến mục nhắn tin với cửa hàng |
| 13 | Hủy đơn hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng hủy đơn đặt hàng khi đơn hàng chưa bàn giao cho đơn vị vận chuyển |

- Giao diện Lý do hủy đơn

Lý Do Hủy

1 Bạn có biết? Bạn có thể cập nhật thông tin nhận hàng cho đơn hàng (1 lần duy nhất) Nếu bạn xác nhận hủy, toàn bộ đơn hàng sẽ được hủy. Chọn lý do hủy phù hợp nhất với bạn nhé!

2

☐ Tôi muốn cập nhật địa chỉ/sĐT nhận hàng.

☐ Tôi muốn thêm/thay đổi Mã giảm giá

☐ Tôi muốn thay đổi sản phẩm (kích thước, màu sắc, số lượng...)

☐ Thủ tục thanh toán rắc rối

☐ Tôi tìm thấy chỗ mua khác tốt hơn (Rẻ hơn, uy tín hơn, giao nhanh hơn...)

☐ Tôi không có nhu cầu mua nữa

☐ Tôi không tìm thấy lý do hủy phù hợp

3 KHÔNG PHẢI BÂY GIỜ

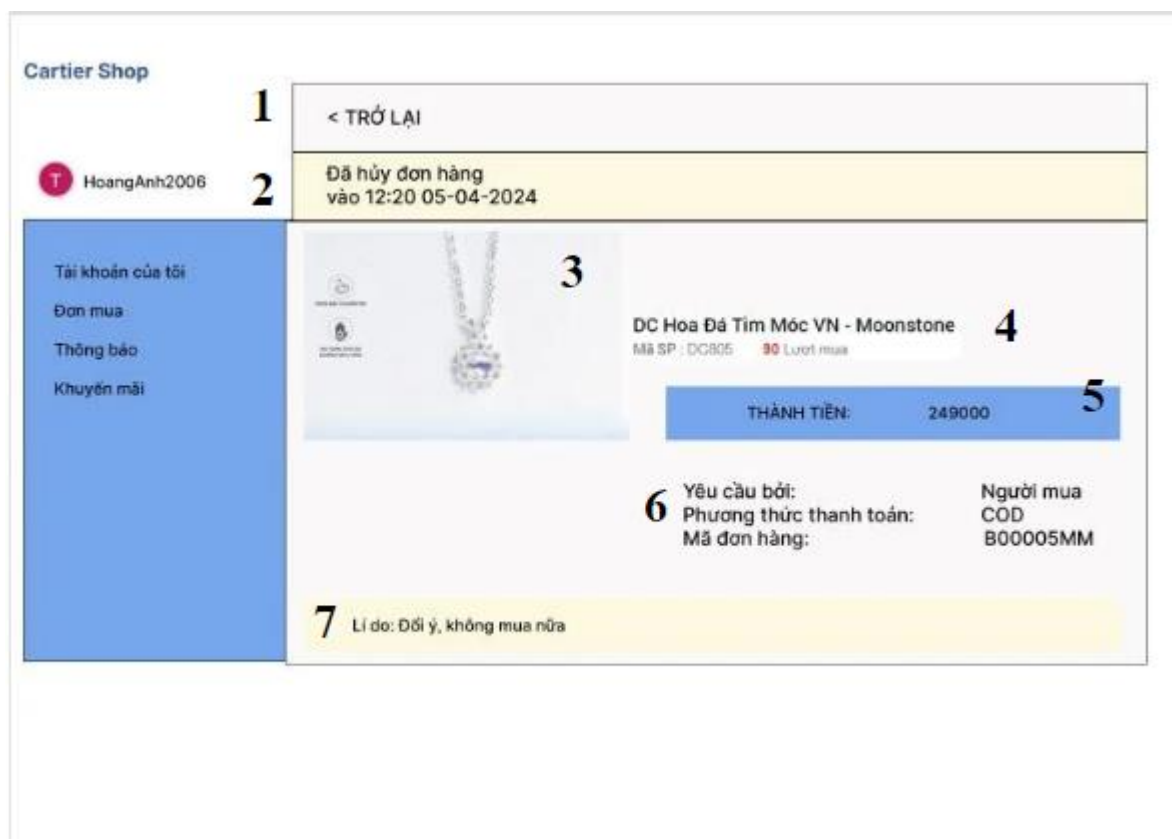
4 Hủy Đơn hàng

Hình 26. Giao diện Lý do hủy đơn

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-------------------|--------------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Bạn có biết | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng việc xác nhận hủy và yêu cầu lựa chọn lý do hủy đơn |
| 2 | Tôi muốn cập nhật | Radio Button | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn lý do muốn |

| | | | | | | |
|---|--------------------|--------|--|---------------------|----|--|
| | | | | | | hủy đơn của mình |
| 3 | Không phải bây giờ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thoát khỏi giao diện lý do hủy và trở về màn hình đơn mua |
| 4 | Hủy đơn hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xác nhận hủy đơn hàng của mình |

- Giao diện Hủy đơn thành công

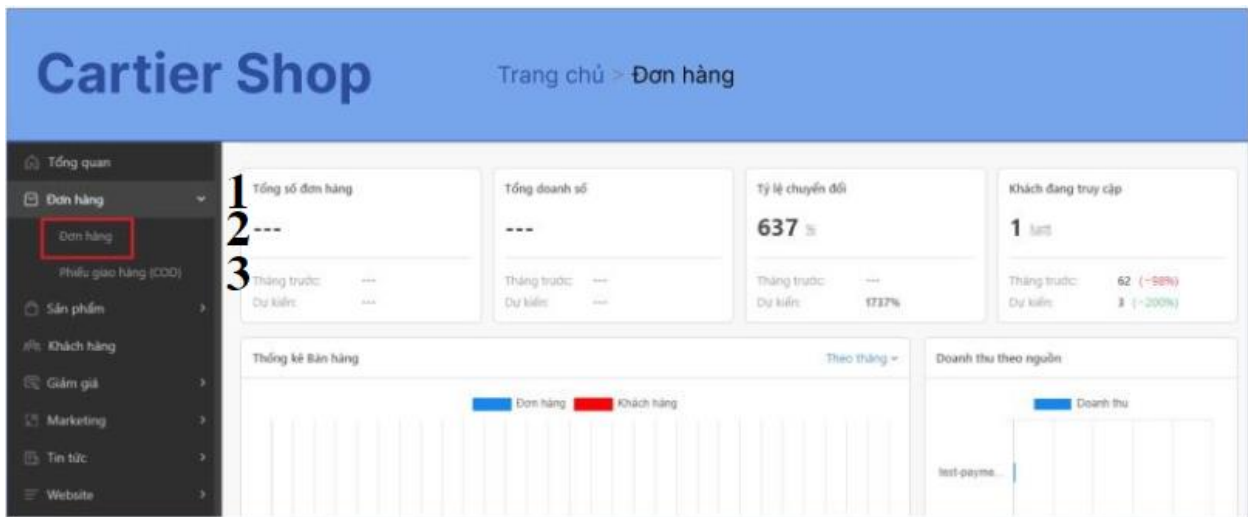


Hình 27. Giao diện Hủy đơn thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------------|---------|---|---------------------|----------|---|
| 1 | Trở lại | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng quay trở lại giao diện đơn mua |
| 2 | Đã hủy đơn hàng | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo trạng thái hủy đơn thành công cho người dùng |
| 3 | Hình ảnh sản phẩm | Picture | Tệp tải lên phải là hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB. | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để mô tả hình ảnh sản phẩm |
| 4 | Thông tin sản phẩm | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để diễn tả thông tin sản phẩm |
| 5 | Thành tiền | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo số tiền cần thanh toán của đơn hàng bị hủy |
| 6 | Thông tin đơn hàng | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo về thông tin của đơn hàng bị hủy. Được yêu cầu bởi ai, phương |

| | | | | | | |
|---|-------|-------|--|---------------------|----|---|
| | | | | | | thức thanh toán và mã đơn hàng |
| 7 | Lí do | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng lý do hủy đơn người dùng đã lựa chọn |

- Giao diện Đơn hàng của hệ thống quản lý cửa hàng

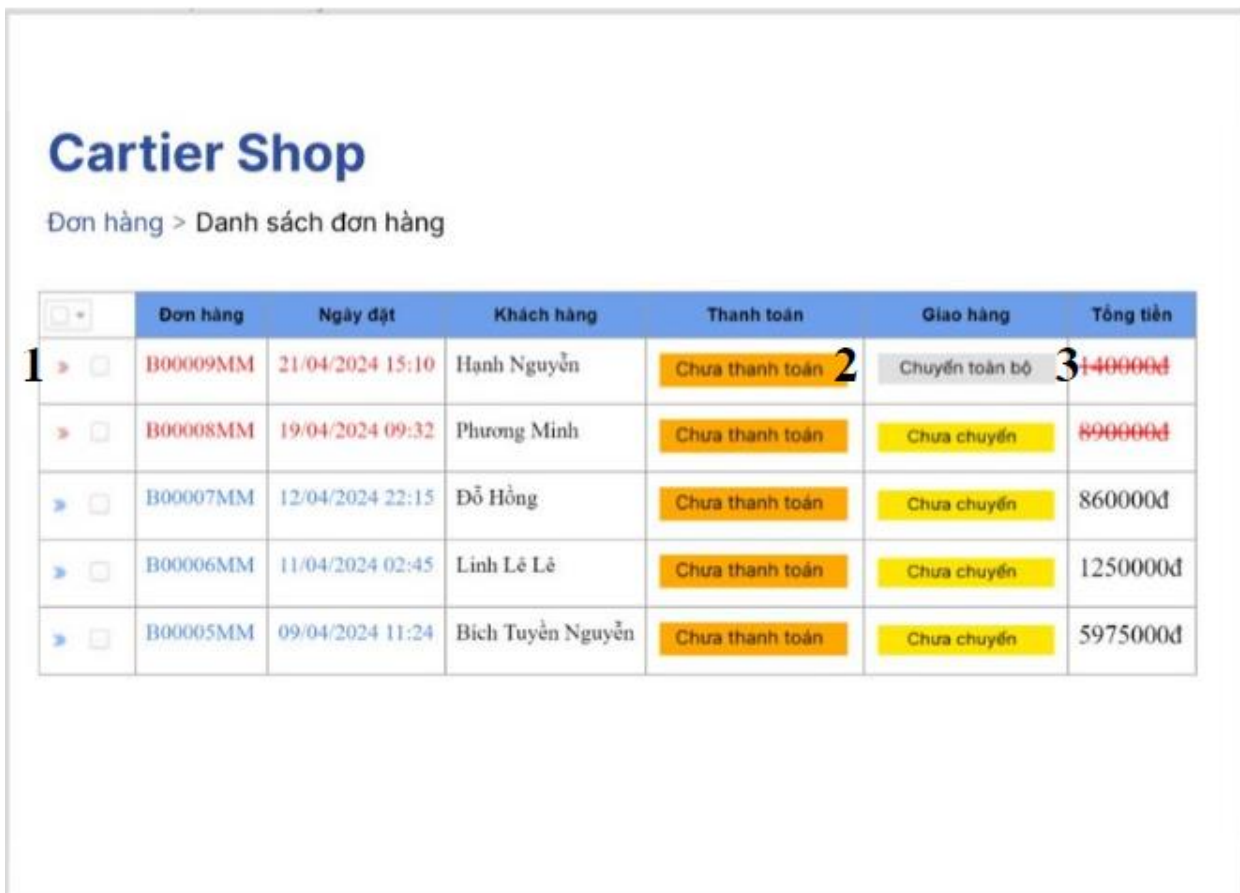


Hình 28. Giao diện Đơn hàng của hệ thống quản lý cửa hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------|------------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Đơn hàng | Menu Strip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem danh sách các mục thuộc đơn hàng |
| 2 | Đơn hàng | Menu Strip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem thông tin chi tiết của các đơn hàng |

| | | | | | | |
|---|-----------------|------------|--|---------------------|----|--|
| 3 | Phiếu giao hàng | MenuS trip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem thông tin phiếu giao hàng |
|---|-----------------|------------|--|---------------------|----|--|

- Giao diện Danh sách đơn hàng của nhân viên

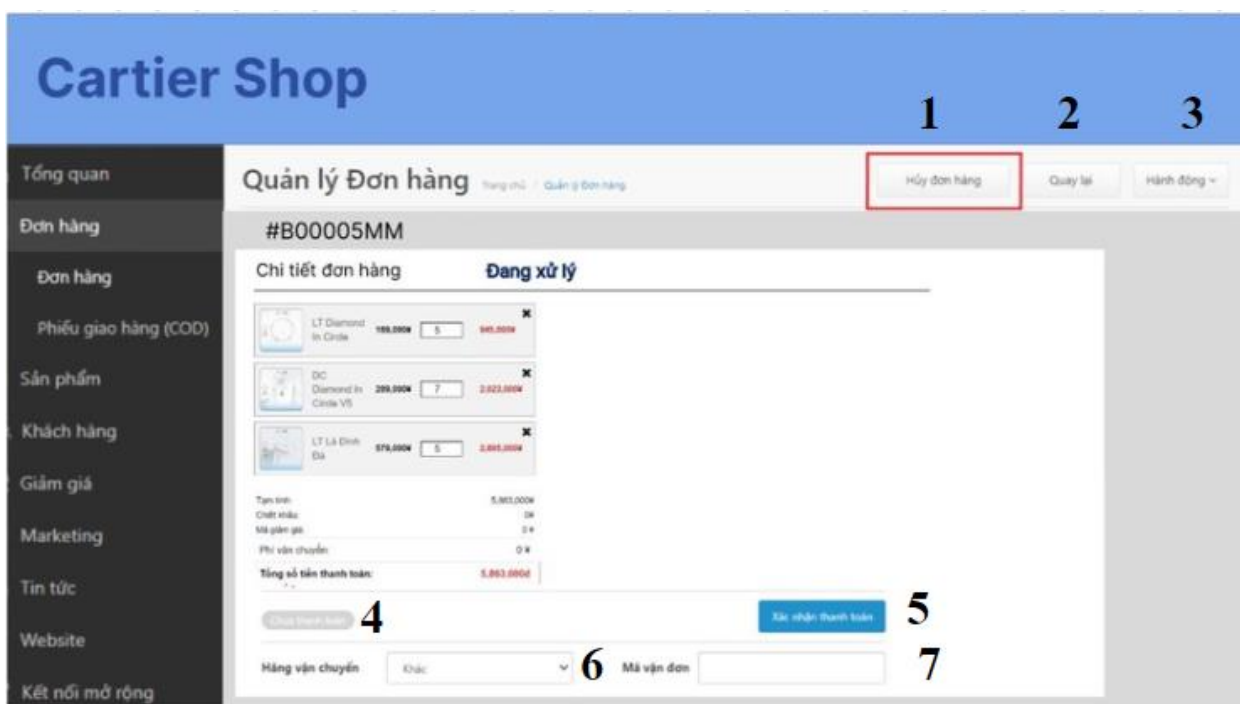


Hình 29. Giao diện Danh sách đơn hàng của nhân viên

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------|-----------|------------|------------------|----------|--|
| 1 | Ô chọn | Check box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn các đơn hàng muốn xóa khỏi danh sách |

| | | | | | | |
|---|--------------------------------|-------|--|---------------------|----|---|
| 2 | Chưa thanh toán/ Đã thanh toán | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng trạng thái thanh toán của đơn hàng |
| 3 | Chuyển toàn bộ/ Chưa chuyển | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng trạng thái giao hàng của đơn hàng |

- Giao diện Quản lý đơn hàng



Hình 30. Giao diện Quản lý đơn hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Hủy đơn hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xác nhận hủy đơn hàng của mình |

| | | | | | | |
|---|--------------------------------|----------|--------------------------------------|---------------------|----|---|
| 2 | Quay lại | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng quay trở lại giao diện Danh sách đơn hàng |
| 3 | Hành động | Combobox | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn các hành động khác nhau đối với đơn hàng |
| 4 | Chưa thanh toán/ Đã thanh toán | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng trạng thái thanh toán của đơn hàng |
| 5 | Xác nhận thanh toán | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xác nhận trạng thái đã thanh toán của đơn hàng |
| 6 | Hãng vận chuyển | Combobox | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn các hãng vận chuyển đã hợp tác với cửa hàng |
| 7 | Mã vận đơn | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng điền mã vận chuyển của đơn hàng |

- Giao diện Hủy đơn thành công của nhân viên

Hủy đơn hàng

Bạn nên hủy đơn hàng khi thấy đơn hàng có vấn đề, khi khách hàng thay đổi quyết định hoặc khi kho hàng hết sản phẩm. Thao tác này không thể khôi phục.

Lý do **1**

Khách hàng

2

Đơn hàng đã được hủy và thông báo tới khách hàng

3

☒ Gửi email thông báo tới khách hàng

4 **5**

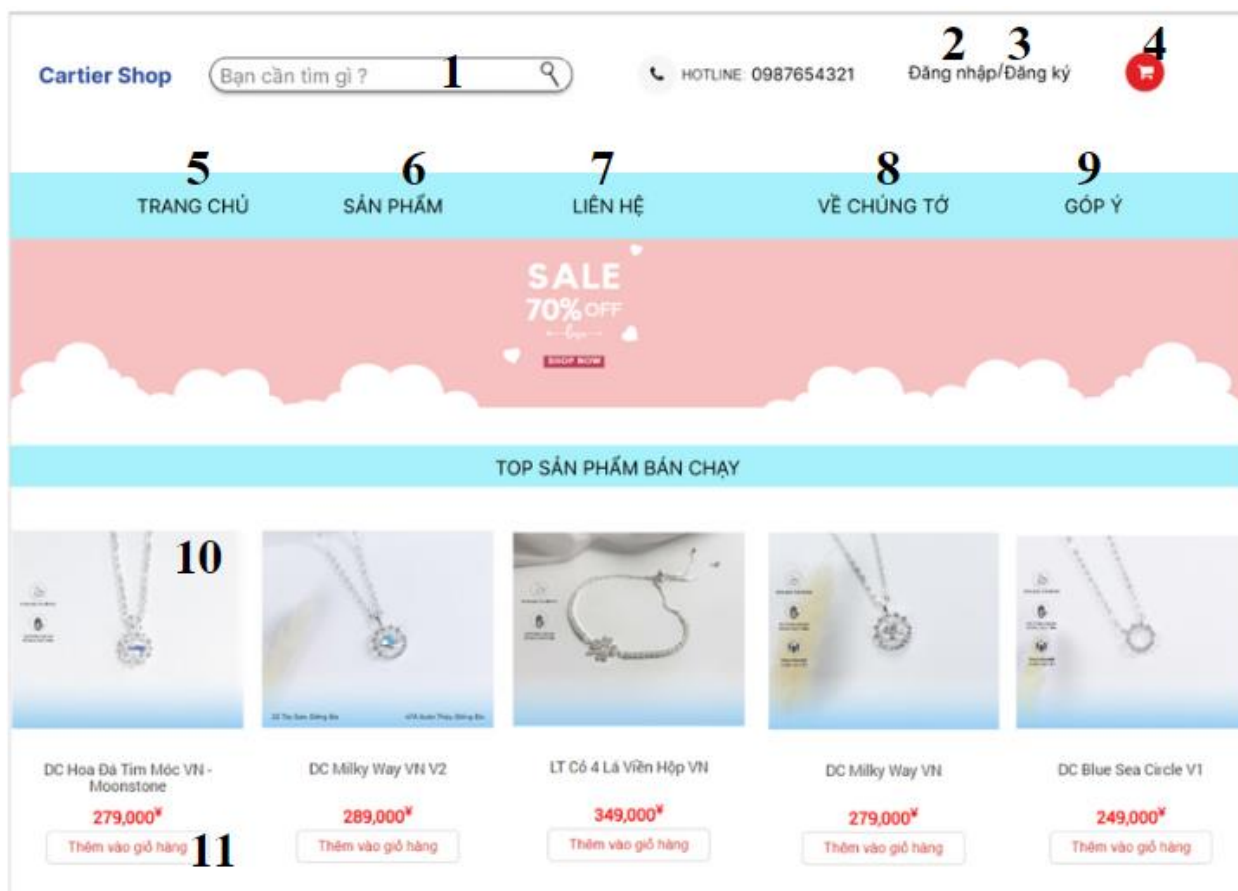
Đồng ý Lưu

Hình 31. Giao diện Hủy đơn thành công của nhân viên

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------------------|-----------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Lý do | Combobox | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn lý do hủy đơn hàng |
| 2 | Đơn hàng đã được hủy | Pop up | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng trạng thái hủy đơn hàng |
| 3 | Gửi email thông báo tới khách hàng | Check box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn có gửi email thông báo hủy đơn đến |

| | | | | | | |
|---|------|--------|--|---------------------|----|--|
| | | | | | | khách hàng hay không |
| 4 | Đóng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tắt giao diện hủy đơn và quay về giao diện đơn hàng |
| 5 | Lưu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lưu thông tin hủy đơn hàng |

- Giao diện Trang chủ web bán hàng

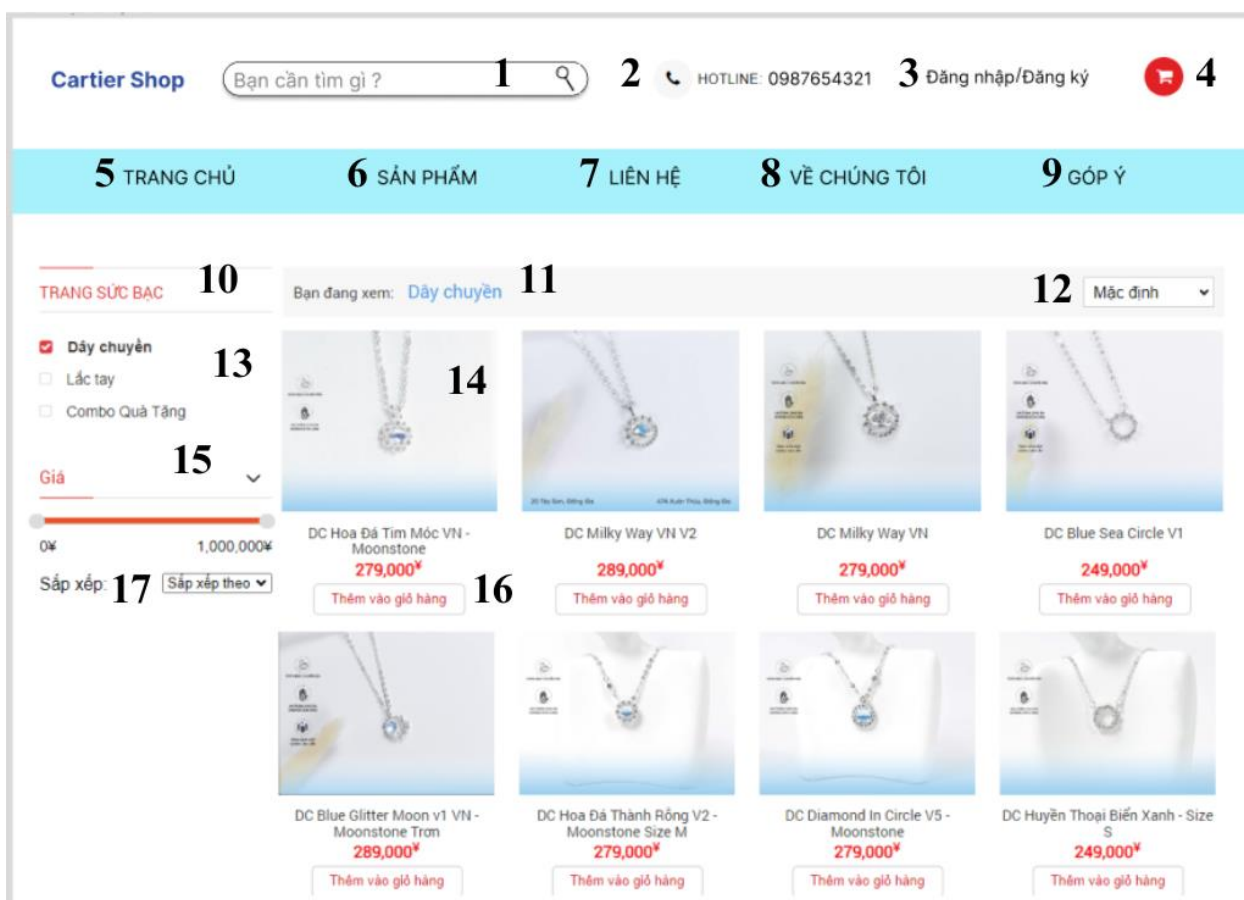


Hình 32. Giao diện trang chủ web bán hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|----------------|------------|------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập từ khoá để tìm kiếm thông tin trên hệ thống. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |
| 2 | Đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đăng nhập vào hệ thống mua hàng. |
| 3 | Đăng ký | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tạo tài khoản mua hàng |
| 4 | Giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem, chỉnh sửa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| 5 | Trang chủ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng truy cập vào Trang chủ của website. |
| 6 | Sản phẩm | Menu Trip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem những sản phẩm |

| | | | | | | |
|----|-------------------|--------|---|---------------------|----|--|
| | | | | | | trong cùng danh mục nào đó |
| 7 | Liên hệ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng truy cập vào thông tin liên hệ với cửa hàng |
| 8 | Về chúng tôi | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem được các thông tin của cửa hàng |
| 9 | Góp ý | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng để lại lời góp ý cho cửa hàng |
| 10 | Hình ảnh sản phẩm | Button | Tệp tải lên phải là hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB. | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điều hướng sang chi tiết sản phẩm đó |
| 11 | Thêm vào giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |

- Giao diện Danh mục sản phẩm



Hình 33. Giao diện Danh mục sản phẩm

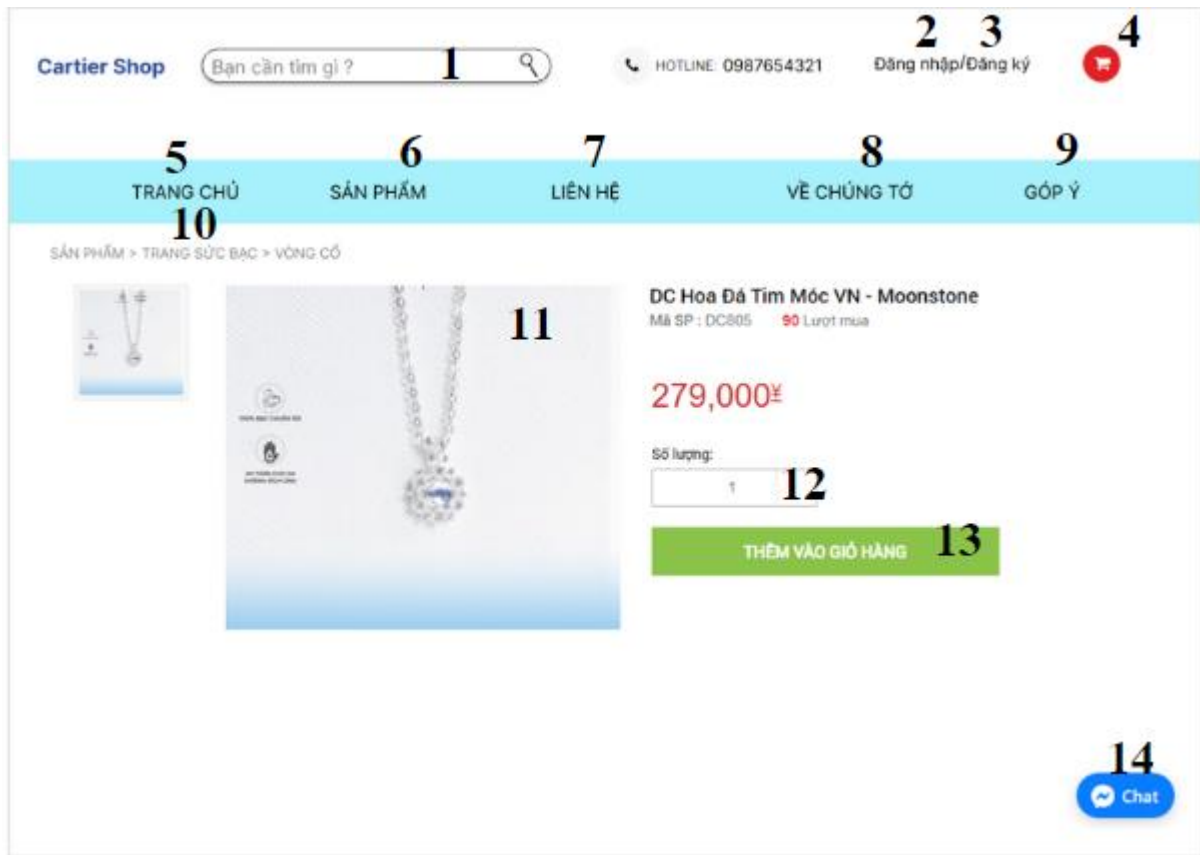
| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|----------------|------------|------------|------------------|----------|--|
| 1 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập từ khoá để tìm kiếm thông tin trên hệ thống. Default value là rỗng. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |

| | | | | | | |
|---|--------------|------------|--|---------------------|----|---|
| 2 | Đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đăng nhập vào hệ thống mua hàng |
| 3 | Đăng ký | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tạo tài khoản mua hàng |
| 4 | Giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem, chỉnh sửa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| 5 | Trang chủ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng truy cập vào Trang chủ của website. |
| 6 | Sản phẩm | MenuS trip | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem những sản phẩm trong cùng danh mục nào đó |
| 7 | Liên hệ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng truy cập vào thông tin liên hệ với cửa hàng |
| 8 | Về chúng tôi | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem được các thông tin của cửa hàng |

| | | | | | | |
|----|--------------------------|------------|---|---------------------|----|---|
| 9 | Góp ý | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng để lại lời góp ý cho cửa hàng |
| 10 | Trang sức bạc | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các sản phẩm thuộc danh mục Trang sức bạc |
| 11 | Bạn đang xem: Dây chuyền | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các sản phẩm thuộc danh mục Dây chuyền |
| 12 | Mặc định | Comb o box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn chế độ xem sản phẩm phù hợp với mục đích tìm kiếm |
| 13 | Dây chuyền | Check box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các sản phẩm thuộc danh mục Dây chuyền |
| 14 | Hình ảnh | Button | Tệp tải lên phải là hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB. | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điều hướng sang chi tiết sản phẩm đó |

| | | | | | | |
|----|-------------------|------------|--|---------------------|----|--|
| 15 | Giá | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điều chỉnh mức giá sản phẩm mong muốn |
| 16 | Thêm vào giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| 17 | Sắp xếp | Comb o box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn cách sắp xếp hiển thị sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu |

- Giao diện Chi tiết sản phẩm



Hình 34. Giao diện Chi tiết sản phẩm

| ID | Component | Type | Validation | Editable (Chỉnh sửa) | Required | Description |
|----|----------------|------------|------------|----------------------------|----------|--|
| 1 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập từ khoá để tìm kiếm thông tin trên hệ thống. Default value là rỗng. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |




| | | | | | | |
|---|--------------|--------|--|---------------------|----|---|
| 2 | Đăng nhập | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đăng nhập vào hệ thống mua hàng |
| 3 | Đăng ký | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng tạo tài khoản mua hàng |
| 4 | Giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem, chỉnh sửa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| 5 | Trang chủ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng truy cập vào Trang chủ của website. |
| 6 | Sản phẩm | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem những sản phẩm trong cùng danh mục nào đó |
| 7 | Liên hệ | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng truy cập vào thông tin liên hệ với cửa hàng |
| 8 | Về chúng tôi | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem được các thông tin của cửa hàng |

| | | | | | | |
|----|-------------------|---------|--|---------------------|----|---|
| 9 | Góp ý | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng để lại lời góp ý cho cửa hàng |
| 10 | Trang sức bạc | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem các sản phẩm thuộc danh mục Trang sức bạc |
| 11 | Hình ảnh sản phẩm | Picture | Tệp tải lên phải là hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thấy được hình ảnh của sản phẩm |
| 12 | Số lượng | Text | Dữ liệu nhập vào phải là dạng int | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điều chỉnh số lượng sản phẩm muốn mua. Default value là 1. |
| 13 | Thêm vào giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| 14 | Chat | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng liên hệ với cửa hàng |

- Giao diện Giỏ hàng

Cartier Shop **1** **2** HOTLINE: 0987654321 **3** Đăng nhập/Đăng ký **4**

GIỎ HÀNG 5

| Sản phẩm | Đơn giá | Số lượng | Tổng tiền | Thao tác |
|--|----------------------|---|-----------------------|--|
| 6  DC Milky Way VN V2 | 8 289.000đ | 9 <input type="text" value="01"/> | 10 289.000đ | 11 <input checked="" type="checkbox"/> |
|  LT có 4 lá cánh đá | 149.000đ | <input type="text" value="02"/> | 298.000đ | <input type="checkbox"/> |
|  Nhẫn bạc 925 Y20 Circle | 69.000đ | <input type="text" value="05"/> | 345.000đ | <input checked="" type="checkbox"/> |

Hình 35. Giao diện Giỏ hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable (Chỉnh sửa) | Required | Description |
|----|----------------|------------|------------|-------------------------|----------|--|
| 1 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập từ khoá để tìm kiếm thông tin trên hệ thống. Default value là rỗng. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |

| | | | | | | |
|---|----------------------------|---------|--|---------------------------|----|---|
| 2 | Hotline: 098765432 1 | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể dễ dàng thấy thông tin và liên lạc |
| 3 | Đăng nhập/Đăng ký | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đăng nhập hoặc đăng kí vào hệ thống mua hàng |
| 4 | Giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng xem, chỉnh sửa các sản phẩm trong giỏ hàng |
| 5 | Giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng quay lại hoặc tải lại giao diện giỏ hàng của mình |
| 6 | Hình ảnh | Picture | Tệp tải lên phải là hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB. | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hiển thị hình ảnh sản phẩm đang có trong giỏ hàng của khách hàng |
| 7 | Sản phẩm | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hiển thị tên sản phẩm |

| | | | | | | |
|----|-----------|-----------|---|---------------------|----|--|
| 8 | Đơn giá | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hiển thị giá tiền của sản phẩm |
| 9 | Số lượng | Text box | Kiểm tra dữ liệu đầu vào là dữ liệu số nguyên | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điều chỉnh số lượng sản phẩm theo ý muốn |
| 10 | Tổng tiền | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hiển thị tổng tiền của mã sản phẩm đó |
| 11 | Thao tác | Check box | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thực hiện thao tác chọn sản phẩm đó hay không |

- Giao diện Thông tin mua hàng

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán

Thông tin mua hàng

1

Họ và tên

2

Số điện thoại

3

Email

4

Địa chỉ (tùy chọn)

5

Tỉnh thành

6

Quận huyện

7

Phường xã

8

Ghi chú (tùy chọn)

9

< Giỏ hàng

10

Tiếp tục chọn vận chuyển

Đơn hàng (1 sản phẩm)

11

12

13

14

Nhập mã giảm giá

15

Áp dụng

16

Tạm tính:

349000đ

17

Phí vận chuyển:

18

Tổng cộng:

349000đ

Hình 36. Giao diện Thông tin mua hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|---------------|---------|--|------------------|----------|--|
| 1 | Họ và tên | Textbox | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập họ tên. Textbox hiển thị hướng dẫn về nội dung cần nhập. |
| 2 | Số điện thoại | Textbox | Trường nhập liệu không được để trống Kiểm tra định dạng số điện | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập số điện thoại. Textbox hiển thị hướng dẫn về nội dung cần nhập. |

| | | | | | | |
|---|------------|----------|---|------------------|----|--|
| | | | thoại là 10 ký tự | | | |
| 3 | Email | Textbox | Trường nhập liệu không được để trống Địa chỉ email hợp lệ: example@gmail.com | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập email. Textbox hiển thị hướng dẫn về nội dung cần nhập. |
| 4 | Địa chỉ | Textbox | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập địa chỉ. Textbox hiển thị hướng dẫn về nội dung cần nhập. |
| 5 | Tỉnh thành | Combobox | Trường lựa chọn không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn tỉnh thành. |
| 6 | Quận huyện | Combobox | Trường lựa chọn không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn quận huyện. |
| 7 | Phường xã | Combobox | Trường lựa chọn không | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn phường xã. |

| | | | | | | |
|----|--------------------------|---------|---|---------------------|----|--|
| | | | được để trống | | | |
| 8 | Ghi chú | Textbox | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng ghi chú thông tin với người bán. |
| 9 | < Giỏ hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng quay lại bước trước. |
| 10 | Tiếp tục chọn vận chuyển | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chuyển đến bước tiếp theo. |
| 11 | Hình ảnh sản phẩm | Picture | Tệp tải lên phải là hình ảnh đuôi .png Dung lượng ảnh 800KB. | Không thể chỉnh sửa | Có | Mô tả ảnh sản phẩm. Thông tin lấy từ sản phẩm trong danh sách sản phẩm. |
| 12 | Tên sản phẩm | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Mô tả tên sản phẩm. Thông tin lấy từ sản phẩm trong danh sách sản phẩm. |
| 13 | Đơn giá sản phẩm | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Mô tả đơn giá bán. Thông tin lấy từ sản phẩm trong |

| | | | | | | |
|----|------------------|---------|--|---------------------|----|---|
| | | | | | | danh sách sản phẩm. |
| 14 | Nhập mã giảm giá | Textbox | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập mã giảm giá. |
| 15 | Áp dụng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng áp dụng mã giảm giá vào đơn hàng. |
| 16 | Tạm tính | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị giá sản phẩm sau khi áp dụng mã giảm giá (nếu có) |
| 17 | Phí vận chuyển | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị chi phí vận chuyển. |
| 18 | Tổng cộng | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị số tiền khách hàng cần thanh toán. |

- Giao diện Thông tin mua hàng - Người dùng không điền đầy đủ các trường thông tin bắt buộc

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán

Thông tin mua hàng

Họ và tên

Số điện thoại

Email

Địa chỉ (tùy chọn)

Tỉnh thành

Quận huyện

Phường xã

Ghi chú (tùy chọn)

< Giỏ hàng

Tiếp tục chọn vận chuyển

Đơn hàng (1 sản phẩm)

LT CỎ 4 LÁ VIỄN HỘP VN

349000đ

Nhập mã giảm giá

Áp dụng

Tạm tính:

349000đ

Phí vận chuyển:

Tổng cộng:

349000đ

Hình 37. Giao diện Thông tin mua hàng - Người dùng không điền đầy đủ các trường thông tin bắt buộc

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------------------|-------|--------------------------------------|---------------------|----------|---|
| 1 | (*) Không được bỏ trống thông tin | Label | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng nhập các trường thông tin (Họ và tên, Số điện thoại, email, Địa chỉ, Tỉnh thành, Quận huyện, Phường xã) còn thiếu. |

112

- Giao diện Thông tin mua hàng - Người dùng nhập không đúng các trường thông tin

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán

Thông tin mua hàng

Họ và tên

Số điện thoại

1 (*) Số điện thoại không đúng

Email

2 (*) Email không đúng

Địa chỉ (tùy chọn)

Tỉnh thành

Quận huyện


Phường xã

Ghi chú (tùy chọn)

< Giỏ hàng

Tiếp tục chọn vận chuyển

Đơn hàng (1 sản phẩm)



LT CỎ 4 LÁ VIÊN HỘP VN

349000đ

Nhập mã giảm giá

Áp dụng

Tạm tính: 349000đ

Phí vận chuyển:

Tổng cộng: 349000đ

Hình 38. Giao diện Thông tin mua hàng - Người dùng nhập không đúng các trường thông tin

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------------------|-------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | (*) Số điện thoại nhập không đúng | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng nhập lại số điện thoại. |
| 2 | (*) Email không đúng | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng nhập lại email. |

- Giao diện Thông tin vận chuyển và phí giao hàng

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán

1

Thay đổi

2

Thông tin mua hàng

Họ và tên: Đỗ Thị Kim Huệ

Địa chỉ: 266 Đồi Cẩn, Phường Lê Lợi, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội

Số điện thoại: 0345678902

Email: abc@gamil.com

3

Vận chuyển

Giao hàng tận nơi

40000đ

< Thông tin

Tiếp tục chọn thanh toán

Đơn hàng (1 sản phẩm)

LT CỎ 4 LÁ VIÊN HỘP VN

349000đ

Nhập mã giảm giá

Áp dụng

Tạm tính:

349000đ

Phí vận chuyển:

40000đ

Tổng cộng:

389000đ

Hình 39. Giao diện Thông tin vận chuyển và phí giao hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Thay đổi | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng thay đổi thông tin mua hàng. |
| 2 | Thông tin mua hàng | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Mô tả thông tin mua hàng của khách hàng. |
| 3 | Phí vận chuyển | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để thông báo cho người dùng về phí vận chuyển. Phí vận chuyển này được thiết lập dựa trên chính sách của cửa hàng. |

114

- Giao diện Lựa chọn hình thức thanh toán

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán

Thanh toán

1


☐ Thanh toán khi nhận hàng (COD)

☐ Chuyển khoản ngân hàng

< Vận chuyển

Đặt hàng

Đơn hàng (1 sản phẩm)



LT CỎ 4 LÁ VIÊN HỘP VN

349000đ

Áp dụng

Tạm tính:

349000đ

Phí vận chuyển:

40000đ

Tổng cộng:

389000đ

Hình 40. Giao diện Lựa chọn hình thức thanh toán

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|----------------------|--------------|---|------------------|----------|--|
| 1 | Hình thức thanh toán | Radio Button | Kiểm tra trường dữ liệu có được lựa chọn hay không. | Có thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng lựa chọn hình thức thanh toán. |

- Giao diện lựa chọn hình thức thanh toán - Người dùng không lựa chọn thông tin

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán

Thanh toán

☐ Thanh toán khi nhận hàng (COD)


☐ Chuyển khoản ngân hàng

(*) Không được bỏ trống lựa chọn

[< Vận chuyển](#)

Đặt hàng

Đơn hàng (1 sản phẩm)



LT CỎ 4 LÁ VIÊN HỘP VN

349000đ

Áp dụng

Tạm tính:

349000đ

Phí vận chuyển:

40000đ

Tổng cộng:

389000đ

Hình 41. Giao diện lựa chọn hình thức thanh toán - Người dùng không lựa chọn thông tin

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|----------------------------------|-------|---|------------------|----------|---|
| 1 | (*) Không được bỏ trống lựa chọn | Label | Kiểm tra trường dữ liệu có được lựa chọn hay không. | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng nhập các trường thông tin còn thiếu. |

116

- Giao diện Chọn hình thức thanh toán - Thanh toán khi nhận hàng (COD)

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán


Thanh toán

☒ Thanh toán khi nhận hàng (COD)

☐ Chuyển khoản ngân hàng

[< Vận chuyển](#)
[Đặt hàng](#)

Đơn hàng (1 sản phẩm)



LT CỎ 4 LÁ VIỄN HỘP VN

349000đ

[Áp dụng](#)

| | |
|-------------------|----------------|
| Tạm tính: | 349000đ |
| Phí vận chuyển: | 40000đ |
| Tổng cộng: | 389000đ |

Hình 42. Giao diện Chọn hình thức thanh toán - Thanh toán khi nhận hàng (COD)

- Giao diện Chọn hình thức thanh toán - Chuyển khoản ngân hàng

Cartier Shop

Giỏ hàng > Thông tin > Vận chuyển > Thanh toán


Thanh toán

☐ Thanh toán khi nhận hàng (COD)

☒ Chuyển khoản ngân hàng


1

Techcombank:
 Chi nhánh:
 Số tài khoản:
 Chủ tài khoản:
 Nội dung chuyển khoản: Họ tên - SDT



[< Vận chuyển](#)
[Đặt hàng](#)

Đơn hàng (1 sản phẩm)



LT CỎ 4 LÁ VIỄN HỘP VN

349000đ

[Áp dụng](#)

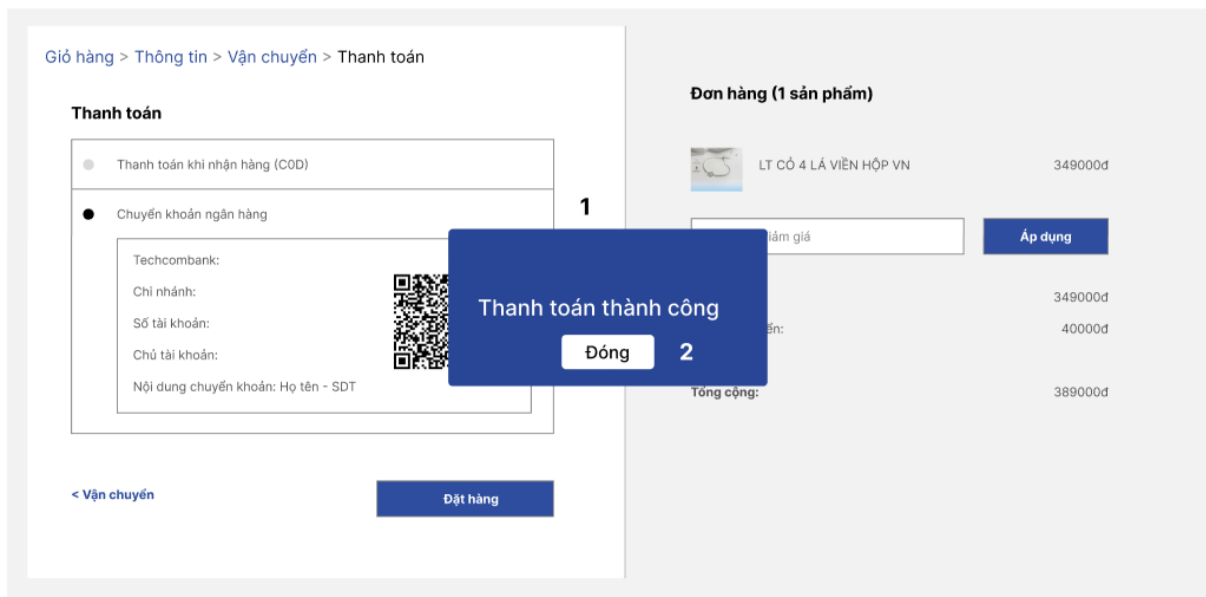
| | |
|-------------------|----------------|
| Tạm tính: | 349000đ |
| Phí vận chuyển: | 40000đ |
| Tổng cộng: | 389000đ |

Hình 43. Giao diện Chọn hình thức thanh toán - Chuyển khoản ngân hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------|-------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Nội dung chuyển khoản | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Mô tả hướng dẫn nội dung chuyển khoản khi thanh toán đơn hàng. |

- Giao diện Thanh toán thành công

Cartier Shop

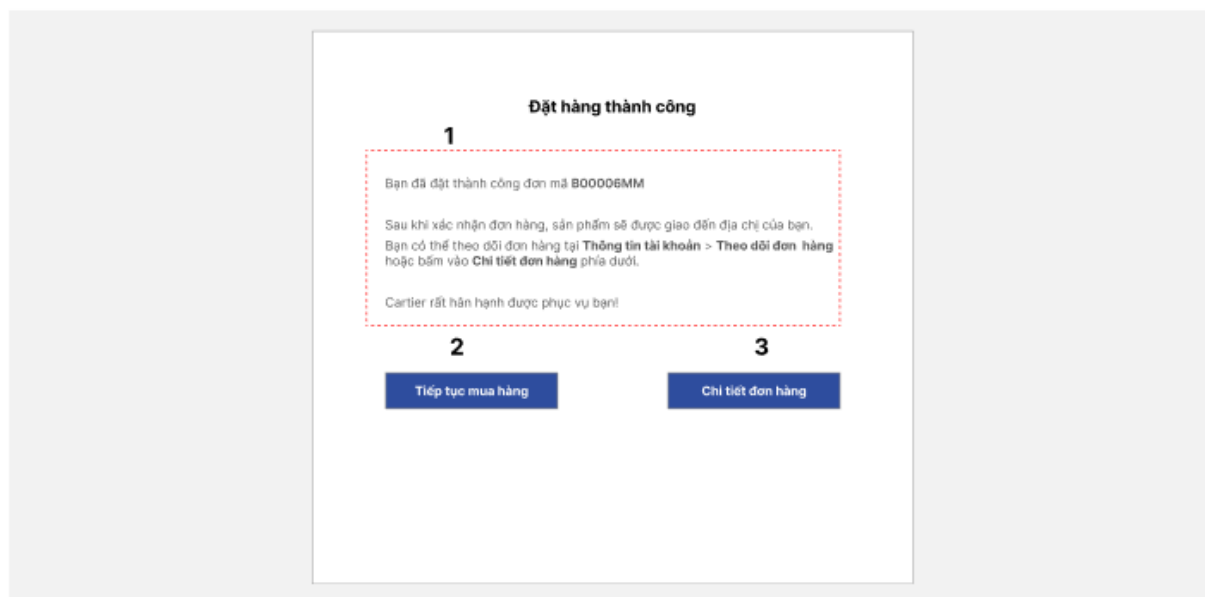


Hình 44. Giao diện Thanh toán thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Thanh toán thành công | Popup | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng đã thanh toán thành công. |
| 2 | Đóng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng popup. |

- Giao diện Đặt hàng thành công

Cartier Shop



Hình 45. Giao diện Đặt hàng thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-------------------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Thông báo đặt hàng thành công | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để thông báo cho người dùng đã đặt hàng thành công |
| 2 | Tiếp tục mua hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng quay về trang chủ cửa hàng. |
| 3 | Chi tiết đơn hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được dùng để người dùng xem lại thông tin đơn hàng, cập nhật tình trạng đơn hàng của mình. |

- Giao diện Phiếu nhập hàng

Cartier Shop

Phiếu nhập hàng

PHIẾU NHẬP HÀNG

1 Mã PNH*

2 Nhà CC*

3 Ngày nhập*

4 Người nhập*

5 Tổng cộng

6 % CK

7 VAT

8 Tiền KM

9 Quyết toán

10 Đã trả

| STT | Tên sản phẩm | DVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------|-----|----------|---------|------------|
| | | | | | 11 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

12 Lưu & in

13 Lưu

14 Hủy

Hình 46. Giao diện Phiếu nhập hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------|------|--------------------------------------|---------------------|----------|---|
| 1 | Mã PNH | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng biết cần thông tin gì trên Phiếu nhập hàng |
| 2 | Nhà CC | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |

| | | | | | | |
|---|------------|----------------------|--|---------------------|----|--|
| 3 | Ngày nhập | Drop down list | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 4 | Người nhập | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 5 | Tổng cộng | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 6 | %CK | Text | Trường nhập liệu không được để trống Dữ liệu nhập vào phải là dạng float | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 7 | VAT | Text | Trường nhập liệu không được để trống Dữ liệu nhập vào | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |

| | | | | | | |
|----|-----------------------|------|--|---------------------|----|--|
| | | | phải là dạng float | | | |
| 8 | Tiền KM | Text | Trường nhập liệu không được để trống Dữ liệu nhập vào phải là dạng float | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 9 | Quyết toán | Text | Trường nhập liệu không được để trống Dữ liệu nhập vào phải là dạng float | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 10 | Đã trả | Text | Trường nhập liệu không được để trống Dữ liệu nhập vào phải là dạng float | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng điền thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 11 | Bảng điền sản phẩm | Text | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập thông tin, |

| | | | | | | |
|----|----------|--------|--|---------------------|----|--|
| | | | | | | số lượng sản phẩm |
| 12 | Lưu & In | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lưu những thông tin trên Phiếu nhập hàng và in ra Phiếu nhập hàng |
| 13 | Lưu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lưu những thông tin trên Phiếu nhập hàng |
| 14 | Hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng hủy những thông tin trên Phiếu nhập hàng |

- Giao diện Phiếu nhập hàng - Lưu thành công

Cartier Shop

PHIẾU NHẬP HÀNG

Mã PNH* 001 Tổng cộng 6750000

Nhà CC* Chanel % CK VAT

Ngày nhập* 05/05/2024 Tiền KM

Người nhập* Nguyễn Văn A Quyết toán

Đã lưu Phiếu nhập hàng

OK 2

| STT | Tên sản phẩm | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------------|---------|------------|
| 1 | Hoa tai cỏ 4 lá | 3750000 | 3750000 |
| 2 | Nhẫn đá phong thủy | 3000000 | 3000000 |

Lưu & in Lưu Hủy

Hình 47. Giao diện Phiếu nhập hàng - Lưu thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Đã lưu Phiếu nhập hàng | Popup | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng biết thông tin trên Phiếu nhập hàng đã được lưu |
| 2 | OK | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng popup thông báo |

- Giao diện Phiếu nhập hàng - Lưu&In thành công

Cartier Shop

PHIẾU NHẬP HÀNG

Mã PNH* 001 Tổng cộng 6750000

Nhà CC* Chanel % CK VAT

Ngày nhập* 05/05/2024 Tiền KM

Người nhập* Nguyễn

Đã in Phiếu nhập hàng

OK

| STT | Tên sản phẩm | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------------|---------|------------|
| 1 | Hoa tai cỏ 4 lá | 25000 | 3750000 |
| 2 | Nhẫn đá phong thủy | 250000 | 3000000 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Lưu & in **Lưu** **Hủy**

Hình 48. Giao diện Phiếu nhập hàng - Lưu&In thành công

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|---------------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Đã Lưu&In Phiếu nhập hàng | Popup | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để thông báo cho người dùng biết Phiếu nhập hàng đã được in |
| 2 | OK | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng đóng popup thông báo |

- Giao diện Tạo đơn hàng

1 Cartier Shop

2 Tạo đơn hàng >

3 Mã DH: **6** Họ tên KH: **9** Email:

4 Ngày giờ: **7** Mã KH: **10** Địa chỉ:

5 Nhân viên: **8** Số điện thoại: **11** Ghi chú:

12

| STT | MaSP | Tên sản phẩm | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------|--------------|----------|-------------|---------|------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |

13 Tổng tiền: **14** **15**

Hình 49. Giao diện Tạo đơn hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------|--------|------------------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại giao diện quản lý cửa hàng |
| 2 | Tạo đơn hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể load lại trang tạo đơn hàng |
| 3 | Mã DH | Text | Trường nhập liệu không | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống tự sinh mã khi tạo đơn hàng mới |

| | | | | | | |
|---|---------------|------|---|---------------------|----|--|
| | | | được để trống | | | |
| 4 | Ngày giờ | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống tự cập nhật ngày giờ khi hoàn tất tạo đơn hàng |
| 5 | Nhân viên | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập tên nhân viên thực hiện tạo đơn hàng |
| 6 | Họ tên KH | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập họ tên khách hàng |
| 7 | Mã KH | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống tự sinh mã KH sau khi bấm lưu thông tin KH thành công |
| 8 | Số điện thoại | Text | Trường nhập liệu không được để trống Số điện thoại hợp lệ là dãy 10 số | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập số điện thoại khách hàng |

| | | | | | | |
|----|-----------------------|------|--|------------------------|----|--|
| 9 | Email | Text | Trường nhập liệu không được để trống Địa chỉ email hợp lệ: example@ gmail.com | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập email khách hàng |
| 10 | Địa chỉ | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập địa chỉ cụ thể số nhà, tên đường |
| 11 | Ghi chú | Text | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập ghi chú (nếu có) |
| 12 | Bảng điền sản phẩm | Text | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập thông tin, số lượng sản phẩm |
| 13 | Tổng tiền | Text | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống tự động tính tổng tiền sau khi điền đầy đủ thông tin các sản phẩm |

| | | | | | | |
|----|-------|--------|--|---------------------|----|---|
| 14 | Lưu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lưu thông tin đơn bán hàng |
| 15 | Thoát | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng thoát khỏi giao diện tạo đơn hàng quay về giao diện quản lý cửa hàng |

- Giao diện Quản lý khách hàng

1 **Cartier Shop**

2 [Quản lý khách hàng >](#)

3 Mã KH: 6 Địa chỉ: 7 Tỉnh: Chọn Quận huyện: Chọn

4 Họ tên: 10 Email: 9 Phường xã: Chọn

5 Số điện thoại: 11 Ghi chú:

12

13

| MaKH | Họ tên | Số điện thoại | Email | Địa chỉ | Ghi chú |
|------|--------|---------------|-------|---------|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |

14 15 16

Hình 50. Giao diện Quản lý khách hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-----------|------|------------|----------|----------|-------------|
|----|-----------|------|------------|----------|----------|-------------|

| | | | | | | |
|---|--------------------|--------|---|---------------------|----|--|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại giao diện quản lý cửa hàng |
| 2 | Quản lý khách hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể load lại quản lý khách hàng |
| 3 | Mã KH | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống tự sinh mã KH sau khi bấm lưu thông tin KH thành công |
| 4 | Họ tên | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập họ tên khách hàng |
| 5 | Số điện thoại | Text | Trường nhập liệu không được để trống Số điện thoại hợp lệ là dãy 10 số | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập số điện thoại khách hàng |

| | | | | | | |
|----|---------------|--------------|--|---------------------|----|---|
| 6 | Địa chỉ | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | | Được sử dụng để người dùng nhập địa chỉ cụ thể số nhà, tên đường |
| 7 | Tỉnh | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn tỉnh |
| 8 | Quận huyện | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn quận huyện |
| 9 | Phường xã | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn phường xã |
| 10 | Email | Text | Trường nhập liệu không được để trống Địa chỉ email hợp lệ: example@ gmail.com | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập email khách hàng |

| | | | | | | |
|----|----------------------|----------------|--|---------------------|----|--|
| 11 | Ghi chú | Text | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập ghi chú (nếu có) |
| 12 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |
| 13 | Danh sách khách hàng | Data Grid View | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống đổ dữ liệu khách hàng vào |
| 14 | Lưu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lưu thông tin đơn bán hàng |
| 15 | Sửa | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để khi người dùng chọn vào khách hàng và được chỉnh sửa thông tin khách hàng |
| 16 | Lịch sử mua hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để khi người dùng chọn vào khách hàng và xem lịch sử mua hàng |

- Giao diện Quản lý khách hàng - Trùng thông tin

Cartier Shop

Quản lý khách hàng >

Mã KH: Địa chỉ: Tỉnh: Quận huyện:

Họ tên: Email: Phường xã:

Số điện thoại: Ghi chú:

1 (*) Số điện thoại đã tồn tại

2 (*) Email đã tồn tại

Tìm kiếm

| MaKH | Họ tên | Số điện thoại | Email | Địa chỉ | Ghi chú |
|------|--------|---------------|-------|---------|---------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |

Lưu Sửa Lịch sử mua hàng

Hình 51. Giao diện Quản lý khách hàng - Trùng thông tin

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------------------|-------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | (*) Số điện thoại đã tồn tại | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi trùng lặp thông tin số điện thoại |
| 2 | (*) Email đã tồn tại | Label | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống báo lỗi trùng lặp thông tin email |

- Giao diện Quản lý khách hàng - Lịch sử mua hàng

1 **Cartier Shop**

2 Quản lý khách hàng > Lịch sử mua hàng > 3

4 Ngày giờ: 21:12:02 1/5/2024

6 Mã KH: 12345

9 Email: dungnhi@gmail.com

5 Nhân viên: Dung

7 Họ tên khách: Dung Nhi

10 Địa chỉ: 12 Chùa Bộc

8 Số điện thoại: 0123456789

11 Ghi chú:

12 Tìm kiếm

13

| STT | MaSP | Tên sản phẩm | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá | Thành tiền | Ngày giờ |
|-----|------|--------------|----------|-------------|---------|------------|----------|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |

14 Chính sửa 15 Lưu

Hình 52. Giao diện Quản lý khách hàng - Lịch sử mua hàng

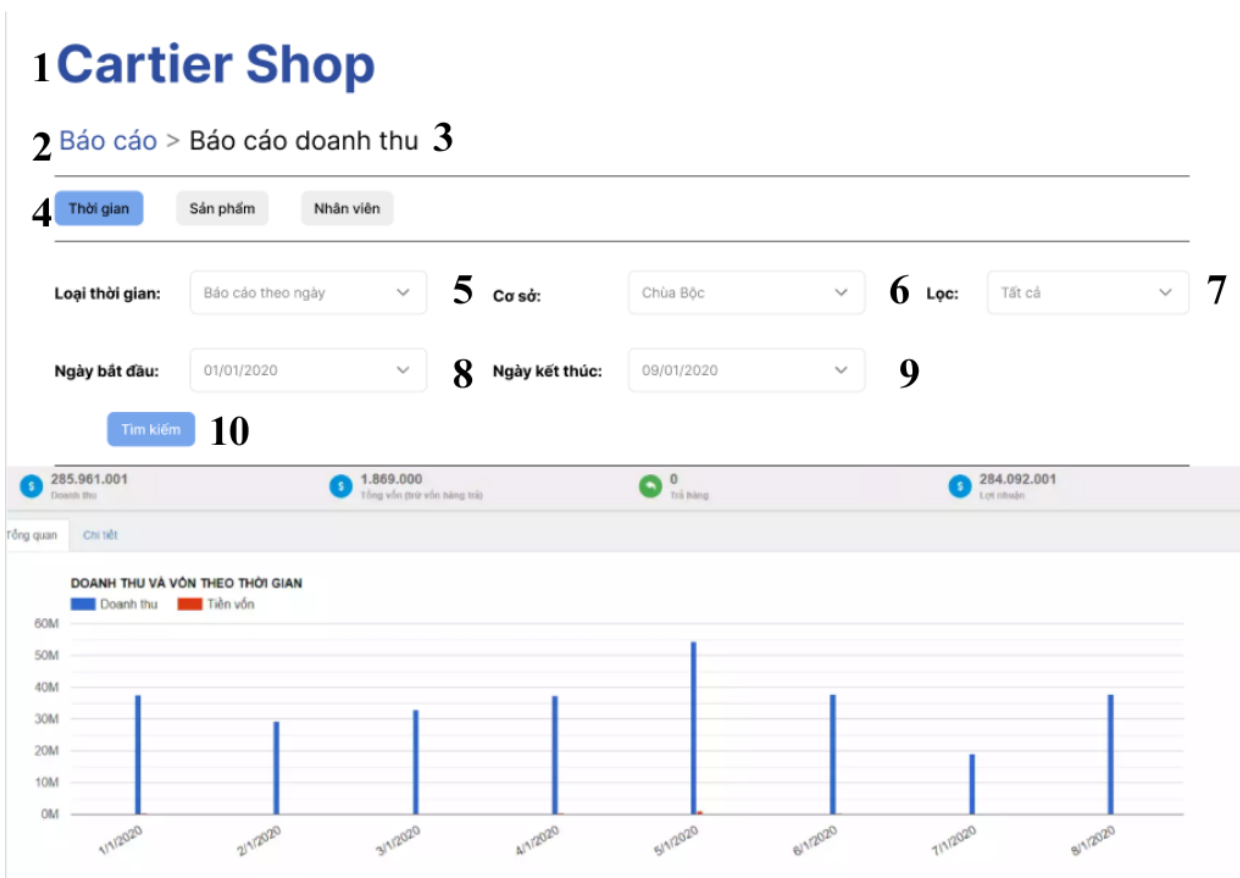
| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|--------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại giao diện quản lý cửa hàng |
| 2 | Quản lý khách hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể quay lại trang quản lý khách hàng |
| 3 | Lịch sử mua hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể tải lại lịch sử mua hàng |

| | | | | | | |
|---|------------------|------|--|---------------------------|----|---|
| 4 | Ngày giờ | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị ngày giờ mua hàng |
| 5 | Nhân viên | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị tên nhân viên thực hiện tạo đơn hàng |
| 6 | Mã KH | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị thông tin mã KH |
| 7 | Họ tên khách | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị thông tin họ tên khách |
| 8 | Số điện thoại | Text | Trường nhập liệu không được để trống Số điện thoại hợp lệ là dãy 10 số | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị số điện thoại khách hàng |
| 9 | Email | Text | Trường nhập liệu không | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập email khách hàng |

| | | | | | | |
|----|----------------------|----------------|---|------------------|----|---|
| | | | được để trống Địa chỉ email hợp lệ: example@gmail.com | | | |
| 10 | Địa chỉ | Text | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị địa chỉ cụ thể số nhà, tên đường, tỉnh, quận huyện, phường xã |
| 11 | Ghi chú | Text | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị ghi chú (nếu có) |
| 12 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm Default value là rỗng. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |
| 13 | Danh sách khách hàng | Data Grid View | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị thông tin, số lượng sản phẩm khách hàng mua và ngày giờ mua |

| | | | | | | |
|----|-----------|--------|--|---------------------|----|--|
| 14 | Chỉnh sửa | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng chọn vào để Được chỉnh sửa thông tin đơn bán hàng |
| 15 | Lưu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lưu thông tin đơn bán hàng sau khi chỉnh sửa |

- Giao diện Báo cáo doanh thu



Hình 53. Giao diện Báo cáo doanh thu

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-------------------|-----------|--------------------------------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại giao diện quản lý cửa hàng |
| 2 | Báo cáo | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể quay lại trang báo cáo |
| 3 | Báo cáo doanh thu | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có tải lại giao diện trang báo cáo doanh thu |
| 4 | Thời gian | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn loại báo cáo doanh thu muốn xem |
| 5 | Loại thời gian | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn kiểu thời gian muốn xem doanh thu |
| 6 | Cơ sở | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn cơ sở muốn xem doanh thu |

| | | | | | | |
|----|---------------|-----------|--------------------------------------|---------------------|----|---|
| 7 | Lọc | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn chế độ xem doanh thu |
| 8 | Ngày bắt đầu | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn ngày bắt đầu muốn xem doanh thu |
| 9 | Ngày kết thúc | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn ngày kết thúc muốn xem doanh thu |
| 10 | Tìm kiếm | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người có thể click vào để hệ thống sinh ra báo cáo doanh thu theo yêu cầu |

- Giao diện Báo cáo quản lý tồn kho

1 Cartier Shop

2 Báo cáo > Báo cáo quản lý tồn kho 3

Cơ sở: **4** Loại sản phẩm: **5** Trạng thái phiên bản sản phẩm: **6**

Thời gian: **7** Sản phẩm: **8**

9 **10**

11 **12** **13** **14** **15**

Tất cả Bình thường Sắp hết hàng Đã hết hàng Số lượng:

Báo cáo quản lý tồn kho 16

| STT | Ảnh sản phẩm | Sản phẩm | Mã sản phẩm | Giá bán | Tồn kho | Giá trị tồn kho |
|-----|--------------|----------|-------------|---------|---------|-----------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |

Hình 54. Giao diện Báo cáo quản lý tồn kho

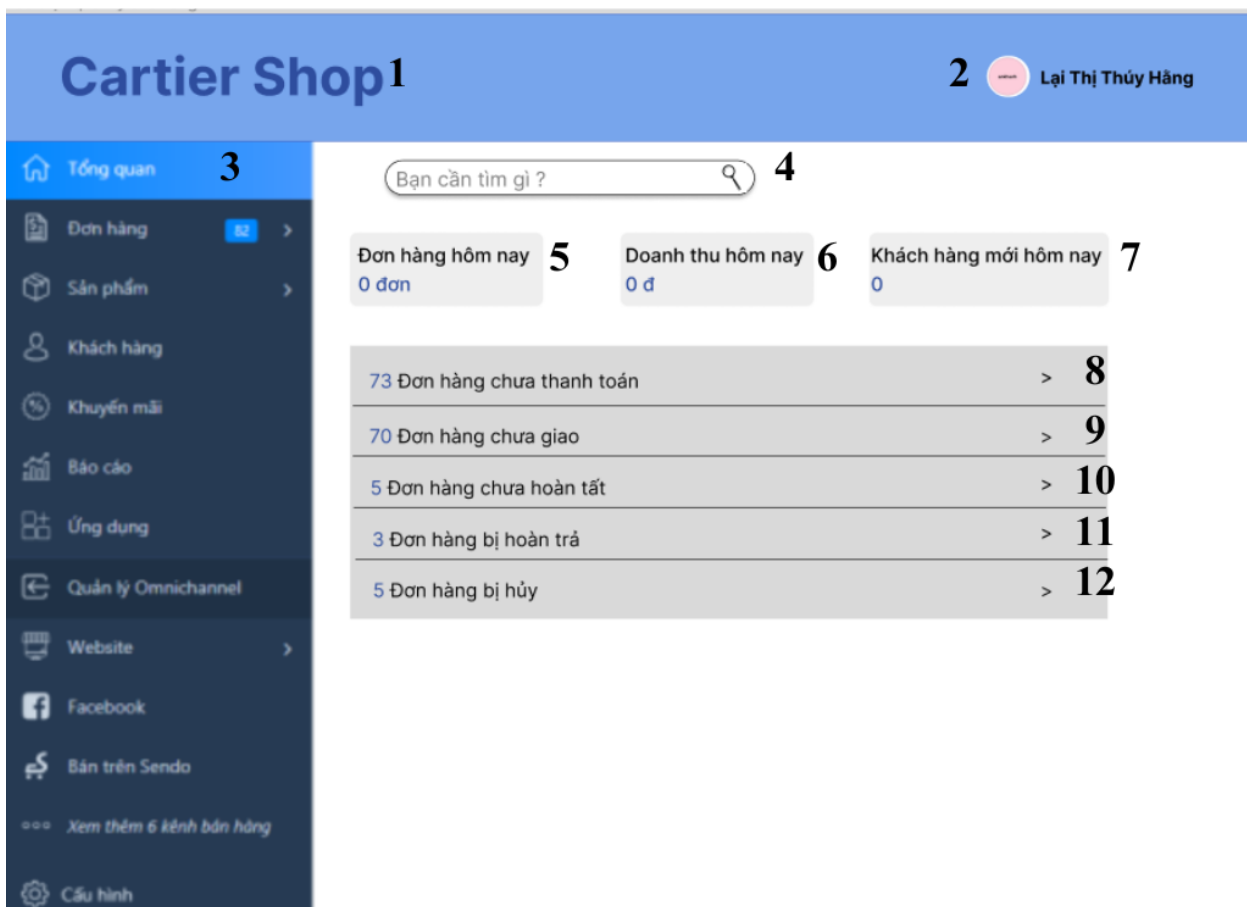
| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|-------------------------|--------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại giao diện quản lý cửa hàng |
| 2 | Báo cáo | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể quay lại trang báo cáo |
| 3 | Báo cáo quản lý tồn kho | Button | | Không thể | Có | Được sử dụng để người dùng có tải lại giao diện trang |

| | | | | | | |
|---|-------------------------------------|--------------|--|------------------------------|----|---|
| | | | | chỉnh sửa | | báo cáo quản lý tồn kho |
| 4 | Cơ sở | Button | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn cơ sở muốn xem quản lý tồn kho |
| 5 | Loại sản phẩm | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn loại sản phẩm muốn xem tồn kho |
| 6 | Trạng thái phiên bản sản phẩm | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn trạng thái phiên bản sản phẩm muốn xem tồn kho |
| 7 | Thời gian | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn thời gian muốn xem tồn kho |
| 8 | Sản phẩm | Combo box | Trường nhập liệu không được để trống | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn sản phẩm muốn xem tồn kho |
| 9 | Xem báo cáo | Combo box | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào và hệ |

| | | | | | | |
|----|--------------|--------|--|---------------------|----|--|
| | | | | | | thống sẽ sinh báo cáo tồn kho |
| 10 | Xuất báo cáo | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào và hệ thống sẽ xuất báo cáo tồn kho dưới dạng excel |
| 11 | Tất cả | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào và chọn lựa trạng thái tồn kho để biết được số lượng |
| 12 | Bình thường | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào và chọn lựa trạng thái tồn kho để biết được số lượng |
| 13 | Sắp hết hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào và chọn lựa trạng thái tồn kho để biết được số lượng |
| 14 | Đã hết hàng | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào và chọn lựa trạng thái tồn kho để biết được số lượng |

| | | | | | | |
|----|-------------------------|----------------|--|---------------------|----|---|
| 15 | Số lượng | Text | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị số lượng theo từng trạng thái hàng tồn kho |
| 16 | Báo cáo quản lý tồn kho | Data Grid View | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để hệ thống hiển thị thông tin, số lượng và giá trị tồn kho của sản phẩm |

- Giao diện Quản lý cửa hàng



Hình 55. Giao diện Quản lý cửa hàng

| ID | Component | Type | Validation | Editable | Required | Description |
|----|------------------|------------|------------|---------------------|----------|--|
| 1 | Cartier Shop | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay lại giao diện chính của nhân viên |
| 2 | Tên tài khoản | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể click vào để quay về giao diện người dùng của họ |
| 3 | Tổng quan | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng có thể lựa chọn chức năng muốn sử dụng trên hệ thống |
| 4 | Thanh tìm kiếm | Search bar | | Có thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng nhập từ khoá để tìm kiếm thông tin trên hệ thống. Default value là rỗng. Có kèm theo tooltips là gợi ý từ khoá. |
| 5 | Đơn hàng hôm nay | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem các đơn hàng phát |

| | | | | | | |
|----|--------------------------|--------|--|---------------------|----|--|
| | | | | | | sinh trong hôm đó |
| 6 | Doanh thu hôm nay | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem doanh thu trong hôm đó |
| 7 | Khách hàng mới hôm nay | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem các khách hàng mới trong hôm đó |
| 8 | Đơn hàng chưa thanh toán | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem danh sách các đơn hàng chưa thanh toán |
| 9 | Đơn hàng chưa giao | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem danh sách các đơn hàng chưa được giao |
| 10 | Đơn hàng chưa hoàn tất | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem danh sách các đơn hàng chưa hoàn tất |
| 11 | Đơn hàng bị hoàn trả | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem danh |

| | | | | | | |
|----|-----------------|--------|--|---------------------|----|---|
| | | | | | | sách các đơn hàng bị hoàn trả |
| 12 | Đơn hàng bị hủy | Button | | Không thể chỉnh sửa | Có | Được sử dụng để người dùng lựa chọn xem danh sách các đơn hàng bị hủy |

9. CÁC YÊU CẦU PHI CHỨC NĂNG

Security

| ID | Mô tả |
|------|--|
| SE01 | Mật khẩu của tài khoản người dùng phải được hash bằng MD5. |
| SE02 | Đối với mã hóa dữ liệu: <ul style="list-style-type: none">- Dữ liệu nhạy cảm cần được mã hóa khi lưu trữ và truyền tải trên mạng để ngăn chặn truy cập trái phép.- Sử dụng mã hóa đối xứng hoặc không đối xứng cho dữ liệu cần bảo mật. |
| SE03 | Đối với bảo vệ chống tấn công: <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống cần có các biện pháp bảo vệ để ngăn chặn và phản ứng với các loại tấn công phổ biến như DDoS, SQL injection, và cross-site scripting.- Sử dụng bộ tường lửa, phát hiện xâm nhập, bộ lọc web, và bảo vệ chống DDoS. |
| SE04 | Đối với giám sát và nhật ký: <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống cần có khả năng giám sát các hoạt động, sự kiện, và lưu lại nhật ký để phát hiện và phản ứng với các hành vi đáng ngờ.- Sử dụng giải pháp giám sát và nhật ký tự động, bao gồm việc theo dõi truy cập, thay đổi cấu hình, và đăng nhập. |

User Interface

| ID | Mô tả |
|------|--|
| UI01 | Sử dụng giao diện tiếng Việt với bộ mã tiếng Việt Unicode. |
| UI02 | Bố cục trình bày dễ xem và dễ sử dụng |
| UI03 | Thiết kế (hệ thống menu, hệ thống trợ giúp,v.v...) đơn giản, đẹp, giao diện nhất quán, dễ dùng, thuận tiện cho người sử dụng |

| | |
|------|---|
| UI04 | Thông tin kết xuất phải chính xác, rõ ràng, đầy đủ |
| UI05 | Có khả năng thông báo lỗi, thông báo tình trạng thay đổi dữ liệu (thành công hay thất bại) đến người dùng khi người dùng sử dụng các thao tác làm thay đổi dữ liệu trên CSDL (thêm, sửa, xóa dữ liệu) |

Maintainability

| ID | Mô tả |
|------|--|
| MT01 | Kiểm tra và tối ưu hóa cấu hình, hoạt động của hệ thống |
| MT02 | Kiểm tra mức độ sử dụng tài nguyên của hệ thống |
| MT03 | Cập nhật các bản sửa lỗi hoặc nâng cấp (nếu có) của phần mềm |
| MT04 | Cảnh báo nguy cơ tiềm ẩn và phải pháp khắc phục (nếu có) |

Performance

| ID | Mô tả |
|------|--|
| PF01 | <p>Đối với hiệu suất hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phải xử lý các yêu cầu từ người dùng một cách nhanh chóng, trong khoảng thời gian không quá 2 giây. - Số lượng người dùng tối đa đồng thời không quá 100 người mỗi lúc. - Hệ thống phải có khả năng mở rộng để chịu được tải cao hơn trong tương lai, ví dụ, ít nhất 500 người dùng đồng thời. - Thời gian phản hồi cho các yêu cầu phải duy trì ổn định ngay cả trong điều kiện tải cao. |
| PF02 | <p>Đối với tương tác người dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao diện phải được tối ưu hóa để tương tác một cách mượt mà và nhanh chóng. |

| | |
|--|---|
| | - Thời gian tải trang và thực hiện các hành động phải được giữ trong khoảng thời gian chấp nhận được, không quá 3 giây cho mỗi trang. |
|--|---|

Usability

| ID | Mô tả |
|------|---|
| US01 | <p>Đối với trải nghiệm người dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao diện phải được thiết kế sao cho dễ sử dụng và dễ hiểu. - Phản hồi từ hệ thống phải rõ ràng và dễ hiểu, không gây nhầm lẫn cho người dùng. - Hệ thống phải hỗ trợ việc điều hướng và tương tác một cách tự nhiên, không gây khó khăn cho người dùng. |
| US02 | <p>Đối với tương tác người dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nút và điều hướng phải được đặt ở vị trí dễ tìm và dễ tiếp cận trên giao diện. - Thao tác thực hiện trên giao diện phải được thực hiện một cách trực quan và hiệu quả, không gây hiểu lầm hoặc phải tìm kiếm quá nhiều. |

Safety

| ID | Mô tả |
|------|---|
| SF01 | <p>Đối với an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phải đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu cá nhân của người dùng. - Phải có các biện pháp an toàn để ngăn chặn truy cập trái phép và tấn công từ bên ngoài. - Cần thiết lập các quy trình và biện pháp để giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng và môi trường. |
| SF02 | <p>Đối với bảo mật dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu cá nhân của người dùng phải được mã hóa và bảo vệ đúng cách để tránh rò rỉ thông tin. |

| | |
|--|--|
| | - Cơ chế xác thực và kiểm soát truy cập phải được triển khai để chỉ cho phép người dùng được quyền truy cập vào dữ liệu phù hợp. |
|--|--|

Availability

| ID | Mô tả |
|-----|--|
| AB1 | <p>Đối với sao lưu dự phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có các biện pháp sao lưu dự phòng để đảm bảo rằng dữ liệu quan trọng và cấu hình hệ thống được lưu trữ an toàn và có thể khôi phục khi cần thiết. - Tạo sao lưu định kỳ, sao lưu tự động, lưu trữ sao lưu ở vị trí an toàn ngoài hệ thống chính. |
| AB2 | <p>Đối với Phân phối tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có khả năng phân phối tải để phân phối gánh nặng làm việc và tăng khả năng chịu tải của hệ thống. - Sử dụng các máy chủ đa vùng, cân bằng tải, và các kỹ thuật phân phối tải để chia sẻ gánh nặng làm việc trên nhiều máy chủ. |
| AB3 | <p>Đối với Giám sát hệ thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có các công cụ và quy trình giám sát để theo dõi hoạt động và hiệu suất của hệ thống, đồng thời phát hiện sớm các sự cố có thể ảnh hưởng đến tính sẵn sàng. - Sử dụng các công cụ giám sát tự động, cảnh báo sự cố, và ghi nhật ký để theo dõi hoạt động của hệ thống. |
| AB4 | <p>Đối với khôi phục sau sự cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có kế hoạch và quy trình khôi phục sau sự cố để nhanh chóng khắc phục sự cố và phục hồi hoạt động của hệ thống. - Thực hiện các kế hoạch khôi phục sau sự cố, kiểm tra và kiểm soát quy trình khôi phục, và lập kế hoạch thường xuyên kiểm tra và cập nhật kế hoạch. |

Audit

| ID | Mô tả |
|-----|---|
| AD1 | <p>Đối với Kiểm tra và giám định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có quy trình và công cụ để kiểm tra và giám định các quy trình, chính sách, và hoạt động của hệ thống để đảm bảo tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn. - Thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm định bởi các chuyên gia hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ để đảm bảo tuân thủ quy định. |
| AD2 | <p>Đối với bảo vệ dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có các biện pháp bảo vệ dữ liệu để đảm bảo rằng dữ liệu quan trọng và nhạy cảm được bảo vệ khỏi truy cập trái phép hoặc sửa đổi. - Sử dụng mã hóa dữ liệu, quản lý quyền truy cập, và giám sát hoạt động truy cập để bảo vệ dữ liệu. |
| AD3 | <p>Đối với Báo cáo và đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cần có khả năng tạo ra các báo cáo và đánh giá về hoạt động của hệ thống để phục vụ cho mục đích kiểm toán và phân tích. - Phát triển các báo cáo và đánh giá tự động để theo dõi hoạt động của hệ thống và cung cấp thông tin cho các bộ phận quản lý và kiểm toán. |

External interface

| ID | Mô tả |
|------|--|
| EI01 | Tương thích với các tiêu chuẩn và giao thức phổ biến để đảm bảo tính tương thích và khả năng tương tác với các hệ thống khác |
| EI02 | Cung cấp các biện pháp bảo mật cần thiết để tránh truy cập trái phép |
| EI03 | Đáp ứng hiệu suất và tốc độ để đảm bảo thời gian phản hồi nhanh chóng và đem lại trải nghiệm tốt cho người dùng |

| | |
|------|--|
| EI04 | Dữ liệu và trạng thái trả về từ giao diện bên ngoài được duy trì nhất quán để tránh sự xung đột hoặc thông tin không chính xác |
|------|--|

Installability

| ID | Mô tả |
|------|--|
| IS01 | Đối với quy trình cài đặt: Quy trình cài đặt được thiết kế để người dùng hoàn thành một cách dễ dàng và không gặp trở ngại |
| IS02 | Đối với quy trình gỡ cài đặt: Quy trình gỡ cài đặt được cung cấp để người dùng dễ dàng gỡ bỏ hệ thống một cách an toàn và sạch sẽ khi cần thiết |

Accessibility

| ID | Mô tả |
|------|---|
| AC01 | Hỗ trợ đa phương tiện như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video |
| AC02 | Cung cấp các cơ chế điều hướng dễ dàng để người dùng có thể dễ dàng di chuyển và tương tác với các phần của giao diện |
| AC03 | Phản hồi trực quan và âm thanh để thông báo cho người dùng về các hành động của họ trên hệ thống |
| AC04 | Đối với người dùng là khách hàng: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ truy cập trên nhiều loại thiết bị khác nhau như điện thoại, ipad, máy tính - Hỗ trợ truy cập từ thiết bị có hệ điều hành khác nhau như Android, IOS, Windows,... |

Extensibility

| ID | Mô tả |
|------|---|
| ET01 | Cấu hình hệ thống linh hoạt để người quản trị có thể tinh chỉnh và điều chỉnh hệ thống một cách dễ dàng |
| ET02 | Hỗ trợ tích hợp với các dịch vụ và hệ thống bên thứ ba thông qua các giao diện chuẩn hoặc cơ chế tích hợp |
| ET03 | Kiến trúc hệ thống linh hoạt, dễ mở rộng để có thể tích hợp và triển khai các tính năng mới một cách dễ dàng và không gây ảnh hưởng đến hệ thống hiện tại |

Online manual

| ID | Mô tả |
|------|---|
| OM01 | Hướng dẫn trực tuyến để tìm kiếm và điều hướng để người dùng dễ dàng tìm thấy thông tin mà họ cần |
| OM02 | Hướng dẫn trực tuyến luôn được cập nhật liên tục về các tính năng, cập nhật và thay đổi trên hệ thống |
| OM03 | Cung cấp hướng dẫn chi tiết và hình ảnh minh họa trực quan để người dùng hiểu rõ về cách sử dụng hệ thống |
| OM04 | Hỗ trợ nhiều ngôn ngữ |
| OM05 | Cung cấp cơ chế tương tác để người dùng dễ dàng đưa ra phản hồi và nhận được hỗ trợ khi gặp vấn đề trong quá trình sử dụng hệ thống |

Integrity

| ID | Mô tả |
|------|---|
| IT01 | <p>Bảo vệ dữ liệu:</p> <p>Đảm bảo rằng dữ liệu trên hệ thống được lưu trữ và truyền tải một cách an toàn và không bị truy cập hoặc thay đổi bởi các bên không ủy quyền.</p> |
| IT02 | <p>Kiểm soát truy cập:</p> <p>Quản lý quyền truy cập vào dữ liệu và chức năng để chỉ những người ủy quyền mới có thể truy cập và sửa đổi dữ liệu.</p> |
| IT03 | <p>Ghi nhật ký (Logging):</p> <p>Ghi lại các hoạt động của hệ thống và dữ liệu một cách toàn vẹn và có thể xác minh, cho phép theo dõi và phát hiện các hoạt động không mong muốn hoặc được ủy quyền.</p> |

10. CÁC YÊU CẦU TRIỂN KHAI

| ID | Mô tả |
|------|---|
| ID01 | <p>Xác định và chuẩn bị nguồn tài nguyên:</p> <p>Xác định danh sách nguồn nhân lực và phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi người. Chuẩn bị các tài liệu và tài nguyên cần thiết để họ hoàn thành công việc của mình.</p> |
| ID02 | <p>Lập kế hoạch chuyển giao:</p> <p>Tạo một lịch trình chính xác với các bước cụ thể và thời hạn hoàn thành. Phân bổ nguồn lực cho mỗi bước trong quá trình chuyển giao và xác định trách nhiệm của từng cá nhân hoặc nhóm.</p> |
| ID03 | <p>Thiết lập môi trường mới:</p> <p>Cài đặt và cấu hình phần mềm mới trên môi trường mới. Kiểm tra tính ổn định và tương thích của hệ thống với môi trường mới, bao gồm cả cấu hình phần cứng và phần mềm.</p> |
| ID04 | <p>Đào tạo người dùng cuối:</p> <p>Phát triển và triển khai chương trình đào tạo dựa trên các tình huống thực tế và các tính năng cụ thể của sản phẩm. Đảm bảo rằng người dùng cuối hiểu được cách sử dụng sản phẩm và có thể áp dụng kiến thức vào công việc thực tế.</p> |
| ID05 | <p>Kiểm tra và đánh giá:</p> <p>Thực hiện các bài kiểm tra chất lượng để đảm bảo rằng sản phẩm được chuyển giao đáp ứng các tiêu chí chất lượng và yêu cầu cụ thể. Tiến hành đánh giá từ người dùng cuối và các bộ phận liên quan để thu thập phản hồi và đề xuất cải tiến.</p> |
| ID06 | <p>Triển khai và giám sát:</p> <p>Tiến hành triển khai sản phẩm mới trên môi trường sản xuất hoặc đang sử dụng. Sử dụng các công cụ giám sát để theo dõi hoạt động của hệ thống và phản ứng kịp thời đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh. Tiếp tục cung cấp hỗ trợ và bảo trì cho người dùng cuối và hệ thống sau khi triển khai.</p> |

PHỤ LỤC

Phụ lục A – Danh mục các quy tắc nghiệp vụ

| | |
|-----------------------|--|
| Tên quy tắc | Nhập hàng khi số lượng còn ít |
| Mã định danh | BR1 |
| Mô tả | Hệ thống gửi thông báo nhắc nhở nhập hàng nếu số lượng hàng trong kho ít hơn 10 |
| Ví dụ | Nếu sản phẩm “Hoa tai cỏ bốn lá” có số lượng trong kho là 2, hệ thống sẽ gửi thông báo “Sản phẩm SP111 “Hoa tai cỏ bốn lá” còn 2 sản phẩm. Vui lòng nhập thêm hàng.” |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|-----------------------|--|
| Tên quy tắc | Hiển thị sản phẩm tương tự sau khi đã mua |
| Mã định danh | BR2 |
| Mô tả | Hệ thống sử dụng dữ liệu về lịch sử mua hàng của khách hàng để gợi ý các sản phẩm tương tự hoặc phù hợp khi họ đang duyệt trang web. |
| Ví dụ | Khi đăng nhập vào trang web và lướt xem các sản phẩm, hệ thống sẽ ưu tiên hiển thị các sản phẩm tương tự như sản phẩm đã mua trước đó. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|-----------------------|--|
| Tên quy tắc | Đề xuất sản phẩm thường mua chung hoặc thay thế |
| Mã định danh | BR3 |
| Mô tả | Hệ thống đề xuất các sản phẩm tương tự hoặc các sản phẩm có thể mua chung với sản phẩm đã chọn. |
| Ví dụ | Khi khách hàng chọn sản phẩm “Hoa tai cỏ bốn lá”, hệ thống sẽ hiển thị bên dưới mô tả các sản phẩm như “Hoa tai cúc họa mi”, “Lắc tay cỏ bốn lá”,... |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|-----------------------|--|
| Tên quy tắc | Giảm giá tự động |
| Mã định danh | BR4 |
| Mô tả | Hệ thống áp dụng các quy tắc giảm giá tự động dựa trên điều kiện nhất định, như số lượng sản phẩm trong giỏ hàng, tổng giá trị đơn hàng, hoặc mã giảm giá. |
| Ví dụ | Giảm 10% (tối đa 100k) cho đơn hàng có trên 5 sản phẩm Khách hàng A đặt hàng có giá trị là 600k, hệ thống tự động giảm giá 5% cho đơn hàng này. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|-------------|--|
| Tên quy tắc | Thông báo cập nhật đơn hàng cho khách hàng |
|-------------|--|

| | |
|-----------------------|---|
| Mã định danh | BR5 |
| Mô tả | Hệ thống tự động gửi thông báo đến khách hàng về trạng thái của đơn hàng của họ sau mỗi bước tiến trình, bao gồm xác nhận đơn hàng, trạng thái vận chuyển và dự kiến giao hàng. |
| Ví dụ | Hệ thống gửi email thông báo cho khách hàng khi đơn hàng của họ được xác nhận và khi đơn hàng đang được vận chuyển. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|-----------------------|---|
| Tên quy tắc | Quy tắc phân loại khách hàng |
| Mã định danh | BR6 |
| Mô tả | Hệ thống tự động phân loại khách hàng thành các nhóm dựa trên hành vi mua hàng, ví dụ: khách hàng thường xuyên, khách hàng VIP, khách hàng mới. |
| Ví dụ | Khách hàng B đã thực hiện hơn 5 đơn hàng trong tháng, hệ thống tự động phân loại là khách hàng thường xuyên. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|--------------|---|
| Tên quy tắc | Quy tắc tự động gửi email xác nhận đơn hàng |
| Mã định danh | BR7 |

| | |
|-----------------------|---|
| Mô tả | Hệ thống tự động gửi email xác nhận đến khách hàng ngay sau khi họ hoàn thành việc đặt hàng trực tuyến. |
| Ví dụ | Sau khi khách hàng A hoàn tất việc đặt hàng trên website, hệ thống sẽ tự động gửi email xác nhận đến địa chỉ email đã đăng ký của khách hàng. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|-----------------------|--|
| Tên quy tắc | Quy tắc tự động gửi email thông báo khách hàng đánh giá đơn hàng |
| Mã định danh | BR8 |
| Mô tả | Hệ thống tự động gửi email thông báo đến khách hàng sau khi họ nhận hàng 1 ngày mà chưa đánh giá. |
| Ví dụ | 1 ngày sau khi khách hàng A nhận hàng nhưng chưa đánh giá, hệ thống sẽ tự động gửi email thông báo đến địa chỉ email đã đăng ký của khách hàng: “Bạn có đơn hàng chưa đánh giá, hãy kể về trải nghiệm mua hàng và sử dụng sản phẩm bạn nhé!” |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |

| | |
|--------------|-----------------------------------|
| Tên quy tắc | Quy tắc đánh giá sau khi mua hàng |
| Mã định danh | BR9 |

| | |
|-----------------------|--|
| Mô tả | Hệ thống chỉ cho phép khách hàng đánh giá về sản phẩm khi đã mua sản phẩm đó. |
| Ví dụ | Sau khi khách hàng A nhận hàng trên website, hệ thống sẽ cho phép và khuyến khích khách hàng để lại đánh giá về sản phẩm đó. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | BR8 |

| | |
|-----------------------|--|
| Tên quy tắc | Quy tắc tự động phản hồi đánh giá của khách hàng |
| Mã định danh | BR10 |
| Mô tả | Hệ thống tự động gửi phản hồi cho khách hàng khi nhận được đánh giá từ khách hàng. |
| Ví dụ | Sau khi khách hàng mua sản phẩm có để lại đánh giá 5 sao về sản phẩm thì hệ thống sẽ tự động gửi phản hồi “Cartier xin cảm ơn bạn rất nhiều. Mong rằng bạn sẽ mua sắm nhiều thật nhiều tại Cartier nha <3” |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | BR8, BR9 |

| | |
|--------------|--|
| Tên quy tắc | Quy tắc tự động tạo mã giảm giá cho khách hàng mới |
| Mã định danh | BR11 |
| Mô tả | Hệ thống tự động tạo mã giảm giá cho khách hàng mới đăng |

| | |
|-----------------------|--|
| | ký tài khoản hoặc đăng ký nhận thông tin từ cửa hàng. |
| Ví dụ | Sau khi khách hàng mới đăng ký tài khoản trên website của cửa hàng, hệ thống sẽ tự động tạo mã giảm giá và gửi đến email đăng ký của khách hàng. |
| Nguồn | Nội bộ doanh nghiệp |
| Các quy tắc liên quan | Không có |